BnF Gallica

Đai-nam quôc su diên ca. [Fasc. 2] / [cua] Lê Ngô Cát và Pham Đình Toái ; tua và dân cua Hoàng Xuân Hãn

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BnF Gallica

Lê, Ngô Cát. Auteur du texte. Đai-nam quôc su diên ca. [Fasc. 2] / [cua] Lê Ngô Cát và Pham Đình Toái ; tua và dân cua Hoàng Xuân Hãn. 1949.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter **utilisation.commerciale@bnf.fr**.

EXPLOITATION DE LA REGIE DU DEPOT LEGAL • IDEO • HANOI •
N° E. 2121

LÊ NGÔ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOÁI

ĐẠI-NAM
QUỐC-SỬ DIỄN-CA

Quyển II

Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn

TỰA và DẪN
CỦA
HOÀNG XUÂN-HÃN

LOẠI VĂN CỔ

SÔNG NHỊ
HÀ-NỘI

1876

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

ĐẠI - NAM
QUỐC - SỬ DIỄN - CA

Quyển II

Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn

Nền bìa

Là bia lăng Lê-Lợi do Nguyễn-Trãi soạn năm 1433

16° Indoch.
1876

Loại Văn Cổ

Quốc-văn của ta ngày xưa có phần thất-lạc, có phần còn lưu-truyền được đến nay. Phần còn lưu-truyền hay bị người sau làm sai suyễn; tác-giả và gốc-tích có khi không tường ; những chỗ khó hay nghi ngờ lại không được giải-thích.

Mục-đích tùng-san này là tìm cách bổ-cứu những khuyết-điểm ấy.

NHÀ XUẤT-BẢN SÔNG-NHỊ

Nhà xuất-bản Sông-Nhị giữ bản-quyền 1949

LÊ NGÔ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOẢI

ĐẠI-NAM
QUỐC-SỬ DIỄN-CA

Quyển II

Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn

TỰA và DẪN
CỦA
HOÀNG XUÂN-HÃN

LOẠI VĂN CỔ

SÔNG NHỊ

HÀ-NỘI

Bản Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca này do ông Hoàng Xuân-Hãn phiên âm theo đúng nguyên-văn chữ nôm bản khắc năm 1870. Vì thế có nhiều chữ khác với các bản quốc-ngữ đã in ra từ trước tới nay.

Trong nguyên-bản, bài ca không chia ra từng đoạn từng mục, và có lời giải bằng Hán-văn.

Nhưng lời giải ấy có chỗ thì quá vụn vặt, có chỗ thì quá sơ-lược, có chỗ thì sai hẳn chính-sử.

Nhà xuất bản soạn riêng lời giải để ước-lược, bổ-khuyết và đính-chính; lại chia bài ca ra từng phần, từng đoạn, từng mục để tiện việc tra-cứu.

Ông Vũ-Đăng-Châu đã giúp nhà xuất-bản trong việc phân đoạn, chú-thích và soạn lời giải.

NHÀ XUẤT-BẢN

Mục-lục

(Quyển thứ hai)

PHẦN THỨ TƯ

Thời-kỳ phát-triển

(Từ thế-kỷ 11 đến đầu thế-kỷ 19)

Đoạn thứ mười : NHÀ LÝ *(1010 – 1225)*

1 – Lý Thái-Tổ 11
2 - Lý Thái-Tông bình Nùng phục Chiêm 11
3 – Lý Thái-Tông, một ông vua nhân-dũng 15
4 Bà Ỷ-Lan nhiếp-chính 16
5 – Lý Thường-Kiệt bại Chiêm phá Tống 17
6 – Lý Thần-Tông khuyến-khích việc nông 20
7 – Đỗ Anh-Vũ lộng-quyền 21
8 - Tài kinh-quốc của Tô Hiến Thành 22
9 – Lý Cao-Tông thất-chính 24
10 – Quách-Bốc chiếm kinh-thành 25
11 – Họ Trần giúp vua Lý 25
12 – Lý Huệ-Tông phát điên 27
13 – Lý Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng 28

Đoạn mười một : NHÀ TRẦN *(Thời - kỳ thịnh : 1226 — 1340)*

1 – Những việc cải-cách đầu tiên 30
2 – Văn-học và võ-công 31
3 – Phong-tục đời Trần 33
4 – Đức-độ và chính-trị của Trần Thánh-Tông 34
5 – Trần Hưng-Đạo phá Mông-cổ 36
6 – Anh-Tông và Minh-Tông 39
7 – Việc đánh dẹp về đời Hiến-Tông 40

Đoạn mười hai : NHÀ TRẦN *(Thời-kỳ suy : 1341 - 1400)*

1—Nhà Trần bắt đầu suy 42
2—Dương Nhật-Lễ tiếm-vị 44
3—Chiêm-thành xâm-nhiễu 45
4—Lê Quý-Ly phế-lập 47

Đoạn mười ba : NHÀ HỒ VÀ GIẶC MINH *(1400—1418)*

1—Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần 49
2—Quân Minh diệt nhà Hồ 50
3—Trần Giản-Định chống Minh 51
4—Trần Trùng-Quang chống Minh 52
5—Giặc Minh chiếm toàn cõi Đại-Việt 53
6—Chính-sách nhà Minh 54

Đoạn mười bốn : NHÀ HẬU LÊ *(Thời-kỳ thống nhất : 1418 — 1526)*

1—Lê Thái-Tổ phá giặc Minh 56
2—Nhà Lê kiến-quốc 58
3—Lê-Nghi-Dân cướp ngôi 60
4—Thời-kỳ toàn-thịnh : Lê-Thánh-Tông 61
5—Nhà Lê bắt đầu suy 63
6—Loạn Trần-Cảo và Trịnh-Duy-Sản 65
7—Chính-quyền tan-rã 66
8—Mạc-Đăng-Dung chuyên-quyền 68

Đoạn mười lăm : NHÀ MẠC *(1527—1592)*

1—Ngoại-giao và nội-chính của Mạc-Đăng-Dung 70
2—Nguyễn-Kim khởi-nghĩa phù Lê 72
3—Trịnh-Kiểm tiến quân ra bắc 74
4—Nguyễn-Hoàng vào Hóa-châu 75
5—Trịnh-Mạc phân-tranh 76
6—Trịnh-Tùng chấp chính 77
7—Trịnh-Tùng diệt Mạc 79

Đoạn mười sáu : LÊ TRUNG-HƯNG : *vua Lê chúa Trịnh (I*

(1593–1729

1—Buổi đầu giao-thiệp với Trung-Hoa 81
2—Trịnh-Tùng xưng chúa 82
3 - Trịnh-Tráng tăng quyền phủ chúa 84
4—Trịnh-Tạc đánh Nguyễn và Mạc 86
5—Trịnh-Căn và nhà Thanh 88
6—Triều thần nhà Lê 90
7—Những việc cải-cách về thời Trịnh-Cương 91

Đoạn mười bảy : LÊ SUY : *vua Lê chúa Trịnh (II)*

(1729 — 1782)

1—Chính-sách đối-ngoại của Trịnh-Giang 95
2—Sự loạn-lạc ở Bắc-hà 97
3—Trịnh-Doanh và Lê Hiển-Tông 97
4—Trịnh-Doanh và Trịnh-Sâm dẹp loạn 99
5—Trịnh-Sâm đánh chúa Nguyễn 102
6—Trịnh-Sâm hỏng mưu thoán-đoạt 104
7—Đặng-thị-Huệ lộng-quyền 106

Đoạn mười tám : CUỐI ĐỜI NHÀ LÊ : *vua Lê chúa Trịnh (III)*

(1783—1786)

1—Loạn kiêu binh ở kinh-thành 108
2—Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ nhất 109
3—Chúa Trịnh-Khải bị bắt 111
4—Nguyễn-Huệ trả quyền Lê-Hiển-Tông 113
5—Quân Tây-Sơn rút về Nam 115
6 Triền-đình vua Lê Chiêu-Thống 116
7—Nguyễn-Hữu-Chỉnh chuyên-quyền 118

Đoạn mười chín : NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN *(1787 — 1802)*

1—Quân Tây-sơn ra Bắc lần thứ hai 120

2—Lê Chiêu-Thống chạy 121
3—Nguyễn-Huệ đặt chức Giám-quốc ở Bắc-hà 123
4—Quân nhà Thanh sang nước ta 124
5—Triều-đình thời Lê-mạt 126
6—Quang-Trung đại-phá quân Thanh 127
7—Cuộc lưu-vong của Lê-Chiêu-Thống 128
8—Tổng - kết 132
BẢN ĐỒ VIỆT-NAM (phụ-bản)

PHẦN THỨ TƯ

THỜI-KỲ PHÁT-TRIỂN

(Từ thế-kỷ 11 đến đầu thế-kỷ 19)

ĐOẠN THỨ MƯỜI

NHÀ LÝ

(1010 — 1225)

1. — Lý - Thái - Tổ

Bắc - giang [1] trời mở thánh - minh, [2]
Lý - Công tên Uẩn nhân-tình đới-suy. [3]
Lè-triều làm chức chỉ-huy,
Lũ Đào-Cam-Mộc ứng-kỳ [4] phù lên.
Đầu năm cải-hiệu [5] Thuận-thiên,
Thăng-long mới đổi đặt tên kinh-thành.
Định ra thuế-lệ phân-minh,
Túc-xa quản-giáp [6] quàn-danh cũng tường.
Hỗn-đồng [7] một mối phong-cương, [8]
Hai mươi bốn lộ các đường mới chia. [9]
Cử-long sấm dậy binh-uy, [10]

---

1. -- CHÚ-THÍCH. -- 1. -- **Bắc giang** : tên cũ chỉ Kinh - bắc trong có tỉnh Bắc-ninh bây giờ. --2. **Thánh-minh** : thánh-chúa, vua sáng suốt -- 3. **Nhân-tình đới-suy** : lòng người quý mến mà tôn lên -- 4. **Ứng-kỳ** : hợp lúc -- 5. **Cải hiệu** : đổi tên năm -- 6. **Túc xa quản-giáp** : Lý-Thái-Tổ đặt ra quàn gọi là Túc-xa, mỗi quàn chia ra nhiều giáp, mỗi giáp giao cho một người quản-lĩnh -- 7. **Hỗn-đồng** hợp làm một -- 8. **Phong cương** : bờ cõi -- 9. **Lộ** : Lý-Thái-Tổ chia nước làm 24 lộ (cũng như tỉnh ngày nay) -- 10. **Binh-uy** : uy-thế của quân.

Diễn-châu [11] gió động tinh-kỳ thân-chinh. [12]
Biện-loan [13] gặp lúc hối-minh, [14]
Hương-nguyền [15] cảm cách, sóng kinh [16] cũng êm.
Bốn phương trong trị, ngoài nghiêm,
Chiêm-thành, Chân-lạp xa đem cung-cầu. [17]
Ngựa man sang tiến Bắc-triều,
Tống-hoàng ban-thưởng quan-bào [18] thêm vinh. 830
Vì hay đạo học tinh-minh, [19]
Đế-vương sự-nghiệp nước mình ai hơn?
Cớ sao tin-hoặc [20] dị-đoan,
Say vui đạo Phật, lưu-liên cảnh chùa?
Để cho dân tục tranh đua,
Ni-cô [21] nối gót, tăng-đồ [22] chen vai.

---

11. **Diễn-châu** : thuộc Nghệ-an bây giờ - 12. **Tinh-kỳ thân-chinh:** cờ vua chính thân đi đánh giặc -- 13. **Biện-loan** : tên riêng một cửa bể thuộc tỉnh Thanh-hóá - 14. **Hối-minh** : sầm tối -- 15. **Hương-nguyền** hương đốt để cầu-nguyện --16. **Sóng kinh** : sóng to -- 17. **Cung-cầu** : cống-hiến tỏ sự thần-phục -- 18. **Quan-bào** : quan là mũ, bào là áo, dành riêng cho vua và các quan to .-- 19 **Đạo học tinh-minh** : sáng suốt về việc học -- 20. **Tín-hoặc**: lầm tin —21. **Ni-cô** : sư nữ —22. **Tăng-đồ**: sư, người tu đạo Phật.

1. — Lời-giải. — *Lý-Công-Uẩn người làng Cổ-Pháp, nay là làng Đình-Bảng, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh. Giữ chức Điện-tiền-chỉ-huy-sứ dưới triều Lê. Khi Lê-Ngọa-Triều mất, bọn Đào-Cam-Mộc tôn lên làm vua. Đó là Lý-Thái-Tổ.*

Thái-tổ đổi niên hiệu là Thuận-thiên, dời kinh - đô từ Hoa-Lư về Đại - la, đổi tên thành ra là Thăng - long (nay là tỉnh Hà-nội) (1010). Thái - Tổ lại đặt lệ - luật về thuế - khóa, chia nước ra làm 24 lộ để cai-trị và tổ - chức quân-đội.

Bởi vì sinh cửa Như - lai, [22]
Tiêu-sơn [23] từ thuở anh - hài [24] mới ra.
Sóng tình chìm nổi ái-hà, [25]
Chín ngôi hoàng-hậu, phép nhà cũng sai. 840
Tự mình đã dựng lệ-giai, [26]
Khiến nên con cái, thêm bài tương-tranh. [27]

Thái - Tổ dẹp giặc ở đất Cử - long (thuộc tỉnh Thanh-hóa) và ở Diễn-châu (thuộc Nghệ-an).

Tục - truyền khi về cửa Biện - loan (nay thuộc phủ Tĩnh - gia Thanh - hóa) thì giời đất u-ám, nổi sóng gió. Thái - Tổ thắp hương cầu - khẩn thì sóng gió lại im. Những chuyện hoang - đường như thế, về thời Lý, rất nhiều.

Sau Thái-Tổ lại đánh dẹp giặc Hạc-xác từ Vân-nam kéo tới vùng Kim-hoa-bộ (nay thuộc huyện Kim - anh, tỉnh Phúc-yên).

Ngài sai đem ngựa mán sang cống nhà Tống (bên Tầu). Vua Tống nhận. Chiêm-thành và Chân - lạp đều sang triều-cống nước ta.

Lý-Thái-Tổ lúc nhỏ được nhà sư ở chùa Tiêu-Sơn (Bắc - Ninh) là Lý-Khanh-Văn nuôi giậy, nên khi lên ngôi hết sức khuyến-khích đạo Phật và tin - dùng các người đi tu. Trong nội - cung, Thái - Tổ đặt chín ngôi Hoàng-hậu, vì vậy gây ra sự anh em tranh giành nhau về sau.

Thái-Tổ làm vua từ 1010 đến 1028.

22 --, **Cửa Như - lai :** chùa. Tục truyền Lý - Thái - Tổ lúc bé được nhà sư nuôi dạy -- 23. **Tiêu-sơn** : chùa Tiêu-sơn nay thuộc tỉnh Bắc-ninh --24. **Anh-hài** : trẻ con nhỏ -- 25. **Ái-hà** : sông yêu, chỉ sự ham mê đàn bà -- 26. **Lệ - giai :** bậc thang đưa đến tai-vạ. 27, **Tương-tranh** : tranh cướp lẫn nhau.

2. — Lý-Thái-Tông bình Nùng phục Chiêm

Thái - tông nối nghiệp thủ - thành, [1]
Anh em lại rắp dua giành ngôi cao.
Cùng nhau binh - mã sấn vào,
Cấm-thành [2] bỗng chốc xôn-xao chiến-trường.
Trận-tiền giết Vũ-đức-vương,
Đông-chinh, Dực-thánh tìm đường chạy xa.
Khoan-hình [3] lại xuống chiếu tha,
Thân-phiên [4] đã định, nước nhà mới yên.
Ban hình - luật, canh tịch - điền, [5]
Mở đồ nhất-thống cầm quyền tứ-chinh. [7]

---

2. --CHÚ-THÍCH. — 1. **Thủ-thành** : giữ lấy công-cuộc đã gây dựng xong ; tức là Thái-Tông nối nghiệp nhà Lý, làm vua - 2. **Cấm-thành** : nơi vua ở -- 3. **Khoan-hình** : tha làm tội — 4. **Thân-phiên** : đất cắt để phong cho thân-thuộc cai-trị -- 5. **Tịch-điền** : ruộng dành cho vua hàng năm ra cầy để làm phép, để tỏ rằng vua chú - trọng đến việc canh-nông -- 6. **Mở đồ nhất-thống** : mở bản-đồ hợp-nhất cả nước — 7. **Tứ-chinh** : đi đánh dẹp bốn phương.

2. — **Lời giải**. — *Lý-Thái-Tổ vừa mất, các hoàng-tử Võ - đức - vương, Đông - chinh - vương và Dực - thánh - vương đem quân vây thành để tranh ngôi với Thái - tử Phật-Mã (tức là Lý-Thái-Tông).*

Tướng - quân là Lê-Phụng-Hiểu cầm quân giết Võ-đức - vương và đánh đuổi Đông-chinh-vương và Dực - thánh-vương. Sau, hai người này xin hàng, Thái-Tông tha tội và cắt đất phong cho.

Thái-Tông định lại hình-luật (1042), đặt lệ nghinh-xuân cầy ruộng tịch-điền.

Năm 1039, Thái - Tông đánh tan giặc Nùng ở vùng-Quảng-nguyên (Cao-bằng), bắt giết chúa Nùng là Nùng-Tồn Phúc. Năm 1044, vua lại thân - chinh đi đánh Chiêm -

Mừng xem « Phiên phục Nùng binh », [8]
Huy-xưng [9] có chữ rành rành biểu-tiên. [10]
Vắn-dài là số tự-nhiên,
Tụng kinh cầu thọ [11] khéo nên chuyện cười.

3. — Lý-Thánh-Tông, một ông vua nhân-dũng

Thánh-tông văn-học hơn đời,
Bình Chiêm đánh Tống đủ tài kinh-luân.
Khuyến nông chăm việc cần-dân, [1]
Chiếu chăn thương kẻ tù-nhân lạnh-lùng.
Thánh-hiền tô tượng học-cung, [2]
Đặt khoa bác-sĩ, ưu-dung [3] đại-thần.
Ân riêng mưa móc đượm-nhuần,
Đã tiền lại lúa ân-cần dưỡng-liêm. [4]
Hồ Tây vui thú Dâm-đàm, [5]

---

thành hồi ấy hay vào quấy-nhiễu ở vùng bể. Thái-Tông tiến binh đến thủ-đô Chiêm là Phật-thệ (ở mười cây số phía bắc thành Bình-định ngày nay Vua Chiêm là Sạ-Đẩu bị bộ-hạ giết rồi đem đầu ra xin hàng.

Thái-Tông làm vua từ 1028 đến 1054.

8. « **Phiên-phục Nùng-bình** » : « các nước láng giềng đều thần-phục, giặc Nùng dẹp yên ». Bốn chữ trên đây do các quan dâng vua Lý-Thái-Tông để tán-dương võ-công của vua, sau khi đã thắng Chiêm-thành ở phương Nam và dẹp yên giặc Nùng ở Cao-bằng. — 9. **Huy-xưng** : lời khen — 10. **Biểu-tiên** : giấy để viết biểu (lệnh của vua) — 11 **Cầu thọ** : cầu để sống lâu. Tác-giả chê vua Lý-Thái-Tông mê-tín tụng kinh để mong sống lâu.

3. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Cần dân** : săn sóc đến dân — 2. **Học-cung** : văn-miếu, đền thờ Khổng-tử — 3. **Ưu-dung** : trọng đãi — 4. **Dưỡng-liêm** : khuyến-khích, trau giồi sự liêm-khiết — 5. **Dâm-đàm** nay là Tây-hồ.

Nỡ đem của nước xây làm cung tiên.
Chuông Sùng-khánh [6] tháp Báo-thiên, [7]
Phật vàng đúc tượng, say thiền [8] lạ sao!

4.— Bà Ỷ-Lan nhiếp-chính

Nhân-tông tuổi chửa là bao,

-- 6. **Sùng-khánh** : tên riêng một ngôi chùa ở gần hồ Hoàn-kiếm Hà-nội -- 7. **Báo - thiên** : tên riêng một cái tháp ở chùa Sùng - khánh --8. **Say thiền** : say mê đạo Phật.

3. – Lời-giải.— *Lý - Thánh - Tông đổi tên nước là Đại-Việt, Thánh-Tông là một ông vua vừa nhân vừa dũng.*

Ở ngoài thì mở mang bờ cõi, đánh Chiêm-thành và bắt vua Chiêm là Chế-Củ. Chế-Củ xin dâng ba châu để chuộc tội đã vào quấy-nhiễu biên-thùy phía nam nước ta (1069). Đó là những châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính nay thuộc tỉnh Quảng-bình và Quảng - trị. Về phía Bắc, bấy giờ, nước ta chưa có chiến-tranh lớn với nhà Tống bên Tầu, nhưng đã có nhiều sự xích-mích ở biên-thùy. Nên vua Lý-Thánh-Tông sai binh-sĩ tới trại Cổ - vạn và trại Như-hồng ở Tầu đánh phá rồi lại rút về.

Ở trong nước, Thánh-Tông khuyến-khích việc canh nông, săn sóc đến đời sống của dân : thương kẻ tù - tội, về mùa rét sai phát chăn chiếu cho họ ; mở khoa thi, lập nhà văn-miếu, đúc tượng thờ Khổng-tử để khuyến-khích việc học ; đối với các quan thì trọng-đãi khuyến - khích đức liêm-chính.

Thánh-Tông lại khởi các cuộc công-tác to như xây cung Dâm-đàm, đúc chuông Sùng-khánh, dựng tháp Báo-thiên.

Thánh-Tông làm vua 17 năm thì mất (1054-1072).

Ngoài ra triều-yết, [1] trong vào giảng-minh, [2] 870
Thụ-di [3] có Lý-Đạo-Thành,
Ỷ-Lan hoàng-hậu buông mành [4] giúp nên.
Mở khoa bác-học cầu hiền, [5]
Ba thăng một mẫu, thuế điền nhẹ thay!
Có khi xem gặt xem cầy,
Lòng chăm điền-dã [6] một ngày mấy tao. [7]
Mưa ân ngấm khắp đồi dào,
Chuộc người bần-nữ [8] gả vào quan phu. [9]

5.— Lý-Thường-Kiệt bại Chiêm phá Tống

Thân-chinh [1] xe ngựa tri-khu, [2]

4.—CHÚ-THÍCH. — 1. **Triều-yết** : ngự triều để xét việc nước - 2. **Giảng-minh** : học hành — 3. **Thụ-di** : nhận lời di-chúc của vua trước — 4. **Buông mành** : đời xưa đàn bà ngồi sau bức mành để chăm nom việc nước — 5. **Cầu hiền** : tìm người giỏi, mở khoa thi chọn người giỏi ra giúp nước — 6. **Điền-dã** : ruộng đất nhà quê công việc đồng áng — 7. **Mấy tao** : mấy lần — 8. **Bần-nữ** : con gái nhà nghèo — 9. **Quan-phu** : đàn ông góa vợ.

4.—Lời-giải.—*Lý-Nhân-Tông lên ngôi mới bảy tuổi. Mẹ là Nguyên-phi Ỷ-Lan nhiếp-chính, có Thái-sư là Lý-Đạo-Thành phò-tá. Năm 1075, mở khoa thi tam-trường chọn người học giỏi ra làm quan. Bà Ỷ-Lan săn sóc đến công việc của dân quê, định lại thuế ruộng, để ý đến việc cầy cấy. Hồi ấy, người nghèo còn theo tục bán mình cho nhà giầu, Ỷ-Lan bỏ tiền kho ra chuộc những con gái nhà nghèo để gả cho đàn ông góa vợ, khiến cho họ cũng lập được gia-đình.* (X. Chuyện Ỷ-Lan, Sông-Nhị xuất-bản).

5.—CHÚ-THÍCH.— 1. **Thân-chinh** : tự vua mang quân đi đánh giặc ; chỉ vua Lý-Nhân-Tông — 2. **Tri-khu** : rong ruổi.

Phá Sa-động [3] bắt man-tù Ngụy-Phang, [4] 880
Chiêm-thành nộp đất xin hàng,
Ba châu qui-phụ [5] một đường thanh-di, [6]
Tống-binh xâm-nhiễu [7] biên-thùy,
Tướng-quân Thường-Kiệt dựng kỳ (cờ) Bắc-chinh.[8]
Bên sông Như-nguyệt [9] trú-dinh, [10]
Giang-sơn dường có thần-linh hộ-trì. [11]
Miếu-tiền [12] phảng-phất ngâm thi,
Như phân địa-thế, như trì thiên-binh. [13]
Bấy giờ Tống mới hư-kinh, [14]
Giảng-hòa lại trả mấy thành cố-cương. [15] 890

-- 3. **Sa-động**: tên riêng một động (chỗ ở trong núi) nay thuộc Hòa-bình -- 4. **Man-tù Ngụy-Phang**: tù-trưởng người thổ-mán tên là Ngụy-Phang--5. **Qui-phụ**: theo về (nước ta). Ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính đã do người Chiêm nhượng cho Lý-Thánh-Tông từ 1069. Bấy giờ Lý-Thường-Kiệt vào ba châu ấy tuần-du để củng-cố miền nam trước khi quân Tống kéo tới nước ta .--6. **Thanh-di**: quét-sạch êm đềm -- 7. **Xâm-nhiễu**: vào quấy rối -- 8. **Bắc-chinh**: đánh giặc ở phía Bắc (đánh Tầu) -- 9. **Như-nguyệt**: tên riêng khúc sông Cầu chảy qua xã Như-nguyệt (nay thuộc huyện Yên-Phong, tỉnh Bắc-ninh) -- 10. **Trú-dinh**: đóng đồn quân. -- 11. **Hộ trì**: giúp đỡ -- 12. **Miếu-tiền**: trước cửa đền -- 13. **Trì thiên-binh**: rong ruổi quân nhà trời. Tục truyền rằng khi đóng quân ở trên bờ sông Như-nguyệt để chống với quân nhà Tống (Tầu), Lý Thường-Kiệt đang đêm nghe thấy trong đền thờ Trương-Hát (xem câu 515 - 516) có tiếng ngâm thơ : « *Nam-quốc sơn-hà nam-đế cư, Tiệt-nhiên định-phận lại thiên-thư. Như hà nghịch-lỗ lai xâm-phạm, Như đẳng hành-kham thủ bại-hư* » (nghĩa là : đất nước Nam thì vua nước Nam ở, số phận đã định rõ ràng trong sách trời, cớ sao giặc kia lại đến xâm-phạm, chúng bay rồi phải chịu thua). Quân sĩ biết có bài thơ ấy đều nức lòng đánh giặc ; sau quân Tống thua 14. **Hư-kinh**: hoảng sợ - 15. **Cố-cương**: biên-thùy cũ.

Lại còn hối hận một chương, [16]
Tham voi Giao-chỉ, mất vàng Quảng-nguyên.
Năm mươi năm lẻ lâu bền,
Vũ-công, văn-đức rạng truyền sử xanh.
Thượng-dương sao nỡ bạc tình,
Để bà Dương-hậu một mình ngậm oan.
Kia Lê-Văn-Thịnh mưu-gian,
Thương chi quái-hổ [17] mà khoan lưới hình! [18]
Phật-tử như quả chứng-minh, [19]
Chuông chùa Diên-hựu [20] đã thành phúc-cai. [21]
Cớ sao chi thứ [22] nối đời,
Trữ-quân [23] lại thác [24] vào người hóa-duyên ? [25]

---

16. **Một chương** : một bài thơ. Người Tống lúc rút lui có làm thơ tiếc của cải ở nước ta--17. **Quái-hổ** : con hổ tàn ác--18. **Khoan lưới hình** : tha cho khỏi vòng pháp-luật. Ý nói Lê-Văn-Thịnh làm phản mà sau Lý-Nhân-Tông tha tội cho -- 19. **Chứng-minh** : soi thấu-- 20. **Diên-hựu** : tên riêng chỉ chùa Một-cột nay còn ở Hà-nội. 21. **Phúc-cai** : mầm phúc -- 22. **Chi thứ** : ngành họ thứ. Lý-Nhân Tông không có con, phải lấy con người em là Sùng-hiền-hầu làm thái-tử -- 23. **Trữ-quân** : thái-tử, con vua có quyền kế-vị khi vua mất -- 24. **Thác** : giao cho -- 25. **Hóa duyên** : hóa làm kiếp khác. Theo tục truyền thì sư Từ-Đạo-Hạnh hóa xác đầu thai làm con Sùng-hiền-hầu rồi sau lên làm vua là Lý-Thần-Tông.

5. -- Lời giải. — *Lý-Nhân-Tông có Lý-Thường-Kiệt giúp,*

Bấy giờ nhà Tống (bên Tầu) có Vương-An-Thạch làm tể-tướng, sửa soạn xâm-chiếm nước ta.

Năm 1075, Lý-Thường Kiệt tấn-công sang Tầu trước: vây Khâm-châu và Liêm-châu (thuộc tỉnh Quảng-đông) và chiếm Ung-châu (thuộc tỉnh Quảng-tây), phá các căn-cứ của địch, rồi rút lui về nước.

Xong, Thường-Kiệt lại đem quân đánh Chiêm-thành

6. – Lý-Thần-Tông khuyến-khích việc nông

Thần-tông sinh cửa Sùng-hiền,
Dấu hang thi-giải [1] còn truyền Sài-sơn.
Thức nồng nhuộm vẻ chi-lan, [2]
Thông-minh học vấn kiêm-toàn cả hai.
Năm đầu vừa mới lên ngôi,
Giảng cầu trước đã mở bài kinh-diên. [3]
Qui nông [4] cho linh canh phiên,

---

vẽ bản - đồ ba châu mà vua Chiêm đã nhượng cho Lý-Thánh-Tông trước (1069) rồi cho người sang ở.

Cuối 1076, quân Tống tiến sang nước ta đánh trả thù. Lý-Thường-Kiệt đánh chẹn ở sông Như-nguyệt. Hai bên giữ nhau mãi. Sau quân Tống không tiến được phải rút lui, chỉ còn chiếm giữ châu Quảng - nguyên và mấy châu nữa thuộc tỉnh Cao-bằng và Lạng-sơn.

Năm 1079, Lý-Nhân-Tông lại dùng ngoại-giao mà lấy về nốt những châu ấy.

Tác-giả bài ca chê vua Lý-Nhân-Tông đã đề mẹ là bà Y-Lan, vì ghen mà ép bà Thượng-dương thái-hậu họ Dương và 72 người cung-nữ phải chết theo vua Lý-Thánh Tông ; đã tha cho thủ-khoa Lê-Văn-Thịnh tội phản-nghịch và đã quá mê đạo Phật.

Lý-Nhân-Tông làm vua được 56 năm ; lúc chết (1127) không có con, nên con hoàng-đệ Sùng - hiền - hầu lên nối ngôi.

(Muốn biết rõ võ-công oanh-liệt của Lý-Thường - Kiệt và sử ngoại-giao triều Lý, xin xem quyển Lý-Thường-Kiệt của Hoàng-Xuân-Hãn, do nhà Sông-Nhị xuất bản 1940.)

6. -- CHÚ-THÍCH. -- 1. **Thi-giải** : thoát xác -- **2. Chi-lan** : tên hai thứ cỏ quý, chỉ người thanh-nhã -- 3. **Kinh-diên** : chiếu vua ngồi để nghe giảng học -- 4. **Qui nông** : quay về làm ruộng

Rộng ân lại trả quan-điền [5] cho dân. 910

7. — Đỗ - Anh - Vũ lộng - quyền

Anh-Tông còn thủa xung-nhân, [1]
Đỗ - Anh - Vũ lấy ngoại - thân [2] lộng - hành. [3]
Ra vào trong trướng, ngoài mành,
Cùng Lê - thái - hậu có tình riêng chung.
Tống-giam đã bắt vào trong,
Mà Lê - hậu lại còn lòng đeo - đai.
Rượu cơm vẫn cứ đưa mời,
Vàng cho ngục - tốt [4] liệu bài thoát ra.
Nghị đồ [5] rồi lại được tha,
Để đoàn Vũ - Đái đều là thác oan. 920

5.— **Quan-điền** : ruộng công của nhà nước, nguyên là ruộng của dân do nhà nước đã tịch - ký trước.

6 — Lời-giải. — *Theo dị-đoan thời bấy giờ thì Lý - Thần-Tông vốn là sư Từ-Đạo-Hạnh hoá xác mà sinh ra.*

Thần-Tông vừa trọng việc học - hành vừa khuyến - khích việc canh - nông ; cho phép quân lính đổi phiên về làm ruộng, và trả lại dân những ruộng đất trước đã bị tịch ký.

Thần-Tông làm vua được 10 năm (1128-1138).

7.— CHÚ-THÍCH. 1. **Xung - nhân :** người còn trẻ dại -- 2. **Ngoại-thân :** họ ngoại -- 3. **Lộng-hành** : lạm quyền làm điều trái phép -- 4. **Ngục-tốt** : quân coi nhà giam -- 5. **Nghị đồ :** bị xử tội đồ (đi đầy).

7. — Lời giải. — *Lý-Anh-Tông lên làm vua, mới có ba tuổi. Lê-thái-hậu nhiếp - chính, tư-thông với Đỗ-Anh-Vũ nên Anh-Vũ lộng-quyền.*

Bọn Vũ-Đái, Nguyễn-Dương, Nguyễn-Quốc và Dương-Tự - Minh định trừ Anh - Vũ nhưng không xong, đều bị đày hay bị giết.

8. — Tài kinh-quốc của Tô-Hiến-Thành

Rồi ra vắng mặt quyền-gian,[1]
Hiến-Thành hết sức cán-toàn[2] mới nên.
Khi triều Tống, khi sinh Nguyên,[3]
Một niềm cung-thuận[4] đôi bên được lòng.
An-nam Tống mới cải-phong,[5]
Quốc-danh[6] từ ấy rạng dòng viêm-phương.[7]
Thành Nam mở chốn võ-tràng,[8]
Tập-tành cung ngựa phô-trương tinh-kỳ.[9]
Uy-thanh rậy đến biên-thủy,
Chiêm-thành Ngưu-hống man-di cũng binh. 930
Tuần-du[10] đã tỏ dân-tình,
Sơn-xuyên[11] trải khắp địa-hình[12] gần xa.
Trừ-quân[13] vì một nết tà,[14]
Đổi sang Long-Cán còn là ấu-niên.[15]
Thác-cô[16] nhờ có tôi hiền,
Dẫu người hối-chúc[17] mà quyền chẳng sai.

---

8. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Quyền-gian :** kẻ cầm quyền gian-ác, chỉ Đỗ-Anh-Vũ — 2. **Cán-toàn** : trông nom gánh vác mọi việc — 3. **Triều Tống, sinh Nguyên :** sai người vào chầu nhà Tống, đem lễ vật mừng nhà Nguyên. Bấy giờ bên Tầu, nhà Nguyên đánh nhà Tống để lên làm vua — 4. **Cung-thuận:** kính cẩn mà theo, thần-phục — 5. **Cải-phong:** đổi tên nước mà phong — 6. **Quốc-danh :** tên nước. 7. **Viêm-phương** : X. câu 9 — 8. **Võ-tràng**: trường giậy võ, trường quân-sự — 9. **Tinh-kỳ :** cờ — 10. **Tuần-du :** vua đi xem xét các nơi — 11. **Sơn-xuyên :** núi sông — 12. **Địa-hình** : hình thể đất. — 13. **Trừ-quân** : thái-tử đã được chọn sẵn để sau nối ngôi, chỉ Long-Sưởng sau bị truất-quyền — 14. **Nết tà** : nết xấu — 15. **Ấu niên** : tuổi trẻ — 16 **Thác-cô** : giao con mồ-côi cho, để trông nom 17. **Hối-chúc** : đút lót để cầu xin ; chỉ bà Chiêu-linh-thái-hậu đem vàng bạc đút lót để xin Tô-Hiến-Thành lại lập Long-Sưởng làm vua.

Cao - tông ba tuổi nối đời,
Hiến - Thành cư - nhiếp [18] trong ngoài đều yên.
Di - lưu [19] còn muốn tiến hiền, [20]
Đem Trần-Trung-Tá thay quyền tán-tương. [21] 940

—18. **Cư-nhiếp**: đứng giữ quyền-chính khi vua còn nhỏ tuổi. — 19. **Di - lưu**: lúc chết còn trối lại — 20 **Tiến hiền**: cử, giới-thiệu người có tài có đức để vua dùng — 21. **Tán-tương**: giúp đỡ (vua) để trị nước.

8. — Lời giải. — *Sau khi Anh-Vũ mất, mọi việc đều do Tô-Hiến-Thành đảm-đương.*

Đối ngoại thì Tô-Hiến-Thành khéo giao - thiệp cả với Tống và Nguyên là hai họ bấy giờ đương tranh nhau nước Tầu. Vua Tống đổi phong cho Anh - Tông là An - nam - quốc - vương (1164). Trước đấy thì Tầu vẫn phong cho vua ta là Giao-chỉ hay An-nam quận-vương, tuy rằng Lý-Thánh-Tông đã đổi tên nước là Đại-Việt.

Trong nước thì Tô-Hiến-Thành khuyến - khích việc tập-luyện quân - sự và mở-mang sự học - hành. Ông dẹp giặc Thân-lợi (vùng Thái-nguyên), giặc Ngưu-hống (vùng Phú-thọ), giặc Hữu-lượng (vùng Quảng-nguyên), và đánh nước Ai-lao. Uy-thanh lừng-lẫy.

Vua Anh-Tông đi xem xét các nơi và sai vẽ địa-đồ nước ta (1171-1172).

Khi Anh-Tông mất (1176) giao cho Hiến-Thành phò-tá Cao-tông bấy giờ mới có ba tuổi.

Bà Chiêu-linh-thái-hậu sai người đút lót để xin lập lại Thái-tử Long-Sưởng trước đã bị Anh-Tông truất vì có tội. Hiến-Thành không nghe.

Khi Hiến-Thành sắp mất (1179) lại đề cử Trần-Trung-Tá là người giỏi và trung để giúp Lý-Cao-Tông. Nhưng sau khi ông mất, thái-hậu và triều-thần lại dùng người khác.

Tô-Hiến-Thành là người thao - lược mà lại trung - chính, nên đời sau vì ông với Gia-Cát-Lượng đời Tam-quốc bên Tầu.

9.— Lý-Cao-Tông thất-chính

Tiếc không dùng kẻ trung-lương, [1]
Cao-tông hoang-túng [2] mọi đường ai. can ?
Dấu xe quanh khắp giang-san,
Chính-hình lỗi tiết, [3] du-quan quá thường. [4]
Lại thêm thổ-mộc cung-tường, [5]
Mua quan bán ngục nhiều đường riêng tây.
Nhạc Chiêm [6] rầu-rĩ khéo bầy,
Những là tai-biến từ này hiện ra.
Trâu đâu lên ngọn am-la, [7]
Thước đâu làm tổ góc nhà Kinh-thiên. [8]
Bốn phương trộm cướp nổi lên,
Quân Chiêm, người Tống xâm biên [9] mấy kỳ.
Vui chơi nào có biết gì,
Thờ-ơ phó chuyện an-nguy mặc trời.

9.— CHÚ-THÍCH — 1. **Trung-lương**: trung-tín và giỏi tốt — 2. **Hoang-túng**: chơi bời càn rỡ, không kiềm-chế — 3. **Chính-hình lỗi tiết**: pháp-luật sai cả mực-thẳng — 4. **Du-quan quá thường**: đi chơi quá lệ thường — 5. **Thổ-mộc cung-tường**: xây dựng cung-điện — **Nhạc Chiêm**: âm-nhạc của người Chiêm-thành (ở phía Nam nước ta hồi ấy, đang suy) — 7. **Am-la**: cây muỗm (xoài). Tục truyền hồi ấy, có con trâu trèo lên cây muỗm (ở Thanh-hóa), ta coi đấy là điềm gở — **Kinh thiên**: tên một cái lầu vua Lý sai xây. Lúc sắp xong có con chim thước đến làm tổ, theo điển cũ đấy là điềm gở. — 9. **Xâm-biên**: đánh chiếm biên-giới.

9 — Lời giải. — *Cao-Tông, khi lớn lên cầm quyền không có người tài giỏi trung-trực can ngăn, nên làm nhiều điều không hay: đi dong chơi khắp trong nước, pháp-luật không giữ đúng mực cho người tuân theo, vơ-vét của dân, làm nhiều việc những-lạm, tiêu nhiều thứ xa-xỉ, đem âm-nhạc vong-quốc của Chiêm về nước.*

10.--Quách-Bốc chiếm kinh-thành

Quyền-cương [1] ngày một đổi dời,
Phạm-Du đã phản lại với về kinh.
Bỉnh-Di là kẻ trung-thành,
Nghe dèm mà nỡ gia-hình [2] cớ sao ?
Bởi ai gây việc oan-cừu,
Để cho Quách-Bốc sấn vào kim-giai. [3] 960
Xe loan lánh chạy ra ngoài,
Hoàng-thân đế-thích [4] mỗi người một phương.

11.— Họ Trần giúp vua Lý

Trừ-quân đi đến Thiên-trường,

Bấy giờ người thổ mán ở phía nam Trung-quốc và người Chiêm vào quấy-nhiễu nước ta luôn, mà vua quan cũng không để ý.

10.--CHÚ-THÍCH —1. **Quyền-cương** : đầu mối quyền hành, cũng như nền móng của quyền-binh -- 2. **Gia-hình** : trị tội -- 3 **Kim-giai** : thềm vàng, chỉ nơi vua ở -- 4. **Hoàng-thân đế-thích** : họ nội họ ngoại của vua.

10.-- Lời giải. -- *Trong nước giặc cướp như ong. Năm 1208, ở Nghệ-an, Phạm-Du làm phản. Cao-Tông sai Phạm-Bỉnh-Di đi đánh dẹp. Phạm-Du sai người về thành lấy vàng bạc đút lót, nên Du được tha mà Bỉnh-Di lại bị bắt giam.*

Tướng của Bỉnh-Di là Quách-Bốc đem quân phá thành vào cứu Bỉnh-Di. Cao-Tông vội giết Bỉnh-Di rồi cùng thái-tử Sam chạy chốn. Bốc mai-táng cho chủ tướng rồi tôn hoàng-tử Thầm lên làm vua.

11.—CHÚ-THÍCH— 1. **Trừ-quân** : con vua được chọn sẵn để sau nối ngôi.

Tình cờ lại gặp một nưởng tiểu - thư.
Con nhà Trần-Lý công ngư, [2]
Lưới chài nhưng cũng phong-tư [3] khác thường.
Trăng già đưa mối tơ vương,
Mới hay con tạo mở đường di - duyên. [4]
Họ Trần từ ấy nổi lên,
Kết bè thích-lý, [5] dựng nền tiếm-giai. [6]
Trần - Tự - Khánh ở phương ngoài,
Đem quân Hải - ấp [7] vào nơi đô-thành.

– 2. **Công ngư** : làm nghề đánh cá, nghề chài lưới – 3. **Phong-tư** sắc đẹp – 4. **Di-duyên:** dìu dắt mà lên – 5. **Thích-lý** : họ ngoại – 6 **Tiếm-giai** : bậc thang để bước đến chỗ tranh quyền vua – 7. **Hải-ấp** : tên làng ở vùng bể thuộc huyện Hưng-nhân.

11. — Lời giải. — *Thái-tử Sảm chạy về Hải-ấp làng Lưu-gia (nay là làng Lưu-xá, huyện Hưng - nhân, Thái-bình). Gặp con gái Trần-Lý có nhan - sắc liền lấy làm vợ.*

Trần-Lý, nguyên người ở làng Tức-mặc (huyện Mỹ-lộc, Nam-định), làm nghề đánh cá, vẫn có nhiều người theo phục.

Anh em họ Trần mộ quân về kinh đẹp loạn, rồi lên Qui-hóa (thuộc Phú-thọ) đón vua Cao-Tông. Cao-Tông cho đón thái-tử Sảm về kinh còn Trần-thị thì ở lại Lưu-gia.

Một năm sau (1210), Cao-Tông chết. Thái-tử Sảm lên làm vua, tức là Huệ-Tông.

Huệ-Tông phong Trần-thị làm nguyên-phi, cho đón về cung và phong cho anh Trần-thị là Trần-Tự-Khánh làm Chương-thành-hầu

12.— Lý-Huệ-Tông phát điên

Huệ-Tông gặp bước gập-ghềnh,
Nhẹ ân mẫu-hậu,[1] nặng tình phu-nhân.[2]
Lạng-châu xe dã Bắc-tuần,[3]
Nửa đêm riêng với nàng Trần lẻn đi.
Gặp quân Tự-Khánh rước về,
Đương cơn gió bụi[4] bốn bề chưa êm.
Huệ-tông cuồng-tật[5] lại thêm,

---

12 — CHÚ-THÍCH — **1. Mẫu-hậu**: mẹ vua — **2. Phu-nhân** : vợ, chỉ con gái họ Trần — 3. **Bắc-tuần** : Vua đi về phương bắc — 4. **Gió bụi**: phong trần, giặc giã trong nước — 5. **Cuồng-tật**: bệnh điên.

12. — Lời giải. — *Năm 1213, Thái-hậu làm khổ nhục Trần-thị ở trong cung. Trần-Tự-Khánh mang quân về xin rước vua đi.*

Huệ-Tông nghi Tự-Khánh làm phản liền cùng Thái-hậu trốn lên Lạng-châu (Lạng-sơn).

Thái-hậu lại càng ghét Trần-thị, xui Huệ-Tông bỏ. Huệ Tông không nghe ; lại sợ Trần-thị bị đầu-độc, nên đến bữa ăn thứ gì Huệ-Tông cũng ăn trước còn một nửa mới cho Trần-thị ăn.

Sau cùng, Thái-hậu làm quá. Huệ-Tông liền cùng Trần-thị lẻn trốn đi. Tự-Khánh đem quân rước về cung.

Huệ-Tông phong Trần-thị làm Hoàng-hậu, Tự-Khánh làm Phụ-chính và anh Tự-Khánh là Trần-Thừa làm nội-thị phán-thủ.

Huệ-Tông có bệnh điên, lại thường uống rượu say ngủ cả ngày, mọi việc đều do Tự-Khánh quyết-đoán.

Cuối 1224, Huệ-Tông vào tu ở chùa Chân-giáo, vì

Khi ngáy đứng múa khi đêm nằm dài.
Xuất-gia lại muốn tu-trai, [6]
Ngôi-thiêng [7] phó-thác cho người đào thơ. [8]
« Đăng sơn [9] bóng nhật » [10] đã mờ,
Hai trăm mười sáu Lý-cơ [11] còn gì ?

13. — Lý-Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng

Chiêu-hoàng là phận nữ - nhi,
Phấn son gánh việc gian-nguy được nào !
Xây vần cơ-tạo [1] khéo sao ?
Bỗng xui Trần-Cảnh hiện vào hầu trong.
Người yểu-điệu, kẻ tư - phong, [2]
Bén hơi rơm lửa, động lòng mưa mây. [3]
Vầy nước chậu, vắt khăn tay,
Khi đêm đạp bóng, khi ngày ngồi chung. [4]

---

không có con trai nên truyền ngôi cho con gái út bấy giờ mới 7 tuổi, là Chiêu-thánh công-chúa tên là Phật-Kim. Đó là Lý-Chiêu-Hoàng.

6. **Xuất - gia, tu - trai** : đi tu ăn chay — 7. **Ngôi thiêng** : ngôi vua 8. **Đào-thơ** : con gái nhỏ — 9. **Đăng-sơn** : lên núi, mặt giời gác núi về buổi chiều, chỉ cuộc đã tàn. Nguyên có câu sấm « Ảnh một nhật đăng sơn » nghĩa đen là mặt trời gác núi thì tối. Nghĩa kín là đến đời vua tên Sảm (chữ *nhật* trên, chữ *Sơn* dưới) thì đời Lý hết. —10. **Bóng nhật** : bóng mặt trời — 11. **Lý-cơ** : cơ-nghiệp nhà lý.

13. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Cơ tạo** : tạo hóa xoay vần như cái máy số trời đã định trước — 2. **Yểu-điệu, tư-phong** : nói người con gá đẹp và người con giai thanh nhã 3. **Rơm lửa, mây mưa**: rơm gần lửa thì sao cũng cháy. Mưa mây là trai gái yêu nhau. — 4. **Vầy nước chậu ..ngồi chung**: những trò chơi đùa của trẻ con Trần-Thủ-Độ cố ý nói rằng đấy là triệu-chứng Chiêu - hoàng yêu say Trần-Cảnh và nhường nước cho.

Hoa đào đã dạn gió đông,
Vua tôi phận đẹp, vợ chồng duyên may.
Chiếu rồng ban xuống năm mây, [5]
Mừng rằng nữ-chúa ngày nay có chồng.

---

5. **Chiếu rồng năm mây** : tờ chiếu của nhà vua có vẽ mây năm màu.

13. — Lời giải. — *Chiêu-Hoàng làm vua, nhưng quyền-binh đều trong tay Trần-Thủ-Độ là em họ Thái-Hậu.*

Thủ-Độ cho cháu là Trần-Cảnh vào hầu trong cung. Chiêu-Hoàng chơi đùa với Trần-Cảnh. Thủ-Độ liền vin cớ ấy đóng cửa thành, rồi truyền lệnh rằng Chiêu - Hoàng đã lấy Trần-Cảnh. Sau lại bắt Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng (1225).

Nhà Lý làm vua được 216 năm, truyền ngôi được 8 đời.

ĐOẠN MƯỜI MỘT

NHÀ TRẦN

Thời - kỳ thịnh

(1226 – 1340)

1. – Những việc cải-cách đầu tiên

Đông-A [1] tỏ mặt vừng hồng, [2]
Thái-Tông cải hiệu Kiến-Trung rõ ràng.
Trần-Thừa [3] là Thái-thượng-hoàng,
Chuyên quyền thinh-đoán, [4] gồm đường kinh-luân. [5] 1000
Soạn làm thông-chế lễ-văn, [6]
Thuế điền đã định, số dân cũng tường.
Tướng-thần [7] mới đặt binh-chương, [8]
Huyện châu sai kẻ khoa-trường [9] trị dân.
Bạ-đầu [10] thi kẻ lại - nhân,
Hiệu -quân Tứ-thánh, Tứ-thần [11] mới chia.

---

1. — CHÚ - THÍCH 1. **Đông-A** : Chữ Đông bên cạnh chữ A, là chữ Trần — 2. **Vừng hồng** : mặt trời ; câu này nghĩa là nhà Trần lên làm vua — 3. **Trần-Thừa** : anh Trần-Tự-Khánh, bố đẻ ra Trần - Cảnh. 4. **Thinh-toán** : xét và quyết định — 4. **Kinh-luân** : gỡ mối rối, tài chỉnh-trị — 6. **Thông-chế lễ-văn** : lệ-luật đặt cho mọi người theo. 7. **Tướng - thần** : quan đứng đầu trong triều, tức là tể-tướng — 8. **Bình-chương** : chức coi cả văn lẫn võ — 9. **Khoa-trường** : thi-đỗ 10.— **Bạ-đầu** : thi tứ-hàn để lựa lấy người giữ sổ sách — 11. **Tứ-tranh, Tứ-thần** : tên riêng hồi ấy dùng để chỉ các đội quân túc-vệ.

Hà-phòng [12] rày mới có đê,
Trăm quan áo mạo, dù xe thêm tưởng.
Việc ngoài đánh dẹp bốn phương,
Phó cho Thủ-Độ chuyên đường trị quân. 1010

2. — Văn-học và võ-công

Thượng-hoàng phút đã từ-trần,
Thái-tông tuổi mới đến tuần mười hai.
Cao minh đã có tư trời, [1]
Lại thêm Thủ-Độ vẽ vời khôn-ngoan.
Sùng văn [2] tô tượng Khổng, Nhan, [3]
Dựng nhà Quốc-học, [4] đặt quan Giám-thần. [5]

— 12. **Hà-phòng** : phòng giữ nước sông.

1. — Lời giải. —, *Trần-Cảnh lên ngôi, tức là Trần-Thái-Tông, cải niên-hiệu là Kiến-trung (1225).*

Thái-Tông mới 8 tuổi, quyền-binh đều ở trong tay Thái-thượng-hoàng, là Trần-Thừa.

Nhà Trần thi-hành nhiều việc cải-cách quan-trọng: định lại hình-luật (1244); định thuế ruộng, thuế thân; đặt phẩm-trật, áo mũ cho các quan; lấy kẻ có học để coi việc cai-trị; thi chọn các thuộc-viên để giữ sổ sách; tổ-chức lại binh-linh; đắp đê để ngăn nước sông (1244).

Còn việc đánh dẹp thì bấy giờ giao cho Trần-Thủ-Độ. Thủ-Độ đánh giặc Mường ở Quốc-oai (Sơn-tây), Đoàn-Thượng ở Đường-hào và Nguyễn-Nộn ở Bắc-giang. Năm 1228 thì dẹp yên cả.

2. — CHÚ-THÍCH. — **Tư trời :** thông-minh trời cho sẵn. 2. **Sùng-văn :** chuộng văn-học — 3. **Khổng Nhan :** Khổng-Tử và Nhan-tử là tổ đạo Nho — 4. **Quốc-học** : trường vua mở để giảng giậy Nho-học — 5. **Giám-thần**: quan coi việc học.

Bảy năm một hội thanh-vân, [6]
Anh-tài nảo nức dần dần mới ra.
Trạng-nguyên, bảng-nhỡn, thám-hoa,
Kẻ kinh, người trại [7] cũng là tài-danh.
Lại thi Thái-học [8] chư-sinh,
Lại thi tam-giáo [9] chia rành ba khoa.
Thân-chinh trở ngọn thiên-qua, [10]
Chiêm nam, Nguyên bắc đều là dẹp tan.

---

i

—6. **Hội-thanh-vân :** dịp thi đỗ để tiến-thân — 7. **Kinh, trại:** người kinh là người trung-châu Bắc-Kỳ gần Kinh-đô ; còn từ Thanh hóa vào Nam, là người trại — 8. **Thi Thái-học** : thi tiến-sĩ — 9. **Tam giáo:** ba đạo là đạo Khổng, đạo Thích (Phật), và đạo Lão — 10. **Thiên-qua** : ngọn giáo của thiên-tử (của vua).

2. — Lời giải. — *Trần-Thừa mất, Trần-Thủ-Độ nhiếp-chính.*

Ở trong thì Thủ-Độ khuyến-khích việc học : tôn-trọng Khổng-Tử ; dựng quốc-học-viện để giảng tứ-thư ngũ-kinh. Năm 1232 mở khoa thi Thái-học-sinh (tức là tiến-sĩ) lần đầu.

Tuy vậy, sự học không chuyên về đạo Nho mà thôi còn có thi tam-giáo, trong đó đạo Phật và đạo Lão cũng được đặt ngang hàng với đạo Nho.

Tác-giả bài ca, theo Nho-học, đã quá chú-trọng đến việc mở mang văn-học mà chỉ nói lướt qua những võ-công oanh-liệt thời Trần-Thái-Tông.

Năm 1252, Thái-Tông thắng Chiêm-thành.

Năm 1257, quân Nguyên (Mông-cổ) từ Vân-nam (Tàu) kéo xuống Thăng-long, chiếm đô thành và làm cỏ nhân-dân. Thái-Tông phải chạy về mạn Đông-An (thuộc Hưng-yên). Sau nhờ có tài thao-lược của Trần-Quốc-Tuấn và chí cương-quyết của Trần-Thủ-Độ nên mới đánh đuổi được Mông-Cổ lần ấy là lần đầu.

3.— Phong-tục đời Trần

Vì ai đạt gánh giang-san,
Mà đem cố-chúa [1] gia oan nỡ nào!
Chiêu-hoàng duyên trước làm sao?
Gả đi bán lại, [2] coi vào khó nghe!
Phép nhà chẳng sửa buồng the,
Vợ anh sao nỡ đem về hậu-cung. [3]
Bởi ai đầu mở hôn-phong, [4]
Khiến nên một dạo khuê-phòng [5] thẹn riêng!
Thuần-bôn [6] dong thói ngửa-nghiêng,
Họ đương lấy lẫn nào kiêng sợ gì!
Thiên-Thành công-chúa vu-quy, [7]
Sao Trần-Quốc-Tuấn cướp đi cho đành?
Sinh-nghi [8] đem tiến thiên-đình, [9]
Thụy-bà [10] lăng-liu, Trung-thành ngẩn ngơ:
Dị-đoan [11] mê hoặc khôn chừa,
Chùa tô phật-tượng, đình thờ Thích-ca.

3.—CHÚ-THÍCH—1.**Cố-chúa**: vua cũ, chỉ Lý-Huệ-Tông bị Trần Thủ-Độ bức-tử ở chùa Chân-giáo—2.**Gả đi bán lại**; Lý-Chiêu-Hoàng sau bị đem gả cho Lê-Phụ-Trần—3. **Hậu-cung**; Thủ-Độ đem vợ Trần-Liễu (là anh ruột vua Thái-Tông) vào cung ép gả cho Thái-Tông, vì bà này đã có thai, còn Lý-Chiêu-hoàng lấy chồng 12 năm không có con thì bị giáng xuống làm công-chúa — 4. **Hôn-phong**: thói hỗn-loạn trong đạo vợ chồng—5. **Khuê-phòng**: phòng đàn bà ở —6. **Thuần-bôn**: tên một bài thơ cổ chê sự loạn-luân—7. **Vu quy**: con gái về nhà chồng—**Sinh-nghi**: đồ lễ để xin cưới—9 **Thiên-đình**: sân nhà vua—10. **Thụy-bà**: tên riêng bà chị của Thiên-Thành công-chúa. Thiên Thành công-chúa là em vua, đã nhận lời gả cho Trung-Thành-Vương. Sau Thụy-bà đem lễ vật xin vua gả cho Trần-Quốc-Tuấn (là cháu gọi Thiên-Thành bằng cô). Thái Tông nhận gả—11. **Dị-đoan**: tin nhảm.

Tin lời phong-thủy khi-tà, [12]
Đào sông đục núi cũng là nhọc thay !
Lễ đâu yến - ẩm quá say,
Đội mo [13] rót rượu, dan tay vui cười.
Ba mươi năm chán cuộc đời,
Truyền cho con nối, ra ngoài bắc - cung.

4.— Đức-độ và chính-trị của Trần-thánh-Tông

Thánh-tông hiếu - hữu [1] một dòng,
Sớm hôm chầu chực, mát nồng [2] thảnh thơi.

— 12. **Phong - thủy khí tà** : địa-lý, thuật đối - trá xem đất để mồ-mả — 13. **Đội mo** : đội mo lên đầu để chuốc rượu.

3. — Lời giải. — *Trong bài ca kể nhiều chuyện tỏ rằng nhà Trần trong họ lấy lẫn nhau ; đời sau cho thế là loạn-luân,*

Một phần cũng vì Trần-thủ-Độ là một người gian-hùng, không ngại việc gì mà không làm, miễn là xây vững được cơ-nghiệp nhà Trần,

Nhưng ta cũng không nên quên rằng hồi ấy phong-tục có lẽ khác với phong-tục thế-kỷ 19 nhiều.

Vua quan đời Trần còn tin theo đạo Phật nhiều, cũng như đời Lý. Đạo Nho chưa chiếm được địa-vị độc-tôn.

Phong-lục cũng còn chất-phác, dản-dị.

Trong triều vua quan thân-mật, họp nhau uống rượu say rồi dan tay mà hát. Sự phân-biệt tôn-ti khe-khắt của Nho-học chưa thấy rõ ràng.

4. —CHÚ-THÍCH— 1. **Hiếu - hữu** : có hiếu với cha mẹ, thuận hoà với anh em — 2. **Mát nồng:** săn sóc đến rự rét nóng của cha mẹ.

Anh em đệm cả gối dài, [3]
Sân trong yến-lạc [4] cõi ngoài ấm-phong. [5] 1050
Một thiên truyền-thụ phép lòng, [6]
Di-mưu [7] cho kẻ nối dòng ngày sau.
Văn-nho khuya sớm giảng-cầu,
Kẻ tu sử-ký, [8] người chầu kinh-diên. [9]
Bề ngoài nghiêm việc phòng biên, [10]
Kẻn quân đoàn-luyện, [11] tập thuyền Cửu-sa. [12]

— 3. **Nệm cả gối dài** : anh em nằm chung, thân-yêu nhau — 4. **Yến-lạc** : vui về ăn uống — 5. **Ấm phong:** cho các hoàng tôn (con của anh hay em vua) được tập tước — 6. **Truyền-thụ phép lòng :** giậy bảo con nhớ vào lòng — 7. **Di-mưu** : để sách-lược lại cho con cháu — 8. **Tu sử-ký** : soạn sách sử, Lê-Văn-Hưu, đỗ bảng-nhãn, làm quyển sử đầu tiên của nước ta xong năm 1272 — 9. **Kinh diên :** chiếu vua ngồi nghe giảng đạo Nho — 10. **Phòng biên :** phòng giữ biên-thùy. — 11 **Đoàn luyện**: họp từng đoàn để tập luyện võ-bị — 11. **Cửu-sa :** tên riêng một bãi cát.

4. — Lời giải. — *Năm 1258, Trần-Thái-Tông truyền ngôi cho con và làm Thái-thượng-hoàng, theo tục-lệ nhà Trần.*

Trần-Thánh-Tông, làm vua từ 1258 đến 1278, là một ông vua có đức và chăm lo việc nước.

Thánh-Tông có hiếu với cha mẹ, thuận-hòa với anh em, săn sóc đến sự huấn-luyện con cháu.

Ở trong thì khuyến-khích việc học, sai soạn bộ sử-ký đầu tiên của nước ta (Lê-Văn-Hưu làm xong quyển Đại-Việt-Sử năm 1272).

Đề phòng ngoại-xâm thì săn-sóc việc canh-phòng biên-cương, tập-luyện bộ-binh và thủy-binh.

5.— Trần-Hưng-Đạo phá Mông-Cổ

Trao-truyền [1] theo lối phép nhà,
Nhân-tông hùng-lược [2] lại là tài hơn.
Rợ Nguyên quen thói tham-tàn.
Quân năm mươi vạn, những toan tranh hành.
Sắc sai Hưng-đạo tổng-binh, [3]
Với Trần-Quang-Khải các dinh tiến vào.
Chương-dương một trận phong-đào, [4]
Kia ai cướp giáo ra vào có công?
Hàm-quan một trận ruổi giong,
Kia ai bắt giặc uy-phong [5] còn truyền?
Giặc Nguyên còn muốn báo đền, [6]
Mượn đường hộ-tống [7] binh-thuyền lại sang.
Bạch-đằng một cõi chiến tràng,
Xương bày trắng đất, máu màng đỏ sông.
Trần-Hưng-Đạo đã anh-hùng,
Mà Trần-Nhật-Duật kể công cũng nhiều.
Hoài-Văn [8] tuổi trẻ chí cao,
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công.

5.—CHÚ-THÍCH.— 1. **Trao-truyền** : nhường ngôi cho con ngay lúc còn sống, để làm Thái-thượng-hoàng, theo lệ nhà Trần — 2. **Hùng-lược** : mạnh mẽ và nhiều mưu-lược — 3. **Tổng-binh** : làm tướng trông nom và điều-khiển tất cả quân-đội — 4. **Phong-đào** : gió và sóng, trận đánh giữ dội — 5. **Uy-phong** : oai tiếng — 6. **Báo-đền** : trả thù — 7. **Hộ-tống** : đi theo để che chở. Khi quân Nguyên sang lần thứ nhất có tôn-thất là Trần-Ích-Tắc ra hàng, rồi theo về Tầu. Lần thứ hai, khi quân Nguyên kéo sang đánh ta, họ giả dạng là đưa Trần-Ích-Tác về làm vua — 8. **Hoài-văn** : Hoài-Văn vương là tước của Trần-Quốc-Toản, bấy giờ mới có 16 tuổi, đã tự ý mộ quân đánh giặc và có làm một lá cờ đề sáu chữ: « *Phá cường địch báo hoàng-ân* » (nghĩa là phá giặc mạnh, báo ơn vua).

Trần-Bình-Trọng cũng là trung,
Đành làm Nam-quỉ, không lòng Bắc-vương. [9]
Khuyển-ưng [10] còn nghĩa đá vàng, [11]
Yết-Kiêu, Dã-Tượng hai chàng cũng ghê!
Mà trong ngọc-diệp kim-chi, [12]
Lũ Trần-Ích-Tắc sao đi đầu hàng? 1090

---

9. **Nam-quỷ bắc-vương**: Trần-Bình-Trọng, tướng nhà Trần, bị quân Nguyên bắt sống. Tướng Nguyên dụ hàng và hứa sẽ phong cho tước vương. Bình-Trọng trả lời: « Thà làm quỉ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc (nước Tầu) ». Sau bị giặc giết — 10. **Khuyển-ưng**: con chó và con chim ưng, chỉ người nhà bề dưới, tận tâm được việc — 11. **Nghĩa đá vàng**: lòng trung-thành bền **chặt** — 12. **Ngọc-diệp kim-chi**: lá ngọc cành vàng, chỉ họ hàng nhà vua —

5. — Lời giải. — *Năm 1257, quân Mông-Cổ đã có lần từ Vân-nam kéo xuống định chiếm nước ta, nhưng không được, đã phải rút về Tầu.*

Đến đời Trần-Nhân-Tông (1279 -- 1293) thì Mông-Cổ đã thôn-tính xong hẳn nước Tầu, vua Mông-Cổ đã diệt xong nhà Tống và lên làm vua nước Tầu; tức là nhà Nguyên.

Năm 1284, Vua Nguyên tìm cớ trách Trần-Nhân-Tông không sang chầu, rồi cử hai đạo binh sang đánh nước ta. Một đạo tiến từ Lạng-sơn xuống Thăng-long, một đạo đi đường thủy đến Chiêm-thành, rồi đánh từ Nghệ-an lên phía Bắc.

Lúc đầu thế giặc mạnh, vua Trần phải bỏ Thăng-long mà rút lui về Thanh-hóa.

Tướng ta là Trần-Bình-Trọng bị bắt, nhưng thà chịu chết, chứ không hàng giặc.

Sau nhờ có chí cương-quyết và tài cầm quân của Hưng-đạo-vương Trần-Quốc-Tuấn quân ta lại thắng.

Trần-Nhật-Duật phá quân Nguyên ở bến Hàm-tử (thuộc

Nhân khi biến-cố [13] vội vàng,
Kẻ trung, người nịnh đôi đàng tỏ ra.
Trùng-hưng[14] đem lại sớn-hà,
Đã hay thiên-tướng [15]cũng là tái sinh.
Nước nhà khi ấy thanh-bình, [16]
Truyền ngôi thái-tử, lánh mình Ngọa-vân, [17]

---

tỉnh Hưng-yên). Trần-Quang-Khải lại thắng ở bến Chương-dương trên sông Nhị (trong huyện Thượng-phúc tỉnh Hà-đông) và lấy lại được Thăng-long.

Tướng Nguyên là Toa-Đô bị ta giết ở Tây-kết (thuộc Hưng-yên).

Quân Nguyên tan vỡ phải rút lui (giữa năm 1285).

Mùa xuân 1287, quân Nguyên lấy cớ là đưa Trần-Ích-Tắc về làm vua Annam, lại kéo sang để đánh báo-thù.

Lúc đầu quân Nguyên cũng lại kéo tới sát Thăng-long. Nhưng sau lương-thực của giặc bị tướng ta là Trần Khánh-Dư cướp ở Vân-đồn (Vân-hải, tỉnh Quảng-yên).

Đại-quân giặc lại bị ta phá tan ở sông Bạch-đằng thuộc tỉnh Quảng-yên. Tại trận Bạch-đằng, nhiều tướng Nguyên, trong đó có Ô-mã-nhi, bị ta bắt sống (tháng ba năm Mậu-tý, 1288).

Quân Nguyên rút về, lại bị ta chẹn đánh ở mạn Lạng-sơn (ải Nội-bàng và núi Kỳ-cấp). Tháng mười năm Mậu Tý (1288), Mông-Cổ phải nhận hòa.

Trần-Nhân-Tông nhường ngôi cho con năm 1293, và làm Thái-thượng-Hoàng theo lệ nhà Trần, được 13 năm.

13. **Biến-cố** : thay đổi lớn, như chiến-tranh – 14. **Trùng-hưng** : xây dựng lại – 15. **Thiên-tướng** : tướng nhà giời – 16. **Thanh-bình** thái bình, đã hết giặc dã – 17. **Ngoạ-vân** : tên một cái chùa ở núi Yên-tử (Hải-dương). Vua Trần-Nhân-Tông đến cuối đời ra tu ở đấy.

6.— Anh-Tông và Minh-Tông

Anh-Tông nối giữ nghiệp Trần,
Trong tu văn-đức, ngoài cần vũ-công.
Có châm [1] để dạy Đông-cung, [2]
Thủy-vân [3] có tập vui cùng bút-nghiên.
Vì không mến phật, say thiền, [4]
Cũng nên một đứng vua hiền Đông-A. [5]
Quyện-cần [6] rồi lại xuất-gia, [7]
Minh-Tông kế-thống [8] cũng là hiền-vương. [9]
Mười lăm năm giữ phép thường,
Rạng nền-nếp cũ, mở giường-mối sau.
Tiếc không biện-biệt [10] ngư-châu, [11]

6.—CHÚ-THÍCH.— 1. **Châm** : bài răn dạy — 2. **Đông-cung :** con vua có quyền kế-vị, thái tử— 3. **Thủy-vân :** tên một tập thơ của Trần-Nhân-Tông— 4. **Thiền :** đạo Phật — 5. **Đông-A** : nhà Trần, chữ Đông bên chữ A là chữ Trần —6. **Quyện-cần :** chăm chỉ hết sức nên mỏi mệt — 7. **Xuất-gia** : đi tu —8. **Kế-thống :** nối dòng nhà vua — 9. **Hiền-vương** : vua tốt — 10. **Biện-biệt** : phân-biệt — 11. **Ngư-châu** : mắt cá và hạt châu, thứ giả thứ thật, thứ tiện thứ quý.

6. — Lời giải. — *Hai vua Trần-Anh-Tông (1293-1314) và Trần-Minh-Tông (1314 -- 1329) đều là những vua tốt chăm lo việc nước.*

Về đời Minh-Tông, vua quá tin kẻ nịnh-thần là Trần Khắc-Chung mà giết oan một người đã có công với nước là Trần-Quốc-Chân bị nghi là làm phản.

Đối ngoại, hồi ấy sự giao-thiệp với Tàu không có gì đáng chú-ý ; nhưng về phía nam, người Chiêm và người Ai-lao thỉnh-thoảng lại vào quấy nhiễu.

Năm 1306, nhà Trần gả công-chúa Huyền-Trân cho vua Chiêm là Chế-Mân. Chế-Mân dâng hai châu Ô và Lý

Để cho tả-nịnh [12] ở đầu giai-ban. [13]
Khắc-Chung thêm dệt lời gian,
Quốc-Chân mắc phải tiếng oan thiệt mình. 1100

7. – Việc đánh dẹp về đời Hiến - Tông

Hiến-tông làm máy lung-linh, [1]
Nghiệm xem tinh-độ vận-hành [2] không sai.
Thạch-đê [3] mới đắp đường dài,
Nước sông thuận lối về ngoài biển Đông.
Thừa bình [4] lại hiếu vũ-công, [5]
Đà-giang xa-mã, [6] Nam-nhung tinh-kỳ. [7]
Cổ-quăng [8] mấy kẻ truy-tùy, [9]
Nhữ-Hài, Chiêu-Nghĩa đều về thủy-cung. [10]

(sau đổi là Thuận-châu và Hóa-châu). Chưa được một năm, Chế-Mân mất, Anh-Tông lại cho đón Huyền-Trân về nước.

Năm 1311, Anh-Tông đánh Chiêm-thành; năm 1318, Minh-Tông lại đánh một lần nữa.

Dưới triều Anh-Tông, tướng Phạm-Ngũ-Lão còn đánh dẹp Ai-lao vào quấy rối ở vùng Thanh-hóa và Nghệ-an.

– 12. **Tả-nịnh** : gian-tà và xu nịnh – 13. **Giai-ban** : thứ bậc các quan.

7. – CHÚ-THÍCH – 1. **Máy lung-linh** : tên thứ máy đo tốc-độ của sao – 2. **Tinh-độ vận-hành** : sự xoay chuyển của sao – 3. **Thạch-đê** : đê bằng đá – 4. **Thừa bình** : hưởng sự thái-bình – 5. **Hiếu vũ-công** : ham việc chiến-tranh – 6. **Xa-mã** : xe ngựa, quân đội đi trận – 7. **Tinh-kỳ** : cờ quân đi trận – 8. **Cổ-quăng** : chân tay, bề tôi thân – 9. **Truy-tùy** : chạy theo, ý nói các tướng giong-ruổi theo vua đi đánh giặc – 10. **Về thủy-cung** : chết đuối.

Kiềm-châu có đá kỷ công,[11]
Oán dày vẻ triện, sầu đòng ngấn rều.[12] 1110

11.— **Kỷ công:** ghi chép công trạng — 12. **Ngấn rều:** ngấn rêu. Câu này ý nói dân oán giận về việc chinh-chiến nhiều.

7. — Lời giải. — *Trần-Hiến-Tông (1329 -- 1341) lên ngôi mới có 10 tuổi. Minh-Tông làm Thái-thượng-hoàng trông nom mọi việc.*

Về đời Hiến-Tông, nhà vua chăm-chú đến việc thiên-văn, đắp thêm đê để giữ cho khỏi lụt.

Việc đánh dẹp hồi ấy nhiều. Năm 1329, Thái-thượng-hoàng phải thân-chinh giặc Ngưu-hống ở mạn Đà-giang.

Năm 1384, lại đi đánh Ai-lao bấy giờ sang quấy nhiễu ở vùng Thanh-hóa. Quân Ai-lao bỏ chạy ở Kiềm-châu (thuộc huyện Chương-dương, Nghệ-An). Thượng-hoàng sai Nguyễn-Trung-Ngạn làm bài bia khắc trên núi để ghi công. Bi ấy nay còn.

Năm sau Ai-lao lại vào cướp ở ấp Nam-nhung (thuộc Chương-dương, Nghệ-an), Thượng-hoàng lại phải đi đánh.

Trong các cuộc đánh dẹp, ta cũng bị thiệt hại: tướng ta là Hầu-Chiêu-Nghĩa bị giết ở Đà-giang, và Đoàn-Nhữ-Hài bị giết ở Nam-nhung.

ĐOẠN MƯỜI HAI

NHÀ TRẦN

Thời-kỳ suy
(1341 — 1400)

1. — Nhà Trần bắt đầu suy

Dụ-Tông em lại thừa diêu, [1]
Ngôi thay anh cả, quyền theo Thượng-hoàng.
Thượng-thư [2] mới đặt tỉnh-đường, [3]
Đề-hình, [4] chuyển-vận [5] chức thường có tên.
Khuyến-nông sai sứ đồn-điền, [6]
Vân-đồn đặt trấn tra [7] thuyền khách-nhân. [8]
Khu-tảo [9] thống-lĩnh cấm-quân, [10]
Phong-đoàn [11] lại mới kén dân các đô.

---

1. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Thừa diêu** : nối ngôi vua — 2. **Thượng thư** : chức quan đứng đầu hành-chính — 3. **Tỉnh-đường** : chức quan đứng đầu một bộ — 4. **Đề-hình** : chức quan coi việc hình-án 5. **Chuyển-vận:** chức quan coi việc chuyên-chở lương-thảo — 6. **Khuyến nông, đồn-điền** : *khuyến-nông* là chức quan coi việc canh-nông, *đồn-điền* là nơi lính phá vỡ đất hoang. Nhà Trần đặt chức Khuyến-nông để phụ-trách việc dùng binh-lính phá vỡ đất hoang 7. **Tra** : kiểm soát — 8. **Khách-nhân** : người ngoại-quốc — 9. **Khu-tảo** : ti *(sở)* coi việc quân — 10. **Thống-lĩnh, cấm-quân:** cai-quản quân canh giữ nơi vua ở — 11. **Phong-đoàn** : tên riêng đạo quân có trách-nhiệm nã bắt trộm cướp ; đạo quân ấy chia ra từng "đô"

Uy-thanh xa động biên-ngu,[12]
Chiêm-thành Chế-Mộ dâng đồ thổ-nghi.[13] 1120
Mong nhờ đưa lối về quê,
Hay đâu gặp gió trở về luống công.[14]
Thượng-hoàng đã vắng mặt trong,
Nào ai kiêng sợ mà lòng chẳng di?[15]
Đền Song-quế, ao Thanh-trì,
Muông-chim hoa-cỏ thiếu gì trò chơi!
Trong cung cờ bạc chơi bời,
Tiệc vui chuốc chén, trận cười leo dây.
Đạo thường chẳng cẩn phòng-vi,[16]
Chị em chung chạ loạn bề đại-luân. 1130

---

12. **Biên-ngu**: (góc) biên-thùy. - 13. **Thổ-nghi**: sản-vật riêng của đất nước (Chiêm) — 14. **Luống công**: phí mất công — 15. **Chẳng di**: chẳng thay đổi — 16. **Cẩn phòng-vi**: cẩn là thận-trọng, kiêng dè, phòng vi là phòng đàn bà ở. Khi còn là thái-tử, Dụ-Tông bị đắm ở Hồ-tây, có thầy thuốc tên là Trâu-Canh cứu sống, nhưng sau bị bệnh. Canh bảo ăn gan trẻ con và loạn-luân mới khỏi.

1. — **Lời giải.** — *Hiếu-Tông chết mới có 23 tuổi không có con. Em lên nối ngôi, tức là Dụ-Tông (1341-1369).*

Từ 1341 đến 1357, Dụ-Tông tuy làm vua nhưng quyền-hành đều ở Thái-thượng-hoàng Minh-Tông. Có nhiều việc sửa sang về cai-trị và binh-đội; đất hoang được khai-khẩn; nhà vua lại đặt quan trấn-thủ ở Vân-đồn (nay là Vân-hải, thuộc Quảng yên) để xem xét thuyền bè các nước qua lại.

Về ngoại-giao, Chiêm-thành vẫn triều-cống nước ta. Năm 1352, thái-tử Chiêm là Chế-Mộ bị anh rể tranh mất ngôi, chạy sang cầu-cứu nước ta. Năm sau (1353) nhà Trần cho quân đưa Chế-Mộ về nước. Nhưng quân ta đến Cổ-lũy (thuộc Quảng-Ngãi) bị gió ngược lạc qua

2. — Dương-Nhật-Lễ tiếm-vị

Truyền ngôi con dứa ưu-nhân, [1]
Để Dương-Nhật-Lễ tiếm Trần dựng lên.
Thói nhà bài-hước [2] đã quen,
Tiếng hòa nhịp phách, hát chen cung đàn.
Hiến-từ đã phải hàm-oan, [3]
Trần-công mưu hở thân-tàn [4] cũng thương!
Nghệ-tông dòng dõi thiên-hoàng, [5]
Đà-giang lánh dấu liệu đường khuất-thân. [6]
Tiềm-mưu [7] với kẻ tôn-thần, [8]
Đem về xã-tắc nhà Trần thủa xưa. 1140

---

về. Chế-Mộ sau buồn-rầu mà chết. Có chỗ chép quân ta bị Chiêm-thành đánh thua ở Cổ-lũy.

Từ 1358 trở đi, Thượng-hoàng Minh-Tông mất, Dụ-Tông chơi-bời dâm-đãng: sai xây đền Song-quế, đào ao Thanh-trì, nuôi giống thú lạ, giồng các thứ hoa cỏ hiếm, họp người cờ bạc, bầy trò leo giây múa rối trong cung; lại tư-thông với cả em gái. Những người danh-nho, như Chu-Văn-An, can ngăn không được, đều bỏ quan về nhà.

Nhà Trần bắt đầu suy từ đấy,

2. CHÚ-THÍCH. — 1. **Ưu-nhân**: con hát, người làm trò — 2. **Bài-hước**: phường trèo — 3. **Hiến-từ, hàm oan**: *Hiến-từ*, tên riêng bà Hoàng-thái-hậu (mẹ vua Trần) bị Dương-Nhật-Lễ giết, *hàm-oan* là ngậm oan (bị giết oan) — 4. **Trần-công, thân tàn**: *Trần-công* là Trần-Nguyên-Trác khởi binh đánh Nhật-Lễ nhưng bị thua và bị giết; *thân-tàn* là chết — 5. **Thiên-hoàng**: dòng vua — 6. **Khuất-thân**: *khuất* là co lại (nhịn nhục), *thân* là duỗi ra (cương-quyết) ý nói mềm-mỏng, khéo-léo, tuỳ cơ mà liệu nên cương (cứng) hay nên nhu (mềm) — 7. **Tiềm-mưu**: mưu ngầm — 8. **Tôn-thần**: bề tôi có họ với vua

Yêu-phân [9] dành đã tảo-trừ, [10]
Cũng là nối một mối thừa lại sau.

3. — Chiêm - thành xâm - nhiễu

Tiếc sao một mực ưu - nhu, [1]
Đông-A [2] từ ấy cơ - đồ mới suy.
Giậu phên trống - trải biên-thùy,
Giặc Chiêm giong-ruổi đô-kỳ [3] xôn-xao.
Quý - Ly cho dự khu - tào, [4]
Báu thiêng [5] lại để gian-hào [6] khải-du. [7]
Duệ-Tông hăm-hở phục - thù,
Đánh Chiêm nào quản tri-khu [8] dặm trường. 1150
Khinh minh vào động Ky - mang,

---

9. **Yêu-phân** : khí yêu - quái. Chỉ việc Nhật-Lễ tiếm-vị — 10. **Tảo-trừ** : quét sạch.

2. — Lời giải. — *Dụ-Tông mất không có con (1369) Bà Hoàng-thái-hậu nhất-định lập Dương-Nhật-Lễ lên ngôi.*

Nhật-Lễ là một con một người hát bội, được một hoàng-thân nhận làm con nên chỉ quen thói hát xướng chơi bời. Sau Nhật - Lễ giết Hoàng - thái - hậu và Trần-Nguyên-Trác là người muốn đánh Nhật-Lễ.

Năm 1370, con thứ ba vua Minh-Tông, vẫn ẩn náu ở mạn Đà-giang, âm-mưu với các tôn-thất, đem quân giết được Nhật - Lễ và lấy lại được ngôi vua. Đó là Trần-Nghệ-Tông (1370-1372).

3. —CHÚ-THÍCH.— 1. **Ưu - nhu:** nhu-nhược — 2. **Đông - A:** chữ Đông bên cạnh chữ A, là chữ Trần — 3. **Đô - kỳ:** kinh-đô (Thăng - long) — 4. **Khu-tào** : tòa coi việc quân — 5. **Báu thiêng** : ngôi vua — 6. **Gian-hào** : gian-tà — 7. **Khải - du:** dòm ngó — 8. **Trì-khu** : giong ruổi

Tinh-kỳ [9] tan-tác gió sương mịt-mù.
Em [10] là Phế-đế hôn-ngu, [11]
Chôn tiền giấu của như trò trẻ chơi.

–9. **Tinh-kỳ:** cờ (của quân ra trận) – 10 Em : tác-giả lầm. Phế-đế là con Duệ-tông -- 11. **Hôn-ngu** : ngu muội.

3. — Lời giải. — *Vào nửa sau thế-kỷ 14, trong khi nhà Trần suy-nhược thì ở Chiêm-thành có Chế-Bồng-Nga là một ông vua anh-hùng lập chí luyện-tập quân-sĩ để đánh nước ta.*

Về đời Dụ-Tông, quân ta đã hai lần tiến sang Chiêm mà đều phải rút lui (1353 đem Chế-Mộ về, và 1367).

Từ 1368, Chiêm sai sứ sang đòi Hóa-châu, rồi năm 1870, kéo quân sang đánh Thăng-long, Nghệ-Tông phải chạy. Quân Chiêm vào thành cướp phá, rồi bắt dân bà con gái, lấy của cải mà rút về.

Duệ-Tông lên ngôi (1374-1377) sửa-soạn đánh báo thù. Năm 1377, đem đại-binh tiến vào cửa Thi-nại (Qui-nhơn) đánh đồn Thạch-kiều và động Kỳ-mang rồi vây Đồ-bàn (gần thành Bình-định bây giờ) là kinh-đô của Chiêm Nhưng Duệ-Tông bị phục-binh của Chế-Bồng-Nga giết, và quân ta bị thiệt hại gần hết.

Con Duệ-Tông là Nghiễn lên làm vua (1377) nhưng nước ta đã quá suy-nhược.

Từ 1377 đến 1388, quân Chiêm vào cướp phá Thăng-Long ba lần và nhiều lần vào quấy nhiễu vùng Thanh hóa, Nghệ-an.

Vua Đế-Nghiễn (Trần Phế-đế) sợ giặc phải đem của đi chôn!

Năm 1389, Chế-Bồng-Nga lại đem quân đánh Thanh-hóa và sang năm sau (1390) đem quân tiến đến

4. — Lê - Quý - Ly phế - lập

Quý - Ly quyền lấn trong ngoài, [1]
Buông lời sàm-gián [2] quên bài tôn-thân. [3]
Truyền với Phế - đế vào sân,
Lụa dào một tấm bể trần kết - oan.
Thuận - Tông tuổi mọn tài hèn,
Ngôi không mà để chinh-quyền mặc ai. 1160
Phải chăng bởi tại mưu người,
Mà điềm trẫm-triệu [4] cơ trời lạ sao!
Thượng-hoàng một giấc chiêm-bao,
Bạch-kê, xích-chủy [5] ứng vào câu thơ.
Loạn-trưng [6] đã hiện từ giờ,
Mà đồ tứ-phụ [7] ai ngờ vẽ ra!
Chim con đem gửi ác [8] giả,
Chắc đâu phó - thác [9] hẳn là đắc-nhân! [10]

---

sông Luộc (thuộc tỉnh Hưng-yên). Bồng-Nga bị trúng đạn chết ở đấy. Quân Chiêm phải rút về. Từ đấy ta mới hết lo về mặt Nam-thủy.

4.- CHÚ-THÍCH —1. **Quyền lấn trong ngoài** : chiếm dần hết cả quyền ở trong triều và ở các địa-phương— 2. **Sàm - gián** : dèm pha để ly-gián vua với mọi người— 3. **Tôn-thân** : tinh thân - thích với nhà vua— 4. **Trẫm-triệu** : điềm ứng trước— 5. **Bạch-kê, xích-chủy** : vua Nghệ - Tông nằm mơ thấy câu thơ trong có nói « trong khoảng bụi có con hầu mõm đỏ (xích-chủy-hầu) lăm le lên lầu Bạch-kê. Xích-chủy-hầu ám-chỉ Quý-Ly, Bạch-kê (kê tức là năm Dậu tuổi vua Nghệ-Tông). Câu thơ ấy báo trước Quý-Ly sẽ tiếm vị của vua Nghệ-Tông -- 6. **Loạn-trưng** : triệu-chứng loạn -- 7. **Đồ tứ-phụ** : bức vẽ bốn người bầy tôi có công giúp vua nhỏ (Chu-Công giúp Thành-Vương, Hoắc-Quang giúp Thiến - Đế, Khổng - Minh giúp vua cuối nhà Hán, Tô-Hiến-Thành giúp Lý-Cao-Tông). Vua Nghệ-Tông cho Quý - Ly bức vẽ ấy để ngỏ ý tin Quý - Ly hết sức phù Trần-Thuận-Tông. Như vậy tỏ rằng Nghệ-Tông u-mê, không khác gì đem gà con gửi quạ già --8. **Ác** : con quạ -- 9, **Phó - thác** : gửi gắp 10 **Đắc-nhân** : người xứng - đáng, đáng chọn.

4. – Lời - giải. — *Lê-Quý-Ly, vốn là họ Hồ, vì có ông tổ làm con nuôi họ Lê ở vùng Thanh-hóa, nên đổi ra họ Lê.*

Quý-Ly có hai người cô lấy Minh - Tông, một người đẻ ra Duệ-Tông, một người đẻ ra Nghệ-Tông. Nên Quý-Ly được Nghệ-Tông tin dùng suốt trong thời-kỳ Nghệ-Tông làm vua và làm Thái - thượng-hoàng, trải qua bốn đời vua (1370--1294).

Quý-Ly dèm pha để gác bỏ hết người trung - thành với vua, đặt tay chân của mình vào các chỗ có quyền-hành, xui Nghệ - Tông truất Đế-Nghiễn là người muốn chống với Quý-Ly ; rồi ép Đế-Nghiễn tự-tử.

Tuy vậy trước khi chết, Nghệ-Tông vẫn còn giao cho Quý-Ly làm phụ-chính cho Trần-Thuận-Tông (1388--1398)

ĐOẠN MƯỜI BA

NHÀ HỒ VÀ GIẶC MINH

(1400 — 1418)

1. -- Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần

Quý-Ly gắm-ghé vạc Trần, [1]
Quyết dời kẻ-chợ [2] về gần An-tôn.
Đã xui truyền vị cho con,
Ngọc-thanh lại kết oan-hồn một giây
Gặp khi Thiếu-Đế thơ ngây,
Khát-Chân, Trần-Hãng đêm ngày hợp-mưu.
Hội-minh [3] vừa mới lên lầu,
Ba trăm đồ-đảng cùng nhau hiệp-tình.
Dùng-dằng chưa kịp cất binh,
Hở cơ một phút tan tành như tro.
Quý-Ly mới đổi họ Hồ,

---

1. -- CHÚ-THÍCH. -- 1. **Vạc Trần**: cơ-nghiệp (làm vua) của nhà Trần -- 2. **Kẻ-chợ**: kinh-đô -- 3. **Hội-minh**: họp bàn với nhau--

1.— Lời giải.— *Sau khi Thái-thượng-hoàng Nghệ-Tông mất (1394), Quý-Ly mưu việc cướp ngôi nhà Trần. Bắt Thuận-Tông dời đô vào thành Tây-đô (động An-tôn nay thuộc huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa), ép Thuận-Tông nhường ngôi cho con mới có 3 tuổi, rồi lại sai thắt cổ Thuận-Tông ở cung Ngọc-thanh là nơi Thuận-Tông đã ra ở ẩn để tu tiên (huyện Vĩnh-lộc).*

Quốc-danh là hiệu Đại-Ngu chương-hoàng. [4] 1180
Truyền ngôi con cả Hán-Thương,
Tự xưng là Thái-thượng-hoàng ở trong.
Sai người dâng biểu cầu-phong,
Dối Minh xin để nối dòng quốc-quân. [5]

2. – Quân Minh diệt nhà Hồ

Nguyễn-Khang giả tiếng họ Trần,
Sang Minh xin lấy viện-quân đưa về.
Chi-lăng nghe động cổ-bề, [1]
Lý-Bân, Mộc-Thạnh trỏ cờ [2] tới nơi.
Quân Minh nhân thế [3] đuổi dài,

Quý-Ly làm phụ-chính cho Trần-Thiếu-Đế. Triều-thần có người như Trần-Nguyên-Hãng, Trần-Khát-Chân định trừ Quý-Ly; nhưng việc lộ, hơn 300 người bị giết.

Năm 1400, Qui-Ly bỏ Thiếu-Đế, tự xưng làm vua, đổi lại là họ Hồ và đặt tên nước là Đại-Ngu, vì họ Hồ là dòng-dõi nhà Ngu (bên Tầu).

Chưa được một năm, Quý-Ly nhường ngôi cho con là Hồ-Hán-Thương và làm Thái-thượng-hoàng, sai sứ nói dối là con cháu nhà Trần không còn ai, để xin nhà Minh phong cho Hán-Thương làm An-nam quốc-vương.

Nhà Hồ làm vua được có bảy năm (1400-1407). Nhưng trong nước có sửa-sang nhiều việc: chuẩn-bị quân lính, định lại thuế khóa, thi-cử v.v... Lại có công đánh Chiêm-thành, mở thêm bờ cõi vào tới Chiêm-động (thuộc Quảng-nam) và Cổ-lũy (thuộc Quảng-ngãi) (1402-1403).

4. **Chương-hoàng:** rực-rỡ, khoe-khoang. – 5. **Quốc-quân**: vua của nước (Nam).

2.– CHÚ - THÍCH– 1. **Cổ - bề**: trống trận –2. **Trỏ cờ:** chỉ cờ để mang quân tới – 3. **Nhân thế**: thừa cơ thắng - thế

Nhị Hồ mới chạy ra ngoài phương xa.
Núi Cao-vọng, bến Kỳ-la,
Đường cùng phải bắt cũng là trời xui!
Tôn-vinh kể được mấy hơi,
Sáu năm tiếm-vị,[4] muôn đời ô-danh.[5]

3. – Trần-Giản-Định chống Minh

Quý-Ly tội ác đã dành,
Rồi ra lại gặp người Minh hung-tàn.
Chia phủ, huyện, đặt quân-quan,
Cỏ cây đều phải lầm-than hội này.
Dòng Trần chưa dứt một dây,
Triệu-Cơ còn rắp ra tay đồ-hồi.[1]
Lại phù Giản-Định lên ngôi,

-- 4. **Tiếm-vị** : cướp ngôi vua (nhà Trần) – 5. **Ô-danh** : tiếng xấu.

2. – Lời giải. – *Năm 1404, có Nguyễn-Khang, sau đổi tên là Trần-Thiêm-Bình tự xưng là con vua Nghệ-Tông, trốn sang Tầu, kể rõ sự tiếm-nghịch của Quý-Ly và xin nhà Minh giúp. Nhà Minh bấy giờ thế đã mạnh và đò xét nước Nam đã kỹ, bèn mượn tiếng giúp nhà Trần diệt nhà Hồ, mà kéo quân sang.*

Năm 1406, Quý-Ly chặn đánh quân Minh ở Chi-Lăng, bắt được Trần-Thiêm-Bình mà giết đi.

Quân Minh liền chia hai đường từ Vân-nam và từ Quảng-tây đánh xuống. Quân nhà Hồ thua.

Quý-Ly chạy vào đến cửa Kỳ-la (thuộc huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh) thì bị quân Minh bắt, con cháu thì bị bắt ở núi Cao-vọng, cũng thuộc huyện Kỳ-anh (1407), rồi bị giải cả về Tầu.

3 – CHÚ-THÍCH. – 1. **Đồ-hồi** : mưu sự khôi-phục (nhà Trần) –

Cảnh-Chân, Đặng-Tất vua tôi hiệp-tinh.
Mở cờ đánh với quân Minh.
Phá đồn Cổ-lộng, đốt thành Bô-cô.
Vì hay nhân thế tràng-khu, [2]
May ra khôi-phục cơ-đồ cũng nên.
Trùng-hưng cơ-tự [3] chưa bền,
Bỗng không dem kẻ tướng hiền [4] giết đi.
Cho nên hảo-kiệt bạn-li, [5]
Cảnh vầy không có, còn gì mà mong? 1210

4. — Trần-Trùng-Quang chống Minh

Tướng-môn [1] lại có con dòng,

2, **Nhân thế tràng khu**: nhân lúc thắng mà đánh đuổi luôn nữa. — 3. **Trùng-hưng cơ-tự**: xây dựng lại nền móng (nghiệp nhà Trần) — 4. **Tướng hiền**: tướng trung và giỏi; chỉ Đặng-Tất và Nguyễn-Cảnh-Chân — 5. **Bạn-li**: phân lìa; ý nói ai cũng chán-nản không muốn giúp nữa.

3. — Lời giải. — *Nhà Minh diệt Hồ xong, liền chia nước ta ra thành phủ, huyện, và đặt quan cai-trị; dụ con cháu nhà Trần ra mà giết đi, lấy lợi mà mua chuộc hay bắt những người tài-giỏi mà đưa về Tầu.*

Bấy giờ có Trần-Triệu-Cơ tôn con cháu nhà Trần là Giản-Định-Vương lên làm vua (1407-1409) và cất quân đánh giặc Minh.

Nhờ có những tướng-tài như Đặng-Tất, Nguyễn-Cảnh-Chân và được dân ủng-hộ, vua Giản-Định phá được quân Minh ở bến Bô-cô, thuộc huyện Phong-doanh, và đuổi đến thành Cổ-lộng thuộc huyện Ý-yên, tỉnh Nam-định.

Nhưng vua Giản-Định không biết thừa thế đánh ra tới Đông-đô (Thăng-long). Sau lại nghe lời dèm pha, giết Đặng-Tất và Cảnh-Chân, khiến cho lòng người chán-nản.

4. — CHÚ-THÍCH — 1. **Tướng-môn**: dòng-dõi nhà tướng; Đặng-Dung là con Đặng-Tất; Cảnh-Dị là con Cảnh-Chân.

Đặng-Dung, Cảnh-Dị mới cùng hợp-mưu.
Một hai quyết-chí đồng-cừu, [2]
Cùng đem binh-sĩ ruổi vào Chi-la.
Lại tìm dòng-dõi Trần-gia,
Tôn-phù [3] Qui-Khoáng, ấy là Trùng-Quang.
Đem binh vào phủ Thiên-trảng,
Đón vua Giản-Định về đàng Nghệ-an.
Cùng nhau gánh việc gian-nan,
Hạ-hồng tế, [4] ngựa Bình-than đỗ thuyền. 1220
Quân Minh cố giữ thành bền,
Bỗng đâu Trương-Phụ băng miền lại sang.

5.— Quân Minh chiếm toàn cõi Đại-Việt

Từ khi Giản-Định dầu hàng,
Nghệ-an đất cũ Trùng-Quang lại về.
Quân Minh chiếm giữ Bắc-kỳ, [1]
Vua Trần lánh ở Nam-thùy [2] một nơi.

---

2. **Đồng-cừu**: cùng theo đuổi một mối thù (giặc Minh) — 3. **Tôn phù**: tôn lên làm vua mà giúp đỡ — 4 **Tế**: chạy đều bốn chân, cũng còn gọi là chạy nước kiệu (nói về ngựa).

4. — Lời giải. — *Con Đặng-Tất là Đặng-Dung và con Cảnh-Chân là Cảnh-Dị liền quay binh về Chi-La (tức là huyện La-sơn, Hà-Tĩnh), tôn cháu vua Nghệ-Tông là Qui-Khoáng lên làm vua, lấy hiệu là Trùng-Quang.*

Qui-Khoáng tôn vua Giản-Định, bấy giờ đương chống Minh ở phủ Thiên-trường (Nam-định), lên làm Thái-thượng hoàng ; rồi chia nhau chống với quân Minh. Giản-Định đóng ở Hạ hồng (Ninh-giang), còn Qui-Khoáng đóng ở bến Bình-than (thuộc huyện Gia-bình, Bắc-ninh).

Nhà Minh sai Trương-Phụ đem quân sang tiếp-viện.

5—CHÚ-THÍCH—4. **Bắc-kỳ:** miền bắc—2. **Nam-thùy**: biên thùy phía Nam (nước ta) hồi ấy là Hóa-châu.

Đặng-Dung, Cảnh-Dị mấy người,
Thế cùng dù có tướng tài cũng thua.
Trước sau mười bốn đời vua,
Một trăm tám chục xuân-thu [3] chưa chầy.
Loạn-cơ [4] bởi tự ai gầy?
Quỷ-Ly tiếm-thiết [5] tội lây muôn đời.
Chẳng qua lịch đổi, số đời, [6]
Xui ra cho đứa gian-hồi [7] nhuốm tay.

6. – Chính-sách nhà Minh

Cốc-lăng [1] trời khéo đổi thay,
Giận riêng bỏ cõi từ rầy thuộc Minh.
Người tri-thức, kẻ tài-danh,
Nam-sơn đào-độn, [2] Bắc-đình câu-lưu. [3]
Thuế tơ, thuế thóc tham-cầu, [4]

—3. **Xuân-thu** : năm — 1. **Loạn-cơ** : gốc của sự loạn-lạc — 5. **Tiếm thiết** : cướp ngôi vua — 6. **Lịch đổi, số đời** : thời thế và số-phận thay đổi — 7. **Gian-hồi** : gian-tà.

5. — Lời giải. - *Quân Trương-Phụ đánh đuổi và bắt Giản-Định ở vùng Nho-quan.*

Qui-Khoáng giữ Bình-thuận không nổi, phải rút về Nghệ-an. Sau bị đánh và thiếu lương-thực, lại phải bỏ Nghệ-an chạy vào Hóa-châu (1413).

Quân Minh tiến đánh, bắt được, giải về Tàu. Qui Khoáng và các tướng Đặng-Dung, Nguyễn-Cảnh-Dị và Nguyễn-Súy đều tự-tử ở giữa đường.

6. — CHÚ-THÍCH — 1. **Cốc-lăng** : hang và gò, lúc xuống lúc lên, ý nói sự biến đổi — 2. **Nam-sơn đào-lộn** : trốn tránh ở rừng núi nước Nam — 3. **Bắc-đình câu-lưu** : cầm giữ ở triều-đình nhà Minh (bên Tàu) — 4. **Tham-cầu**: đòi một cách tham lam quá đáng.

Mỏ vàng mỏ bạc, trưng-thâu [5] cũng nhiều; 1240
Săn bạch-tượng, [6] hái hồ-tiêu,
Mỏ châu, [7] cấm muối, lắm điều hại dân.

---

5. **Trưng-thâu** (thu) : cưỡng ép phải nộp— 6. **Bạch-tượng** : voi trắng— 7. **Châu** : châu ngọc.

6.— Lời giải.— *Nhà Trần mất rồi, nước ta bị nhà Minh cai-trị một cách tàn-ác.*

Người tài-giỏi bị dụ-dỗ ra làm quan rồi bị đưa về giữ ở Kim-lăng (Tầu) ; còn người nào muốn sống thì phải ẩn-trốn ở nơi rừng núi.

Nhà Minh lại đặt ra nhiều thứ thuế nặng (thuế tơ, thuế thóc); bắt dân đi khai mỏ vàng, mỏ bạc, vào rừng lấy hồ-tiêu, săn voi trắng để lấy ngà, hoặc là lặn xuống biển để mò ngọc trai. Lại cấm dân nấu muối.

Dân-gian bấy giờ khổ sở và oán-giận vô-cùng.

Đó là cơ-hội thuận-tiện cho cuộc khởi-nghĩa của vua Lê-Thái-Tổ.

ĐOẠN MƯỜI BỐN

NHÀ HẬU - LÊ

Thời - kỳ thống - nhất

(1418 — 1526)

1. — Lê - Thái - Tổ phá giặc Minh

Mới hay cơ-tạo [1] xoay vần,
Có khi bĩ-cực đến tuần thái-lai. [2]
Thiếu chi hảo-kiệt trong đời,
Non xanh nước bạc có người kinh-luân. [3]
Lương-giang [4] trời mở chân-nhân, [5]
Vua Lê-Thái-Tổ ứng tuần [6] mới ra.
Lam-sơn khởi-nghĩa từ nhà,
Phong-trần [7] lắm lúc kể đà gian nguy.
Lạc-xuyên đâu giết Mã-kỳ,
Nghệ, Thanh một giải thu về bản-chương. [8]
Chia quân kinh-lược [9] mọi đường,

---

1 — CHÚ-THÍCH — **1. Cơ-tạo**: máy tạo-hóa — 2. **Bĩ-cực thái-lai** Khốn - khổ hết, rồi may - mắn lại đến — 3. **Kinh - luân:** gỡ mối rối, tài chính-trị — 4. **Lương giang**: tên cũ của huyện Thụy-nguyên thuộc tỉnh Thanh-hóa — 5. **Chân-nhân**: người xứng đáng (làm vua) — 6. **Ứng tuần:** hợp lúc — 7. **Phong-trần:** gió bụi, chỉ lúc khổ-sở gian-nan — 8. **Bản chương**: bản-đồ — 9. **Kinh - lược**: đánh dẹp —

Hai kinh đã định, bốn phương cũng bình.
Vương-Thông bền giữ cô-thành, [10]
Viện-binh [11] hai đạo Bắc-đình tiếp sang.
Trời nam đã có chủ-trương, [12]
Mà cơ chế-thắng [13] miếu-đường [14] cũng tinh.
Chi-lăng các đạo phục-binh,
Liễu-Thăng, Mộc-Thạnh liều mình nẻo xa.
Vương-Thông thế túng cầu-hòa,
Quyền phong [15] Trần-Cảo gọi là Quốc-vương.
Ngôi thiêng [16] sao xứng tài thường,
Trần-công trẫm-sát [17] để nhường long-phi. [18]

---

10. **Cô-thành:** thành đứng trơ-trọi (bị vây)—11. **Viện-binh:** binh đến cứu—12. **Chủ trương:** trông nom xếp-đặt—13. **Cơ chế-thắng:** cơ hội chiếm lấy phần thắng-lợi—14. **Miếu-đường:** chỗ thờ và chỗ làm việc; ý nói người xưa và người nay (đương giúp việc)—15. **Quyền-phong:** phong tạm—16. **Ngôi thiêng:** địa vị cao-quý (ngôi vua)—17. **Trẫm-sát:** uống thuốc độc tự-tử—18. **Long-phi:** rồng bay, vua lên ngôi.

1 – Lời giải. – *Lê-Lợi sau lên ngôi là Lê-Thái-Tổ, người làng Lam-sơn, huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Không chịu ra làm quan với nhà Minh, ở trong núi để sửa soạn đánh quân Minh.*

Năm 1418, Lê-Lợi xưng là Bình-định-vương và khởi-nghĩa ở núi Lam-sơn, đánh được tướng nhà Minh là Mã-Kỳ ở Lạc-thủy (thuộc huyện Cẩm-thủy, phủ Quảng-hóa, Thanh hóa). Nhưng sau thế yếu lại bị thua.

Từ 1418 đến 1423, vương bị nhiều lúc gian-nan, nguy-khốn, nhưng không nản lòng.

Năm 1424, vương đánh lấy Nghệ-an, rồi một mặt thì cho ra vây Tây-đô (Thanh-hóa) và một mặt sai tướng đánh vào Thuận-hóa.

2. — Nhà Lê kiến-quốc

Thuận-thiên niên-hiệu cải-đề, [1]
Non sông mới thuộc về Lê từ rầy.
Quan-danh, quân-hiệu [2] mới thay,
Bản-đồ đổi lại huyện này, phủ kia.
Dựng nhà học, mở khoa thi,
Triều-nghi, [3] quốc-luật [4] một kỳ giảng-tu. [5] 1270
Mười năm khai-sáng cơ-đồ, [6]

Năm 1426, vương tiến binh ra Bắc, phá tan quân Minh ở Tụy-động (thuộc huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà đông gần Ngã-ba Thá) rồi vây Đông đô (Hà-nội).

Năm 1427, nhà Minh sai bọn Liễu-Thăng, Mộc-Thạnh đem 10 vạn quân sang cứu Vương-Thông bị vây ở Đông-đô.

Bình-định-vương phục-binh ở ải Chi-lăng (Lạng-sơn giáp Lạng-giang) giết Liễu-Thăng và phá tan viện binh của giặc. Vương-Thông phải xin hòa.

Lúc đầu, muốn có cuộc giảng-hòa dễ dàng, mượn cớ là lập lại nhà Trần, vương để cho nhà Minh phong cho Trần-Cao (có nơi đọc là Cảo) làm vua. Nhưng Trần-Cao biết không ai theo mình bèn trốn vào châu Ngọc-ma (phủ Trấn-ninh) và sau bị bắt về và uống thuốc độc tự-tử.

Bình-định-vương lên ngôi, đặt tên nước là Đại-Việt (1428)

2.—CHÚ-THÍCH.—1. **Niên-hiệu cải-đề**: đổi tên năm.—2. **Quan-danh, quân-hiệu**: tên các chức về văn và võ.—3. **Triều-nghi**: nghi tiết (cách tiếp đãi) trong triều-đình.—4. **Quốc-luật**: lệ-luật của nước.—5. **Một kỳ giảng-tu**: định rõ ràng và sửa sang lại một lượt.—6. **Khai sáng cơ đồ**: mở-mang cơ-nghiệp.

Sáu năm bình-trị [7] qui-mô [8] cũng tưởng.
Thái-Tông rộng mở khoa-trường, [9]
Lập bia tiến-sĩ trọng đường tư-văn. [10]
Chín năm nối nghiệp cơ-cần, [11]
Viễn-di [12] mến đức, cường-thần [13] sợ uy.
Tuổi xanh hoang-túng [14] nhiều bề,
Vườn xuân lắm lúc say-mê vi tình.
Đông-tuần [15] về đến Bắc-ninh,
Riêng tình Thị-Lộ quên mình bởi ai? 1280
Nhân-Tông tuổi mới lên hai,

—7. **Bình-trị**: cai-trị trong lúc thái-bình —8. **Qui-mô**: khuôn mẫu— 9. **Khoa-trường**: nơi thi cử — 10. **Tư-văn**: học-hành— 11. **Cơ-cần**: khó nhọc, chăm chỉ _ 12. **Viễn-di**: rợ mọi ở xa —13. **Cường-thần**: bề tôi nắm nhiều quyền. Chỉ Lê-Sát làm phụ-chính và lộng quyền khi Thái-Tông còn bé sau bị Thái - Tông giết —14. **Hoang túng**: chơi bời không gìn giữ— 15. **Đông-tuần**: đi xem xét về phương đông.

2.— Lời giải.— *Vua Lê-Thái-Tổ, đặt niên hiệu là Thuận-thiên, làm vua được sáu năm (1428-1433) thọ 49 tuổi.*

Vua Thái-Tông kế-vị (1434-1442). Đi qua huyện Chí-Linh thấy người hầu của ông Nguyễn-Trãi, là Thị-Lộ có nhan sắc, liền bắt đi theo hầu. Đến huyện Gia-định (bây giờ là Gia-bình, Bắc-ninh) thì chết. Triều-đình đổ tội cho Thị-Lộ giết vua rồi giết cả ba họ ông Nguyễn-Trãi.

Lê-Nhân-Tông (1442-1459) lên ngôi mới có 2 tuổi, nên quyền-bính ở trong tay bà Hoàng-thái-hậu.

Trong ba đời vua kể trên đây, nhất là trong sáu năm vua Thái-Tổ trị-vì, đã có nhiều cuộc cải-cách quan-trọng: đặt ra phép quân điền (bốn năm lại chia lại ruộng đất công cho dân); định tên và chức-vị hàng văn võ; đặt lệ

Quyền trong mẫu-hậu [16] chính ngoài thần-công. [17]
Mười năm một hội đại-đồng, [18]
Văn-mô [19] rạng trước, vũ-công [20] phục ngoài.
Đánh Chiêm-thành, bắt Bi-cai,
Đồ-bàn, Cổ-lũy các nơi hướng tiền. [21]

3.—Lê-Nghi-Dân cướp ngôi

Diên-ninh [1] vừa độ trung-niên
Nhân-Tông tuổi cả mới lên ngự trào. [3]
Nghi-Dân cốt-nhục [4] nỡ nào,
Tiềm-mưu [5] đêm bắc thang vào nội-cung. [6] 1290
Mẹ con đương thuở giấc nồng,

---

luật mới, phỏng theo hình-luật nhà Đường (bên Tầu); chia nước để đặt nền cai-trị. Việc học hành được khuyến khích nhiều: năm 1442, Thái-Tông sai khắc tên những người đỗ Tiến-sĩ vào bia bầy ở nhà văn-miếu.

Đối ngoại, thì về đời Nhân-Tông quân ta đánh Chiêm-thành bấy giờ hay vào quấy nhiễu ở Hóa-châu. Quân ta lấy được kinh-đô Chiêm là Đồ-bàn (gần thành Bình-định) bắt được vua Chiêm là Bi-cai (1446).

—16. **Mẫu-hậu**: mẹ vua —17. **Thần công**: bề tôi giữ chức to —18. **Đại đồng**: thái-bình, thuận-hòa khắp mọi nơi —19. **Văn-mô rạng trước**: mưu-kế của hàng văn làm rạng tỏ công-đức của đời trước —20. **Vũ-công phục ngoài**: sự thắng lợi của hàng võ làm cho nước ngoài phục —21. **Hướng tiền**: quay về đằng trước, thẳng tiến.

3.—CHÚ-THÍCH—1. **Diên-ninh**: niên hiệu của Lê-Nhân-Tông từ 1454-1459—2. **Trung-niên**: đến tuổi cầm lấy chính-quyền (chỉ vua Nhân-Tông) —3. **Ngự trào**: nói vua ra triều (trào) để bàn việc nước —4. **Cốt nhục**: xương thịt, anh em —5. **Tiềm-mưu**: mưu ngầm

Hồn tiên liều với gian-hùng một tay.
Nghi-Dân chuyên tiếm [7] từ đây,
Lương-tâm đã dứt, ác-cai [8] lại nồng. [9]
Đình-thần nghị tội truất-phong, [10]
Rước Gia-vương ngự đền rồng cải-nguyên.

4.— Thời-kỳ toàn-thịnh: Lê-Thánh-Tông

Thánh-Tông cốt-cách thần-tiên, [1]
Lại thêm kinh thánh truyện hiền [2] gia-công. [3]
Quốc-âm, Đường-luật [4] tinh-thông,
Thiên-văn, toán-pháp, binh-nhung [5] cũng tường.
1300
Tài cao-mại, [6] đức thủ-thường. [7]
Kiến-văn đã rộng, thi-trương [8] cũng già,

-6. **Nội-cung**: nơi vua ở—7. **Chuyên-tiếm**: cướp giữ lấy quyền một mình—8. **Ác-cai**: mầm ác—9. **Nồng**: nhiều; ý nói khi đã lên làm vua, Nghi-Dân lại càng chém giết làm nhiều điều ác—10. **Nghị tội truất-phong:** xử tội và tước hết chức tước.

3.— Lời giải. — *Năm 1459, Nhân-Tông bị Nghi-Dân là một người anh khác mẹ, nửa đêm vào thành, giết chết cùng với Hoàng-thái-hậu.*

Năm tháng sau, các cận-thần nhà Lê họp nhau giết Nghi-Dân, nghịch-đảng, và tôn con thứ tư Thái-Tông là Gia-vương lên ngôi (1460). Đó là Lê-Thánh-Tông.

4.— CHÚ-THÍCH—1. **Cốt-cách thần-tiên:** bẩm-chất quý-hóa sinh ra đã có nhiều đức-tính và thông-minh—2. **Kinh-thánh truyện hiền:** kinh truyện, sách của đạo Nho—3. **Gia-Công:** gắng sức—4. **Quốc-âm, Đường-luật:** thơ quốc-âm, và thơ chữ Hán, làm theo luật nhà Đường (thơ tám câu mỗi câu bảy chữ)— 5. **Binh-nhung:** thuật chiến-tranh—6. **Tài cao-mại:** tài cao-siêu—7. **Đức thù-thường:** đức khác thường—8. **Thi-trương:** thi-hành; câu này nghĩa là vua Thánh-Tông biết đã nhiều mà lại giỏi trong việc thực-hành những điều mình biết

Ba năm lại mở một khoa,
Tân-hưng đại-tị [9] theo nhà Thành-Châu,
Nhạc-âm, lễ-chế [10] giảng-cầu,
Quan-danh, phục-sắc [11] theo trào (triều) Đại-Minh.
Mở Quảng-nam, đặt Trấn-ninh,
Đề-phong [12] muôn dặm uy-linh ai bì.
Kỷ công [13] núi có đá bia,
Thi-văn các tập Thần-khuê [14] còn truyền. 1310

— 9. **Tân-hưng đại-tị**: *tân-hưng* là cử người mới có tài để dâng lên vua, *đại-tị* là khoa thi cao để tuyển chọn. Dưới nhà Chu (bên Tầu về thời thượng-cổ), ba năm lại có một lần chọn người giỏi dâng lên vua — 10. **Nhạc-âm, lễ-chế**: âm-nhạc và lễ-nghi là thứ đạo Khổng chú-trọng đặc-biệt — 11. **Quan-danh phục-sắc**: danh-vị các quan và mầu áo riêng cho mỗi cấp — 12. **Đề-phong**: bờ cõi đất đai — 13 **Kỷ-công**: ghi công — 14. **Thần-khuê**: tên riêng cuốn sách do Lê-Thánh-Tông soạn.

4. — Lời giải. — *Lê Thánh-Tông (1460--1497) là một ông vua có tư-chất thông-minh mà lại chăm học-tập; biết nhiều mà lại giỏi thực hành. Chín năm đầu lấy niên-hiệu là Quang-thuận; từ 1470 thì đổi niên-hiệu là Hồng-đức.*

Dưới triều Lê-Thánh-Tông về mọi phương-diện, nước ta tiến đến một trình-độ cao từ trước chưa bao giờ tới.

Việc học-hành được khuyến-khích: các khoa-thi được mở ra để chọn nhân-tài; nhà Bi-thư được đặt ra để chứa sách vở; văn-chương bằng quốc-âm được trau dồi, mà chính vua Lê-Thánh-Tông cũng còn để lại nhiều bài thơ; vua sai Ngô-Sĩ-Liên làm bộ Đại-Việt-sử-ký (gồm 15 quyển).

Thừa-diêu [15] lại có con hiền,
Hiến-Tông nhân-thứ [16] rạng nền tiền-huy. [17]

5.– Nhà Lê bắt đầu suy

Túc-Tông số lẻ [1] vận suy,
Để cho Uy-Mục thứ chi [2] nối đời.
Đêm ngày tửu-sắc vui chơi,

Về phương-diện cai-trị, thì Thánh-Tông đặt ra quan-chế và lễ-nghi theo như nhà Minh (bên Tàu). Thuế-khóa được sửa đổi, việc canh-nông được săn-sóc. Luật-lệ được tu-soạn (nay còn lại bộ luật Hồng-đức vẫn quen gọi là luật nhà Lê).

Thánh-Tông lại chú-trọng đến việc võ-bị.

Năm 1470, đem quân vào phá kinh-thành Chiêm, và bắt vua Chiêm bấy giờ hay vào cướp phá ở Hóa-châu. Thánh-Tông lấy đất Đồ-bàn, Đại-chiêm và Cổ-lũy của Chiêm-thành, lập ra đạo Quảng-nam.

Năm 1479, đánh bại xứ Lão-qua (Thượng-Lào nay là Luang Prabang), tiến quân đến giáp-giới Diên-điện. Sau lại đánh họ Cầm ở đất Hồn-man và đặt thêm ra phủ Trấn ninh.

Thanh-thế nước ta bấy giờ lừng-lẫy.

Sau Thánh-Tông, Lê-Hiến-Tông (1497--1504) cũng là một ông vua tốt, săn-sóc đến dân-quê, chăm-chú đến việc canh-nông và lấy đức-độ, nhân-từ mà đối-đãi với mọi người.

15. **Thừa diêu** : nối ngôi vua – 16. **Nhân-thứ** : nhân-từ và khoan dung – 17. **Tiền-huy** : sự vẻ-vang của đời trước.

5.-- CHÚ-THÍCH – 1. **Số lẻ** : dịch chữ *cơ-số* dùng để chỉ ngôi vua -- 2. **Thứ-chi** : ngành thứ, chi họ dưới.

Tin bè ngoại-thich [3] hại người tử-thân. [4]
Văn-Lang xưởng-suất phủ-quân, [5]
Thần-phù [6] nổi áng phong-trần một phương.
Giản-Tu cũng phái Ngân-hoàng, [7]
Vào Thanh hợp với Văn-Lang kết thề. 1320
Đem binh vây bức đô-kỳ,
Quỷ-vương khuất mặt, quyền về Trư-vương. [8]
Lại càng dâm-ngược kiêu-hoang,
Trăm gian, nghìn nóc, cung-tường xa-hoa.
Lại càng bác-tước [9] họ nhà,
Cành vàng lá ngọc [10] đều là diêu-linh. [11]

---

3. **Ngoại-thich** : họ ngoại--4. **Tử-thân :** bà mẹ ; chỉ bà Trường-lạc thái-hậu bị Uy-Mục giết—5. **Xưởng-suất phủ-quân** : hô-hào và đốc-suất (cầm đầu) quân ba phủ ở Thanh-hóa (là phủ Hà-trung phủ Thiệu-hoá và phủ Tĩnh-gia)— 6. **Thần-phù** : tên riêng đất, nay thuộc huyện Yên-mô, tỉnh Ninh-bình—7. **Ngân-hoàng** : dòng dõi nhà vua —8. **Quỷ-vương, trư-vương** : vua *quỷ*, vua *lợn* hai tên thời ấy sử Tầu dùng để chỉ Uy-Mục và Tương-Dục một người thì tàn-ác, một người thì dâm-dục—9. **Bác-tước :** bóc-lột, đẽo vót -- 10. **Cành vàng, lá ngọc :** họ hàng nhà vua—11. **Điêu-linh** : tan tác khổ-sở.

5. — **Lời giải.** — *Túc-Tông kế-vị được sáu tháng thì chết (1504). Ngành khác được tôn lên làm vua, tức là Lê-Uy-Mục (1505-1509).*

Uy-Mục say đắm tửu-sắc, nghe người họ ngoại mà giết bà Thái-hoàng-thái-hậu. Em bà Thái-hậu liền đem quân ba phủ, phù-lập Giản-tu-công ở Thần-phù (là anh em con chú con bác với Uy-Mục) lên làm vua, rồi đem quân về giết Uy Mục.

6. – Loạn Trần-Cảo và Trịnh Duy-Sản

Phương ngoài Trần-Cảo lộng-binh, [1]
Mà trong Duy-Sản mống tinh bạn-quàn. [2]
Đem binh vào cửa Bắc-thần, [3]
Bích-câu [4] một phút mòng-trần [5] bởi ai. 1330
Giềng [6] Lê khi đã đổi dời,
Mặc tay Duy-Sản đặt người chủ-trương. [7]
Đã tôn con Mục-ý-vương,
Lại mưu phù-lập [8] Chiêu-hoàng [9] cớ sao ?
Thị-thành vừa lúc xôn-xao,
Lại đưa xa-giá [10] ruổi vào cõi Tây. [11]
Lòng trời khứ-tật [12] mới hay,
Giết Duy-Sản lại mượn tay giặc Trần.
Tưởng tài còn có Trần-Chân,

Giản-tu-công lên ngôi, tức là vua Lê-Tương-Dực (1510-1516).

Tương-Dực chơi bời xa-xỉ, phung-phí tiền của dân để làm cung-điện, chém giết cả họ hàng. Lòng người lo oán, giặc-dã nổi lên khắp mọi nơi.

6.– CHÚ-THÍCH. – 1. **Lộng-binh**: cất quân nổi loạn– 2. **Mống-tinh bạn - quân**: nảy ra lòng phản vua –3. **Bắc-thần**: tên riêng chỉ cửa bắc cung vua ở– 4. **Bích-câu**: tên riêng một làng ở Hà-nội – 5. **Mông - trần**: chịu cát bụi (nói vua đã phải chạy ra ngoài cung điện tức là mất ngôi) –6. **Giềng**: giường mối, nền móng– 7. **Chủ-trương**: dựng đầu (chỉ vua) –8. **Phù-lập**: giúp mà tôn lên làm vua– 9. **Chiêu - hoàng**: vua Chiêu - Tông –10. **Xa-giá**: xe vua đi – 11. **Cõi Tây**: Tây-đô (Thanh-hóa)– 12. **Khứ-tật**: trừ cái hại

Nguyệt-giang [13] chống với giặc Trần mấy phen. 1340
Ngụy Trần [14] vào cứ Đồng-nguyên, [15]
Truyền ngôi con cả, cải nguyên Tuyên-hóa.
Cạo đầu vào cửa Thích-già,
Y-qui [6] nương bóng Di-đà độ-thân.

7. — Chính-quyền tan-rã

Trời sinh ra hội phong-trần, [1]

— 13. **Nguyệt-giang** sông Nguyệt-đức, nay là sông Cầu — 14. **Ngụy Trần**: giặc Trần-Cảo — 15. **Cứ Đồng-nguyên**: chiếm đóng ở Đồng-nguyên (có lẽ là Lạng-sơn) — 16. Y-qui: đi tu.

6. — Lời giải. — *Dưới thời Lê-Tương-Dực (1510 - 1516), giặc đà như ong. Có giặc Trần-Cảo là to nhất. Trần-Cảo khởi loạn ở Hải-dương rồi đem quân về uy-hiếp kinh-thành.*

Bấy giờ trong triều, Tương-Dực vẫn hoang chơi, lại đánh Trịnh-Duy-Sản là một tướng có công đi đánh giặc.

Duy-Sản liền đem quân vào cung giết Tương-Dực, tôn con Mục-ý-vương làm vua (tức là Lê-Quang-Trị), rồi mấy hôm sau lại giết đi mà lập Lê-Chiêu-Tông. Bấy giờ kinh-thành đã bị tàn-phá, Duy-Sản đem Chiêu-Tông chạy về Tây-kinh (Thanh-hóa).

Trần-Cảo vào kinh-thành, tự xưng làm vua, sau quân nhà Lê ra thì lại rút về Lang-nguyên (tức Đồng-nguyên) Duy-Sản đuổi theo bị Trần-Cảo giết.

Nhưng nhờ có Trần-Chân chống nhau với Trần-Cảo ở sông Nguyệt-đức. Sau Trần-Cảo bị đánh theo, liền nhường quyền cho con mà đi tu.

7. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Hội phong-trần**: thời-buổi loạn-lạc.

Mạc-Đăng-Dung lại cường-thần [2] nổi lên.
Trần-Chân tay giữ binh-quyền,
Trên ngờ thế cả, dưới ghen tài lành. [3]
Tiếc thay có tướng can-thành, [4]
Tin sàm [5] mà nỡ dứt tình chẳng tha. 1350
Vì ai gây nỗi oan-gia, [6]
Để cho Nguyễn-Kinh lại ra bảo-thủ.
Kinh-sư [7] khói lửa mịt mù,
Xe loan [8] ra cõi Bảo-Châu [9] tỵ trần. [10]
Nguyễn-Sư cũng dảng nghịch-thần, [11]
Nửa năm phù-lập hai lần quốc-vương. [12]

--2. **Cường-thần**: bề tôi nắm hết quyền của vua —3. **Ngờ thế cả, ghen tài lành**: trên thì vua nghi ngờ vì nắm nhiều quyền, dưới thì nhiều người ghen-ghét vì có tài — 4. **Tướng can-thành** : tướng giỏi như cái mộc và cái thành, để che đỡ cho vua (chỉ Trần-Chân)— 4. **Sàm**: rèm pha— 5. **Oan-gia** : oan-ức— 7. **Kinh-đư** : kinh-đô —8. **Xe-loan** : xe vua đi— 9. **Bảo-châu** : tên đất thuộc huyện Từ-liêm. Hà-đông— 10. **Tỵ-trần** : lánh nạn— 11. **Nghịch-thần**: bề tôi làm phản— 12. **Phù-lập quốc-vương**: giúp đỡ và tôn lên làm vua. Bọn Nguyễn-Sư lập Lê-Bảng làm vua, mà lại phế đi rồi lập Lê-Do.

7. — **Lời giải.** — *Lê-Chiêu-Tông (1516-1527), nghe lời rèm pha, nghi là Trần-Chân làm phản, vời vào thành mà giết đi.*

Tướng của Trần-Chân, là bọn Nguyễn-Kinh, nổi lên đánh phá kinh-thành. Vua phải chạy về Bảo châu (huyện Từ-liêm). Lại có bọn Nguyễn-Sư thông với giặc làm phản.

Chiêu-Tông sai Nguyễn-Hoằng-Dụ và Mạc-Đăng Dung đánh dẹp. Hoằng-Dụ bị giặc giết ở Sơn-tây ; nên binh-quyền vào tay Đăng-Dung cả. Sau Đăng-Dung dẹp được bọn Nguyễn-Sư và Nguyễn-Kinh.

Ngàn Tây [13] một cõi chiến-trường,
Phó cho Mạc-súy [14] sửa sang một mình.

8. — Mạc-Đăng-Dung chuyên quyền

Đăng-Dung cậy có công-danh,
Thuyền rồng, tán phượng [1] lộng-hành [2] sợ chi.
1360
Chiêu-Tông gặp lúc hiểm-nghi, [3]
Nửa đêm lén bước chạy về Tây-phương. [4]

---

13. **Ngàn-tây**: tỉnh Sơn-tây — 14. **Mạc-suý**: tướng thống lĩnh quân đội họ Mạc (Mạc-Đăng-Dung). Nguyễn-Hoằng-Dụ, tướng nhà Lê, bị giặc giết rồi thì binh-quyền đều tập-trung vào tay một mình Mạc-Đăng-Dung.

8.--CHÚ-THÍCH.— 1. **Thuyền rồng tán phượng**: thuyền làm theo kiểu con rồng, tán có thêu con phượng là những thứ dành riêng cho vua dùng —2. **Lộng-hành**: lộng quyền, làm việc ra ngoài phạm-vi quyền-hạn của mình— 3. **Hiểm-nghi**: ngõ vực — 4. **Tây-phương**: nẻo Sơn-tây.

8. — Lời giải.— *Mạc-Đăng-Dung, cậy có công đánh dẹp, lộng-quyền và dùng nghi vệ của nhà vua.*

Chiêu-Tông nghi Đăng Dung muốn cướp ngôi, nửa đêm trốn về Sơn-tây để định đem binh đánh Mạc.

Đăng-Dung liền lập em vua lên ngôi, là Cung-hoàng (1521), rồi đem Cung-hoàng về tạm trú ở vùng Gia-phúc (nay là Gia lộc) tỉnh Hải-dương.

Năm 1524, Đăng-Dung đuổi theo Chiêu-Tông đến Thanh-hóa, bắt đem về kinh-đô giết đi.

Năm 1527, Đăng-Dung sai viết sẵn tờ chiếu nhường ngôi cho họ Mạc và ép Cung-hoàng ký.

Cung-hoàng và bà Hoàng-thái-hậu bị ép phải tự-tử ở Tây-nội.

Đăng Dung lại lập Cung - hoàng,
Hành - cung [5] tạm trú Hải-dương cõi ngoài.
Xe loan về đến kinh - đài, [6]
Sẵn sàng thiền - chiếu [7] ép bài sách phong. [8]
Họa - tâm [9] từ ấy càng nồng, [10]
Lương - châu [11] Tây - nội cam lòng cho đang.

—5. **Hành - cung** : cung vua dựng ở dọc đường—6. **Kinh đài** : kinh - đô—7. **Thiền - chiếu** : chiếu nhường ngôi —8. **Sách-phong**: phong chức tước bằng giấy tờ —9. **Họa-tâm** : lòng làm điều ác— 10 **Nồng** : mạnh, bồng bột. —11. **Lương-châu** : châu Lương - chánh thuộc Thanh-hóa. — 12. **Tây-nội** : Tây-cung ở trong thành vua ở,

ĐOẠN MƯỜI LĂM

NHÀ MẠC

(1527 — 1592)

1. — Ngoại-giao và nội-chính của Mạc-Đăng-Dung

Mạc rầy rõ mặt tiếm - cường, [1]
Thăng-long truyền nước, Nghi-dương [2] dựng nhà.
1370
Dỗ người lấy vẻ vinh - hoa,
Nhưng lòng trung - nghĩa ai mà sá theo. [3]
Cầu phong sai sứ bắc - triều,
Dâng vàng, nộp đất nhiều điều dối Minh.
Lê-thần [4] có kẻ trung-trinh,
Trịnh-Ngung sang đến Bắc - đinh [5] tỏ kêu.
Minh tham lễ hậu của nhiều,
Phụ tình trung-nghĩa, quên điều thị - phi. [6]

1.-- CHÚ-THÍCH. -- 1. **Tiếm-cường** : cường-thần (bề tôi lộng-quyền) cướp ngôi vua — 2. **Nghi-dương** : tên cũ một huyện thuộc tỉnh Kiến-an. Sau khi cướp ngôi, Đang-Dung sai xây cung-điện ở quê làng, là làng Cổ-trai, huyện Nghi-dương.— 3. **Sá theo**: thèm theo. —4. **Lê-thần** : bề tôi nhà Lê ; chỉ Trịnh - Ngung và Trịnh - Ngang —5. **Bắc-đình** : triều-đình nhà Minh bên Tầu— 6. **Thị-phi**: điều phải điều trái.

1. — Lời giải. — *Mạc-Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê đặt niên-hiệu là Minh-đức (1527), sai dựng cung-điện ở*

Đăng-Dung thỏa chước gian-khi, [6]
Tuổi cao rồi lại truyền về Đăng-Doanh. 1380
Mã-giang [7] đầu xướng nghĩa-thanh, [8]
Gần xa đâu chẳng nức tinh cần-vương. [9]
Được thua mấy trận chiến-trường,
Nghìn thu tiết-nghĩa đá vàng lưu-danh. [10]

---

làng Cổ-trai huyện Nghi-dương (nay thuộc tỉnh Kiến-an).

Mạc Đăng-Dung sai sứ sang nói dối nhà Minh (Tầu) rằng nhà Lê đã hết, để cầu phong. Bề tôi cũ nhà Lê là Trịnh Ngung và Trịnh-Ngang tố-giác việc thoán-đoạt của Đăng-Dung. Nhưng bấy giờ Mạc đem tiền của đút lót nhà Minh ; vua Mạc lại tự trói mình, quỳ ở cửa Nam-quan xin chịu tội, ở cạnh trình sổ đinh, sổ điền và cắt đất sáu động châu Khâm dâng nhà Minh. Nhà Minh làm ngơ đi, mà phong cho Đăng-Dung một tước quan nhà Minh.

Trong nước, Đăng-Dung lấy lợi mà dụ-dỗ mọi người. Nhưng không ai phục. Nhiều bề tôi cũ nhà Lê nổi lên chống Mạc, trong đó đáng chú-ý nhất là Lê-Ý khởi-nghĩa ở vùng sông Mã (Thanh-hóa), đánh nhà Mạc được mấy trận, nhưng rồi sau lại bị thua.

Làm vua được ba năm, Đăng-Dung bắt chước lệ nhà Trần, truyền ngôi cho con là Mạc-Đăng-Doanh, còn mình thì làm Thái-thượng hoàng (1530).

—6. **Chước gian-khi** : mưu-mô nghịch đối — 7. **Mã-giang** : sông Mã (Thanh-hóa) — 8 **Nghĩa-thanh** : tiếng làm việc chính-nghĩa (giúp Lê diệt Mạc) — 9. **Cần-vương** : giúp vua — 10. **Lưu danh** : để tiếng hay lại đời sau.

2.— Nguyễn-Kim khởi-nghĩa phù Lê.

Cảnh Lê có độ tái-vinh, [1]
Xui nên tá-mệnh [2] trời sinh thánh-hiền.
Đức vua Triệu-tổ [3] ta lên,
Cất quân phù-nghĩa [4] giúp nền trung-hưng. [5]
Sầm-châu [6] ỷ thế nguồn rừng,
Mười năm khai-thác [7] mấy từng nước non.
Dù khi đỉnh-tộ [8] suy mòn,
Cương-trù [9] chưa nát vẫn còn tôn Lê.
Trang-Tông lưu-lạc tìm về,
Chia binh Thúy-đạn, mở cờ Ai-lao.
Lôi-dương một trận binh giao, [10]
Phá tan nghịch-đảng [11] tiến vào Nghệ-an.
Cỏ hoa mừng rước xe loan,
Thổ-hào ứng nghĩa, [12] dân-gian nức lòng,
Tây-đô [13] quét sạch bụi hồng, [14]

---

2. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Độ tái-vinh** : hồi tươi tốt lại — 2. **Tá-mệnh** : giúp vua — 3. **Triệu-Tổ**: Nguyễn-Kim (đời sau nhà Nguyễn truy-tôn là Triệu-Tổ hoàng-đế). Bài ca làm dưới triều Nguyễn ; nên tác-giả kiêng tên húy và mỗi khi nói đến nhà Nguyễn thì tôn-kính, còn nói đến những người đối-lập với nhà Nguyễn thì mạt-sát nhiều khi bất-công — 4. **Phù-nghĩa** : giúp việc nghĩa — 5. **Trung-hưng** : khôi-phục, gây dựng lại (nhà Lê) — 6. **Sầm-châu**: tên đất ở Ai-lao, phía tây tỉnh Thanh-hóa, nay là Sầm-nứa — 7. **Khai-thác** : mở mang — 8. **Đỉnh-tộ** : ngôi vua — 9. **Cương-trù** : giềng mối, nền móng — 10. **Binh giao** : quân hai bên đánh nhau — 11. **Nghịch-đảng** : đảng làm phản (chỉ nhà Mạc) — 12. **Thổ hào ứng-nghĩa** : những người có uy-tín ở từng nơi, nghe tiếng chính-nghĩa, đều hưởng-ứng ra theo — 14. **Tây-đô** : Thanh-hóa — 15. **Bụi-hồng** : hồng trần, cát bụi, chỉ sự giặc-dã, lầm-than.

Dặm-tràng [15] thẳng trỏ ngọn đòng tràng-khu. [16] 1400
Hẹn ngày vào tới Đông-đô, [17]
Một hai thu-phục cơ-đồ [18] thủa xưa.
Độc sao hàng-tướng [19] tiến dưa,
Trước dinh Ngũ-trượng [20] bỗng mờ tướng-tinh.

— 15. **Dặm tràng** : đường xa — 16. **Ngọn đòng tràng khu** : *ngọn đòng* là đáo nhọn, *tràng khu* là đuổi dài ; ý nói nhân lúc thắng-thế đánh mạnh mà tiến lên — 17. **Đông-đô** : Thăng-long (Hà-nội) — 18. **Thu-phục cơ-đồ** : lấy lại cơ-nghiệp (của nhà Lê) — 19. **Hàng-tướng** : tướng đã đầu hàng : chỉ Dương-Chấp-Nhất, tướng nhà Mạc, đã hàng nhà Lê khi quân Nguyễn-Kim ra đến Yên-mô — 20. **Ngũ-trượng** : tên riêng đất ở Tầu nơi Gia-Cát-Lượng Khổng-Minh chết. Ý nói Nguyễn-Kim chết.

2. — Lời giải. — *Con Nguyễn-Hoằng-Dụ là Nguyễn-Kim, trước làm quan nhà Lê, trốn sang Ai-lao ở đất Sầm-châu (cũng còn đọc là Cầm-châu), tìm con cháu nhà Lê để lo việc khôi-phục. Sau tìm được con út Lê-Chiêu-Tông là Lê-Duy-Ninh, tôn làm vua ; tức là Lê-Trang Tông (1532)*

Trang-Tông và Nguyễn-Kim, nương-náu mười năm, ở Sầm-châu để chiêu-tập quân-sĩ.

Năm 1540, Nguyễn-Kim khởi-binh ở Ai-lao tiến đánh quân Mạc ở Lôi-dương (thuộc Thanh-hóa), rồi chiếm lấy Thanh-hóa và Nghệ-an. Dân-gian và hào-kiệt các nơi đều theo Lê-Trung-Tông (1542).

Năm 1543, Nguyễn-Kim định ra đánh Đông-Đô (Thăng-long. Nhưng quân ra tới Yên-mô (Ninh-bình) thì mộ hàng-tướng nhà Mạc, là Dương-Chấp-Nhất tiến qua dưa có thuốc độc, ông ăn phải mà chết (1544).

Binh-quyền đều giao lại cho con rể Nguyễn-Kim là Trịnh-Kiểm.

3.—Trịnh-Kiểm tiến quân ra Bắc.

Tiếc thay công-nghiệp thùy-thành, [1]
Để cho Trịnh-Kiểm thay minh thống quân. [2]
Sáu năm vừa hội hanh-truân, [3]
Đỉnh-hồ [4] đâu đã đến tuần mây che.
Trung-Tông nhờ cậy dư-uy, [5]
Mạc-thần [6] mấy kẻ cũng về hiệu-trung. [7]
Biện-dinh [8] quân mạnh, tướng hùng,
Bốn phương hảo-kiệt nức lòng y quang. [9]
Đông-kinh [10] trỏ ngọn việt vàng, [11]
Phúc-Nguyên Mạc-chúa [12] chạy sang Kim-thành.
Thần-phù thuyền giã [13] lênh-đênh,
Lại còn Kinh-Điển đeo tinh quấy trêu.
Quan-binh [14] theo ngọn thủy-triều,
Duyên-giang [15] một trận, nước bèo chảy tan.
Anh-Tông nối-nghiệp gian-nan,
Tây-đô một giải giang-san cõi nhà.
Mạc vào xâm-nhiễu Thanh-hoa,
Thái-sư Trịnh-Kiểm lại ra tiễu-binh. [16]

3—CHÚ-THÍCH.—1. **Thùy-thành**: sắp nên—2. **Thống quân**: điều khiển quân-đội, giữ binh-quyền—3. **Hanh-truân**: qua hội rủi đến hội may—4. **Đỉnh-hồ**: nơi vua Hoàng-đế (vua Tầu về thời thượng-cổ) mất; ý nói Trang-Tông chết—5. **Dư-uy**: cái uy còn lại (của đời trước)—6. **Mạc-thần**: quan nhà Mạc—7. **Hiệu-trung**: hết lòng giúp vua—8. **Biện dinh**: —9. **Y quang**: theo ánh sáng tức là theo chính-nghĩa (phù Lê diệt Mạc)—10. **Đông-kinh**: hay Đông-đô, tên hồi ấy để chỉ thành Thăng-long (Hà-nội)—11. **Việt**: cái búa, dấu hiệu của tướng—12. **Phúc Nguyên, Mạc chúa**: vua nhà Mạc là Phúc-Nguyên trị vì từ 1546 đến 1551—13. **Giã**: thuyền mành đi biển 14 **Quan-binh**: quân đội nhà vua—15. **Duyên-giang**: theo bờ sông —16. **Tiễu binh**: dẹp giặc.

4.— Nguyễn-Hoàng vào Hóa-châu

Hỏa-châu có đất biên-thành, [1]
Bốn bề sơn-hải [2] trời dành kim-thang. [3]
Trịnh-công tâu với Lê-hoàng, [4]
Chọn người ra giữ một phương thành dài.
Bản-triều Thái-Tổ [5] hùng-tài,
Giỏng cờ ra trấn cõi ngoài từ đây.
Việt-mao [6] khi đã đến tay,

---

3. — **Lời-giải.** — *Trịnh-Kiểm rút quân về giữ thế thủ ở Thanh-hóa. Bấy giờ nước ta chia làm hai : từ Thanh hóa vào Nam có vua Lê cai-trị, từ Sơn-nam trở ra Bắc thì thuộc Mạc.*

Từ 1546 đến 1570, hai bên đánh nhau non hai mươi lần mà không phân được thua. Năm 1559, Trịnh-Kiểm tiến quân ra Bắc, đánh gần đến Đông-đô (Hà-nội), vua Mạc là Phúc-Nguyên phải chạy ra Kim-thành (Hải-dương). Nhưng tướng nhà Mạc là Mạc-Kinh-Điển đem quân vào cửa bể Thần-phù (thuộc Ninh-bình) đánh vào Thanh-hóa ; Trịnh-Kiểm lại phải bỏ xứ Bắc mà về giữ Tây-đô.

Dưới đời Lê-Anh-Tông (kế vị Lê Trung-Tông từ 1556) Mạc-Kinh-Điển vào Thanh-hóa, Trịnh Kiểm phải đem quân ra giữ, nhưng rồi cũng không bên nào được hay thua hẳn.

4. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Biên-thành** : thành ở biên - giới — 2 **Sơn-hải** : núi và bể — 3. **Kim thang** : thành bằng kim - khí, hào như nước sôi ; chỉ nơi kiên-cố — 4. **Lê-hoàng** : vua Lê (Lê - Anh. Tông) — 5 **Thái-Tổ** : Nguyễn-Hoàng, con Nguyễn - Kim, sau triều Nguyễn suy-tôn là Thái-Tổ — 6. **Việt-mao** : búa và cờ mao, biểu-hiệu của quyền-binh

Hoành-sơn [7] một giải mới gây cơ-đồ. 1430

5. — Trịnh-Mạc phân-tranh

Mặt trong đành đã khỏi lo,
Trịnh-công chuyên-ý [1] trì-khư [2] cõi ngoài.
Quận Gia, quận Định [3] mấy người,
Hưng, Tuyên binh-hợp [4] các nơi thêm dầy.
Mạc dần suy-yếu từ nay,
Vận Lê xem đã đến ngày trùng-hanh. [5]
Đem quân về giữ Tây-kinh,

---

7. **Hoành-sơn :** tức là dãy núi Đèo Ngang phân giới-hạn Hà-tĩnh và Quảng-bình ngày nay. Tục truyền rằng Nguyễn-Hoàng trước khi đi Hóa-châu sai người đến hỏi ý-kiến ông Nguyễn-Bỉnh-Khiêm (tức Trạng-Trình) ; Trạng Trình bảo : « *Hoành-sơn nhất đái, vạn đại dung thân* » (một giải Hoành-sơn, có thể yên thân được muôn đời).

4. — Lời-giải. — *Khi Nguyễn-Kim mất có để lại hai người con trai là Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng. Nguyễn-Uông bị họ Trịnh kiếm cớ mà giết chết. Nguyễn-Hoàng sợ mới nói với chị là Ngọc-Bão (vợ Trịnh-Kiểm) xin với Trịnh-Kiểm vào ở phía Nam.*

Năm 1558, Trịnh-Kiểm xin Lê-Anh-Tông cho Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa. Nhờ có lòng người theo phục và địa-thế hiểm trở, Nguyễn-Hoàng khai-thác Hóa-châu và đặt nền móng cho cơ-nghiệp nhà Nguyễn từ đấy.

5. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Chuyên-ý :** để riêng tâm-trí vào một việc — 2 **Trì-khu :** giống ruồi — 3. **Quận Gia, quận Định** : tên riêng hai tướng nhà Mạc — 4. **Binh hợp :** họp quân đội (theo hàng nhà Lê) — 5. **Trùng-hanh :** lại thịnh.

Bể thanh lại lặng tăm kình [6] như không.
Nhân khi Mậu-hợp ấu-trùng, [7]
Mở đường Phố-cát, qua sông Bồ-đề. [8] 1440
Mạc vào, quân lại rút về,
Mạc lui, quân lại bốn bề kéo ra.
Tuyết-sương [9] trăm trận xông-pha,
Trịnh-công vì nước cũng đà cần-lao. [10]

6. — Trịnh-Tùng chấp chính

Tuổi già vừa giải tiết-mao, [1]
Con là Trịnh-Cối lại vào đồng-nhung. [2]

---

16. **Bể thanh, tăm kình** : Thanh-hóa yên giặc đã — 7. **Ấu trùng :** nhỏ tuổi — 8. **Phố-cát, Bồ đề** : *Phố-cát* tỉnh thuộc Thanh-hóa ; *Bồ-đề* nay là giốc Gia-lâm — 9. **Tuyết-sương** : chỉ sự vất vả, cũng như dầm mưa dãi nắng — 10. **Cần-lao** : gắng công khó nhọc.

5.— Lời giải. — *Đã đầy được Nguyễn-Hoàng vào Hóa châu rồi, Trịnh-Kiểm mới chuyên chú đánh nhau với nhà Mạc.*

Một lần, những tướng nhà Mạc là quận Gia (tên là Vũ-Văn-Mật) ở Tuyên-quang, và quận Định (tên là Đặng-Định) ở Hưng-hóa theo hàng Lê, thanh-thế nhà Lê đã to Lại một lần nữa, Trịnh-Kiểm đã đem quân từ Phố-cát (Thanh-hóa) đánh ra đến bến Bồ-đề.

Nhưng cả hai lần, sắp thành-công, thì Trịnh-Kiểm lại phải rút về giữ Tày-đô (Thanh-hóa) vì có quân Mạc-Kinh-Điển lẻn vào quấy rối Thanh-hóa. Quân Mạc rút về thì quân Trịnh lại kéo ra Bắc.

6. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Tiết-mao** : thứ cờ, biểu-hiệu cho quyền-binh — 2. **Đồng-nhung** : giữ binh-quyền để đánh dẹp.

Kiêu-hoang quen thói con dòng,
Binh-quyền lại để Trịnh-Tùng thay anh.
Cối, Tùng một gốc đôi cành,
Vinh-khô [3] đã khác, ân-tình cũng khuê. [4]
Anh em mâu-thuẫn [5] hai bề,
Thừa cơ Mạc lại kéo về nội-xâm. [6]
Mạc lui, Tùng mới manh-tâm, [7]
Ngoài trương thanh-thế, trong cầm quyền-cương.
Lại mưu tản-hại trung-lương, [8]
Vảng đưa ngoài cửa, búa trương dưới màn.
Tạ-tinh phụ tấm niềm-đan, [9]
Đem Lê-Cập-Đệ giết oan nỡ nào!

---

3. **Vinh-khô :** tươi và héo, thịnh và suy — 4. **Khuê** : trái ngược — 5. **Mâu-thuẫn :** cái mâu (giáo) và cái mộc ; nghĩa bóng là trái ngược — 6. **Nội-xâm** : vào đánh chiếm (Thanh-hóa) — 7. **Manh-tâm** : nghĩ cách làm điều trái — 8. **Trung-lương** : bề tôi trung-thành và tốt (của nhà Lê) — 9. **Niềm-đan** : lòng son ngay thẳng, lòng trung-thành. Lê-Cập-Đệ đã giúp Trịnh-Tùng để cướp quyền của Trịnh-Cối ; sau vì trung-thành với vua Lê, mà bị Tùng giết.

6. — Lời giải. — *Năm 1570, Trịnh-Kiểm mất, trao quyền lại cho con cả là Trịnh-Cối. Cối là người chơi-bời không ai phục. Trịnh-Tùng là em, liền cướp quyền của anh.*

Thừa cơ anh em họ Trịnh đánh nhau, Mạc-Kinh-Điển đem quân đánh Thanh-hóa. Cối ra hàng.

Trịnh-Tùng cầm quân, cố giữ thế-thủ. Mạc đánh không được, phải rút lui.

Bấy giờ mọi việc trong triều nhà Lê đều do Tùng quyết đoán. Tùng hống-hách, Lê-Anh-Tông lo sợ, mưu cùng bọn Lê-Cập-Đệ để trừ họ Trịnh. Nhưng Tùng giết

Bằng không nổi trận ba - đào, [10]
Để cho xa-giá [11] chạy vào Nghệ-an.
Giá-điền [12] vừa mới hồi-loan, [13]
Lôi-dương [14] đã nổi tiếng oan giữa vời.
Thế-Tông con thứ nối dời,
Trịnh-Tùng phù-lập [15] cùng loài giả-danh. [16]

7. — Trịnh - Tùng diệt Mạc

Cõi ngoài giặc Mạc tung - hoành,
Bắc-hà cát-cứ [1] mấy thành nhân-dân.
Giáng uy [2] nhờ có lôi-thần, [3]
Nhân khi Mậu-Hợp đến tuần thiên-tru. [4]
Mạc-thần mấy kẻ vũ-phu,
Sao mai lác-đác, lá thu rụng-rời. [5]
Xuất binh [6] vừa gặp cơ trời, [7]

Cập-Đệ trước, Anh-Tông bỏ chạy vào **Nghệ-an** *; tướng của Tùng đuổi theo bắt được vua trốn trong ruộng mía, đưa về đến Lôi-dương (thuộc Thanh-hóa) thì giết đi.*

Tùng liền lập Hoàng - tử Duy-Đàm lên ngôi. Đó là Lê-Thế-Tông (1573-1599).

10. **Bằng không ba-đào** : đất bằng nổi sóng gió, nói thình lình có biến loạn — 11. **Xa giá** : xe vua đi — 12. **Giá-điền** : ruộng trồng mía — 13. **Hồi-loan** : vua quay trở về — 14. **Lôi-dương** : tên đất thuộc Thanh-hóa — 15. **Phù-lập** : giúp đỡ đặt lên làm vua. — 16. **Giả danh** : mượn tiếng giả dối.

7. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Cát-cứ** : cắt chia mà chiếm-cứ — 2. **Giáng uy** : gia oai — 3. **Lôi-thần** : thần sét ; Mạc-Mậu - Hợp bị sét đánh, thành bán-thân bất-toại — 4. **Thiên-trù** : trời phạt — 5. **Sao mai, lá thu** : sao về buổi sáng, lá về mùa thu ; chỉ cảnh đã gần tàn — 6. **Xuất-binh** : đem quân đi đánh giặc — 7. **Cơ trời** : cơ hội do trời sếp đặt.

Đường ghềnh len-lỏi ra ngoài Thiên-quan.[8]
Tràng-khu[9] một lối duyên-san,[10]
Huyện-châu gió lướt, Tràng-an[11] lửa nồng.
Bỏ thành Mạc chạy qua sông,
Đuổi sang Phượng-nhỡn[12] đường cùng mới thôi.
Kẻ tử ngụy Mạc[13] tiếm ngôi,
Năm đời truyền-kế,[14] sáu mươi năm chầy.
Trần-ai[15] quét sạch từ rầy,
Về kinh ban yến, tiệc bầy thưởng công. 1480

— 8. **Thiên-quan** : nay Nho-quan thuộc Ninh-bình — 9. **Tràng khu** : đuôi dài — 10. **Duyên-san** : dọc theo núi — 11. **Tràng-an** : kinh đô (chỉ Đông-đô). — 12. **Phượng-nhỡn** : tên riêng huyện, nay thuộc tỉnh Bắc-giang. — 13. **Ngụy Mạc** : giặc Mạc. Theo quan-niệm của tác-giả là người theo Nho-học, thì bề tôi cướp ngôi của vua đều coi là giặc không phân biệt là bề tôi ấy có công hay có tội với dân và với nước — 14. **Truyền-kế** : đời nọ hết đời kia tiếp — 15. **Trần-ai** : cát bụi, chỉ sự loạn lạc.

7. — **Lời giải.** — *Từ 1573 đến 1583, Trịnh-Tùng giữ thế-thủ. Quân Mạc vào đánh nhiều lần không được.*

Từ 1583, thế-lực đã mạnh, Trịnh-Tùng mới khởi thế công ; nhưng đánh ra Sơn-nam rồi lại rút lui về.

Năm 1591, Tùng chia quân làm ba đạo do đường Thiên-quan (Ninh-bình) và đường núi đánh ra Đông-đô.

Đi đến đâu các châu huyện đều hàng ; năm 1592 đến Đông-đô, Tùng vây thành và phóng hỏa. Mạc-Hậu-Hợp phải chạy sang Thổ-khối (Bắc-ninh), rồi sau chạy đến Phượng-nhỡn thì bị bắt và bị giết (1592).

Nhà Mạc làm vua được năm đời và 65 năm.

ĐOẠN MƯỜI SÁU

LÊ TRUNG-HƯNG

Vua Lê chúa Trịnh (I)

(1593 — 1729)

1. — Giao-thiệp buổi đầu với Trung-hoa

Mới sai sứ-giả cầu phong,
Nghe gièm [1] Minh hãy còn lòng tin-nghi. [2]
Sai quan hội-khám [3] một kỳ,
Phong làm Đô-thống, cơ-mi [4] gọi là!
Phùng-Khoan [5] sứ-tiết [6] cũng già,

---

1. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Gièm** : lời gièm pha — 2. **Tin-nghi:** nửa tin, nửa ngờ, phân-vân chưa rõ — 3. **Hội-khám**: họp để xét — 4. **Cơ-mi** : ràng buộc — 5. **Phùng-Khoan** : Phùng-Khắc-Khoan tục gọi là Trạng-Bùng, là con cùng mẹ khác bố với Nguyễn-Bỉnh-Khiêm (Trạng-Trình) — 6. **Sứ-tiết** : cờ của người đi sứ, tiêu-biểu cho người đứng đầu sứ-đoàn.

1. — Lời giải. — *Sau khi đã lấy được Kinh-thành (1592), Trịnh-Tùng sai sứ sang Tầu cầu phong cho vua Lê.*

Nhà Minh sai quan đến cửa Nam-quan để xét việc ấy. Vua Lê tới hội-kiến. Lúc về, Trịnh-Tùng cử Phùng-Khắc-Khoan làm chánh-sứ đem lễ vật sang Yên-kinh cống nhà Minh để xin phong.

Khắc-Khoan biện-luận rất giỏi. Nhưng vua Minh cũng thoái-thác, chỉ phong cho vua Lê làm Đô-thống-sứ, hứa rằng sau này sẽ phong vương (1596).

Biểu-từ biện-chiết [7] thật đà thiết-minh. [8]
Mấy lời ôn-dụ [9] đinh-ninh,
Phong vương còn đợi biểu-tinh [10] có ngày.

2. — Trịnh-Tùng xưng chúa

Hổ lui, lang tới khéo thay!
Mạc kia vừa dẹp, Trịnh này lại lên.
Tùng xem căn-cứ đã bền,
Công-danh càng thịnh, uy-quyền càng cao.
Rỡ-ràng ngọc-sách tinh-bao, [1]
Gia-phong nguyên-súy, [2] dự vào sủng-chương. [3]
Bình-an lại tiến [4] tước vương,
Gầy nền tiếm-thiết [5] mở đường khải-du. [6]
Kình-tông còn độ ấu-cô, [7]
Đống-lương [8] ai kẻ xanh-phủ vạc Lê. [9]
Triều-thần những lũ Bùi-Khuê,
Lại tìm Mạc-nghiệt [10] theo về Kinh-Cung.
Nghi-dương [11] tro tắt lại nồng, [12]

--7 **Biện-chiết :** cãi lẽ rành rọt — 8. **Thiết-minh** : khắc vào sắt, lý sự cứng cỏi như « đóng đanh vào cột », như khắc vào sắt — 9. **Ôn-dụ** : dỗ-dành, ôn-tồn — 10. **Biểu-tinh :** ban sắc để nêu danh.

2.— CHÚ-THÍCH.— **Ngọc-sách tinh-bao:** chiếu-ngọc, khen ngợi. vua ban chiếu phong tước và khen Trịnh-Tùng đã có công — 2. **Nguyên-suý** : chức cầm đầu quân đội; Trịnh-Tùng bắt vua Lê phong cho mình là «Đô-nguyện súy Tổng-quốc-Chinh», sau lại phong thêm là «Thượng-phụ Bình-an-vương» —3. **Sủng-chương:** được vua tôn trọng —4. **Tiến**: bước lên thêm —5. **Tiếm-thiết** : cướp quyền-vị (nhà vua) —6. **Khải đu :** ngấp nghé, dòm nom (ngôi vua) — **Ấu-cô** : nhỏ tuổi mồ-côi — 8. **Đống-lương** : cột và xà nhà, chỉ người làm cột trụ cho nước — 9. **Xanh-phủ vạc Lê** chống đỡ giữ-gìn vạc (cơ-nghiệp làm vua) của nhà Lê — 10. **Mạc nghiệt** : con cháu nhà Mạc — 11.— **Nghi-dương** : nay thuộc (Kiến-an), là quê-quán họ Mạc — 12 · **Nồng** : bùng lên.

Thị-thành [13] nổi áng bụi hồng [14] bởi ai?
Nhân khi giá-ngự [15] ra ngoài,
Thừa hư [16] Mạc lại vào nơi đô-thành.
Quan-quân ra đánh lại binh,
Thặng-dư [17] mới phát tự Thanh ngự về.
Chông gai tuy sạch mọi bề,
Mà trong quyền cả chuyên về một tay.
Bốn phương tai-biến đã đầy,
Đầm khô, núi lở, cát bay mù trời [18] 1510

13.— **Thị-thành :** thành-phố kinh-đô — 14. **Bụi hồng** : cát bụi mầu hồng ; chỉ sự giặc dã —15. **Giá-ngự ra ngoài**: vua đi ra khỏi ngoài kinh-thành —16. **Thừa hư**: nhân lúc chống (vắng người đề-phòng)— 17. **Thặng-dư** ; hay *thừa-dư*, xe vua đi —18. **Đầm khô, núi lở :** hồi ấy tự nhiên núi Tản-viên lở, đầm Thịnh-liệt cạn, có mưa than, sao Tuệ mọc luôn; ta coi đấy là những điềm không hay.

2. — Lời giải. — *Năm 1599, đời vua Lê-Thế-Tông, Trịnh-Tùng tự xưng làm « Đô-nguyên-súy Tổng-quốc-chính, Thượng-phụ Bình-an-Vương », định lệ cấp bổng cho vua Lê thuế 1.000 xã và 5.000 linh để làm quân túc-vệ, còn quyền-bính đều ở tay họ Trịnh.*

Năm 1599, vua Thế-Tông mất Kinh-Tông lên kế-vị. Năm sau, bọn Bùi-Văn-Khuê phù-lập con cháu nhà Mạc nổi loạn. Trịnh-Tùng phải đưa Kinh-Tông chạy về Thanh-hóa. Sau lấy lại được Thăng-long, giết được loạn-đảng và đuổi được Mạc-Kính-Cung, Trịnh-Tùng mới rước vua về kinh,

Con thứ Trịnh-Tùng là Trịnh-Xuân, vì ganh quyền với con trưởng là Trịnh-Tráng, nên âm-mưu định hại Trịnh-Tùng. Việc không thành, liên-lụy đến Kinh-Tông. Tùng bắt Kinh-Tông phải thắt cổ chết (1619). Sau Trịnh Xuân cũng bị giết.

Chẳng qua trăm sự tại người,
Gẫm cơ hưu-cữu [19] biết dời thịnh-suy.
Súng dâu phục trước dưởng di,
Để cho Trịnh-chúa lại nghi Lê-hoàng.
Sinh con gặp dứa vô-lương, [20]
Châu-liên [21] sao nỡ quên dưởng quân-thân ? [22]

3. — Trịnh-Tráng tăng quyền phủ chúa

Thừa gia [1] theo lối cường-thần,
Vua Lê, chúa Trịnh nhân-tuần [2] đã quen.
Thần-tông vừa mới cải-nguyên,
Sách-phong Trịnh-Tráng đã ban tứ giờ.
Thành-đô quyền trọng hơn xưa,
Nhà Lê cũng một giải thừa mà thôi !
Nước nhà đang buổi yên vui,
Xin vua xuống chiếu truyền ngôi nhẽ gì ?
Chẳng qua là dạ gian-khi, [3]
Làm cho rõ mặt phúc-uy [4] tự nhà.
Nhân-Tông tuổi mới mười ba,
Hững-hờ quyền chúa, ngôi cha mặc lòng.
Quốc-vương [5] Minh mới cải-phong,
Bảy năm lịch-số [6] vừa chung [7] một đời.

---

19. — **Gẫm cơ hưu-cữu** : suy-nghĩ kỹ về sự huyền-bí của điềm lành điềm giữ — 20. **Vô-lương** : không có lương-tâm, bất nhân — 21. **Châu-liên** : Liên-lụy — 22. **Quân-thân** : đạo bề tôi đối với vua (cũng như con đối với cha).

3. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Thừa-gia** : kế nghiệp nhà — 2. **Nhân-tuần** : lề thói cũ — 3. **Gian khi** : gian tà giả-dối — 4. **Phúc-uy** : làm phúc hay gia uy — 5. **Quốc-vương** : đến đời Chân-Tông (1643) nhà Minh mới phong cho vua Lê làm *An-nam quốc-vương* — 6. **Lịch-số** : số năm ở ngôi vua — 7. **Chung** : xong.

Xoay quanh mới tỏ đạo trời,
Báu thiêng[7] đem lại cho người truyền gia.[8]
Thần-Tông thay giữ nghiệp nhà,
Thượng-hoàng lại đổi mặt ra tân-hoàng.[9]
Thờ-ơ cờ đạo nhà vàng,[10]
Chính-quyền phó mặc Trịnh-vương, biết gì?
Nhà Minh thủa ấy đã suy,
Mượn binh lại rắp nhờ uy cường-thần.
Sắc-phong chiếu-dụ ân-cần,
Phó-vương Trịnh lại thêm phần tôn-vinh.[11] 1540
Cả giầu-sang, lớn quyền-hành,
Giang-sơn chung một, triều-đình chia đôi.

---

7. **Báu-thiêng**: ngôi vua — 8. **Truyền-gia**: nối nghiệp trong nhà-
9. **Tân-hoàng**: vua mới — 10. **Cờ đạo nhà vàng**: cờ và cung-điện nhà vua 11. **Tôn-vinh**: nhà Minh bấy giờ đã suy, muốn mượn binh nước ta để chống với nhà Thanh, liền phong cho Trịnh-Tráng làm phó-vương, chúa Trịnh càng thêm uy-tín.

3 — Lời giải - *Lê-Thần-Tông lên ngôi năm 1619; năm 1623 Trịnh-Tráng thay Trịnh Tùng giữ quyền chúa, xưng là Thanh-đô vương.*

Trịnh-Tráng đánh con cháu nhà Mạc ở Cao-bằng (1625) và bắt đầu đánh chúa Nguyễn từ 1627.

Nhà Minh (bên Tầu), hồi ấy đã suy, muốn mượn binh nước ta để chống nhà Thanh, nên phong vua Lê làm An-nam quốc-vương, rồi phong cho Trịnh-Tráng làm Phó-vương.

Uy-quyền của chúa Trịnh ngày một tăng. Năm 1643 Trịnh-Tráng bảo Thần-Tông nhường ngôi cho con là Lê-Chân-Tông; sáu năm sau (1649) Chân-Tông mất, Trịnh-Tráng lại đặt Thần-Tông lên ngôi lần thứ hai (1649—1662),

4. — Trịnh-Tạc đánh Nguyễn và Mạc

Tiếm-phong [1] Trịnh-Tạc nối ngôi,
Tước vương minh lại tài-bồi [2] cho con.
Càn-cương [3] ngày một suy-mòn,
Cuộc đời chim nổi, ai còn hiệu-trung. [4]
Bản-triều mở dấu Kỳ-phong, [5]
Thánh-thần truyền dõi một lòng tôn Lê.
Quyền-gian [6] giận Trịnh nhiều bề,
Sắc sai Chiêu, Thuận khắc-kỳ tiến-chinh. [7]
Sáu năm rồi mới bãi-binh,
Lũy dài còn dấu uy-linh để truyền.
Vận Lê còn buổi truân-chuyên, [8]
Huyền-Tông thơ-ấu để quyền Tây-vương.
Đẳng-uy [9] đã biến lễ-thường,
Vào chầu không lạy, miếu-đường [10] có ai?
Thiên-nhan [11] lại muốn sánh vai,
Giường ngồi đem đặt bên nơi ngự-tiền. [12]
Dọc ngang dưới phủ trên đền,

---

4. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Tiếm-phong** : ép vua phong cho. — 2 **Tài-bồi** : vun đắp — 3. **Càn-cương** : đầu mối quyền-hành nhà vua — 4. **Hiệu-trung** : gia sức giúp nhà vua — 5. **Kỳ-phong** : tên riêng đất ở Tầu, nơi vua Chu-Văn-Vương dấy nghiệp về đời thượng-cổ; ý nói nhà Nguyễn dấy nghiệp (ở Thuận-hóa) — 6 **Quyền-gian** : bề tôi gian nắm giữ quyền-hành — 7. **Khắc-kỳ tiến-chinh** : định ngày đem quân đi đánh — 8. **Truân-chuyên** : hoạn-nạn gian-nan — 9. **Đẳng-uy** : thứ bậc; câu này nghĩa là vua tôi, trên dưới đảo-ngược — 10. **Miếu-đường** : nơi vua ở và lập triều-đình — 11. **Thiên-nhan** : mặt vua — 12. **Ngự-tiền** : nơi vua ngồi.

Mống tinh cải - bộ [13] gầy nền tranh vương. [14] 1560
Vũ-công lại muốn phấn-dương, [15]
Đem quân đánh Mạc tiến sang Cao-bình.
Mạc vào cầu - viện Yên-kinh, [16]
Phong làm Đô-thống tung-hoành cõi xa.
Bốn châu [17] riêng một sơn-hà,
Danh tuy phụ Hán, thực là thê Ngô. [18]
Gia-tông vừa nối cơ - đồ,
Xe loan đã giục tri-khu [19] ra ngoài.
Phòng-biên [20] đã có tướng tài,
Quân ta một trận, lũy dài phá tan.
Mã-đầu [21] đã trở quy-an, [22]
Hà-trung Trịnh lại đặt quan lưu-đồn. [23]

---

13. **Mống tình cải-bộ** : rắp tâm đổi bước (đi trước đi sau), rắp tâm lật đổ ngôi vua — 14. **Tranh vương :** tranh làm vua — 15. **Phấn-dương :** làm cho nổi tiếng -- 16. **Cầu-viện Yên-kinh** *Yên-kinh* là tên kinh-đô nhà Thanh; nhà Mạc bị đánh sang cầu cứu nhà Thanh (Tầu) — 17. **Bốn châu** : nhà Thanh can-thiệp, nên vua Lê và chúa Trịnh phải trả cho nhà Mạc bốn châu ở Cao-bằng : châu Thạch-lâm, châu Quảng-uyên, châu Thượng-lang và châu Hạ-lang 18. **Phụ Hán, thê Ngô** : theo nhà Hán mà ở nương nhờ đất Ngô nhà Mạc dựa vào thế nhà Thanh (Tầu) mà ở nước ta — 19. **Trì khu** : giong ruổi — 20. **Phòng-biên :** canh phòng biên-giới — 21. **Mã-đầu :** đầu ngựa — 22. **Quy-an :** yên ngựa quay trở về, ý nói đánh-trận trở về — 23. **Lưu đồn** : để binh-đội ở lại đóng giữ.

4 —Lời giải.— *Năm 1655, chúa Nguyễn sai Thuận-nghĩa-hầu là Nguyễn-Hữu-Tiến và Chiêu-vũ-hầu là Nguyễn-Hữu-Dật đem quân qua sông Linh-giang (nay là sông Gianh thuộc tỉnh Quảng-bình) ra đánh Trịnh.*

Lần này hai bên đánh nhau tới sáu năm (1655-1661). Có khi quân Nguyễn đã lấy được 7 huyện ở phía nam

5. – Trịnh - Căn và nhà Thanh

Về nhà lại lập Trịnh-Côn (Căn),
Nam-vương theo lối quyền-môn [1] một dòng.
Đêm ngày bi-các [2] thong-dong,
Văn-thần thay đổi vào trong chực hầu.
Quốc-Trinh tham - tụng[3] ở đầu,

Lam-giang (tức là sông Cả chảy qua Bến-thủy), sau lại phải rút lui về phía nam sông Gianh.

Việc chinh-chiến ấy trải qua đời chúa Trịnh-Tráng (1623-1657) đến chúa Trịnh-Tạc (1657-1682).

Năm 1672, Trịnh-Tạc lại cất đại-quân vào đánh Nguyễn nhưng quân Nguyễn giữ vững lũy Trấn-ninh (thuộc Quảng-bình ở phía nam sông Gianh). Quân Trịnh phải rút lui chỉ để quân đóng lại ở xã Hà - trung (tục gọi là Cầu-doanh) ở phía nam Hà-tĩnh.

Từ đấy cho tới đời Tây-sơn dấy nghiệp(1774), Trịnh và Nguyễn chỉ cầm giữ nhau ở sông Gianh mà không đánh nhau nữa.

Về phía Bắc, Trịnh-Tạc đánh Mạc ở Cao-bằng (1667). Mạc-Kinh-Vũ chạy sang Tầu đút lót cho nhà Thanh để bắt Trịnh trả cho bốn châu ở Cao-bằng.

Ở trong nước, Trịnh-Tạc đặt lệ chúa sang chầu không phải lạy vua Lê và ngồi ngang hàng với vua.

Hồi ấy sau vua Lê-Thần-Tông, có vua Huyền-Tông (1663 – 1671) vua Gia - Tông (1672 – 1675) và vua Hi-Tông (1676 – 1705).

5. – CHÚ THÍCH. – 1. **Quyền - môn :** dòng dõi nhà nhiều quyền-thế – 2. **Bi-các** : gác kín, nơi chứa sách – 3. **Tham-tụng** : chức quan cao nhất coi việc chính-trị (cũng như Tể-tướng đời trước).

Bởi sao nên nỗi gây thù ưu-binh? [4]
Hy-Tông hoảng-đệ thay anh,
Ngôi không luống giữ, quyền-hành mặc ai! 1580
Bấy lâu chiếm-cứ cõi ngoài,
Hãy còn Mạc-nghiệt [5] mấy đời đến nay.
Di-thư [6] sang với Quảng-tây,
Một lần hội-tiễu [7] từ này chạy xa.
Quân Thanh xâm chiếm đất ta,
Vị-xuyên, Bảo-lạc, Nà-oa. Lộc-bình. [8]
Thổ-quan lại có tư-tình,
Tham vàng đem giới-kệ [9] mình chuyển-di. [10]

— 4. **Ưu-binh**: tên riêng dùng để chỉ lính Thanh, Nghệ là lính thân-tín canh gác cung vua và phủ chúa. Ưu-binh hay nhiễu dân. — 5. **Mạc-nghiệt**: con cháu họ Mạc — 6. **Di thư**: đưa thư — 7. **Hội-tiễu**: họp nhau để đánh dẹp — 8. **Vị-xuyên... Lộc-bình**: tên đất ở Cao-bằng và Lạng-sơn thuộc nước ta nhưng bị nhà Thanh (Tầu) lấn dần — 9. **Giới-kệ**: mốc đá chia địa giới 10. **Chuyển-di**: thay đổi. Quan nhà Lê ăn của đút nhà Thanh, đem đổi mốc đi để nhà Thanh lấn mất bốn châu ở đất ta.

5. — Lời giải. — *Trịnh-Căn (1582-1709) xưng là Nam-bình vương, bắt các quan văn nhà Lê sang chầu bên phủ chúa để bàn việc chính trị.*

Quan tham-tụng Nguyễn Quốc-Trinh bàn giảm lương lính, bị quân ưu-binh nổi lên giết chết.

Mạc-Kính-Vũ thông mưu với Ngô-Tam-Quế là người Tầu chống với nhà Thanh. Trịnh-Căn sai người tố-giác việc ấy với vua Thanh, rồi đem quân đánh Cao-bằng 1667). Họ Mạc chạy sang Tầu bị nhà Thanh bắt giao cho họ Trịnh giết đi. Nhà Mạc, từ khi bỏ Thăng-long, giữ Cao-bằng được ba đời.

Về mặt bắc, nhà Thanh lấn mất của ta 15 động thuộc tỉnh Cao-bằng và Lạng-sơn.

6— Triều-thần nhà Lê

Bên ngoài xâm-tước [1] nhiều bề,
Ở trong chỉnh-sự chỉnh-tề [2] được bao ?
Lễ gì hơn lễ bang-giao, [3]
Mà cho quan thị [4] đứng vào đầu ban.
Thế mà những kẻ cư-quan, [5]
Cũng đành ngoảnh mặt cho toàn tôn-vinh. [6]
Tại triều mấy kẻ trâm-anh, [7]
Nguyễn-Đang, Đồng-Trạch công-thanh [8] một đường.
Thế-Vinh tái học ưu-trường, [9]
Nguyễn-Hành, Hà-Mục văn-chương cũng giả
Bởi ai thiên-hạ âu-ca, [10]
Chẳng quan tham-tụng [11] Vãn-hà là chi ?

---

6. — CHÚ-THÍCH. — **1. Xâm-tước :** lấn và cắt, nhà Thanh (Tầu) lấn đất nước ta — 2. **Chỉnh-tề** : sửa sang, xếp đặt — 3. **Bang giao** : giao-thiệp với nước ngoài — 4. **Quan thị :** hoạn-quan trước chỉ chuyên việc hầu hạ trong cung điện, vua chúa; nhà Trịnh tin-dùng hoạn-quan, nên giao cả quyền chính-trị cho họ — 5. **Cư-quan** : tại chức, đương làm quan — 6. **Tôn vinh :** danh giá, địa-vị 7. **Trâm-anh** : cái trâm gài đầu và cái giải mũ, chỉ giòng giõi cao quý — S: **Công-thanh**: công-bình và thanh-liêm — 9. **Ưu trường**: giỏi hơn người — 10. **Âu-ca** : hát khen, tán-tụng — 11 **Tham-tụng** : chức quan đứng đầu coi việc chính trị (cũng như tể tướng đời trước).

6.—Lời giải.—*Ở trong triều, quan thị tham-dự vào việc chính-trị. Các quan đều a-dua theo chúa Trịnh, để kiếm giàu-sang, không ai nâng đỡ nhà Lê.*

Trong hàng quan, có người công-bình thanh-liêm (như Nguyễn-Đang, Đồng-Trạch), có người tài-học xuất-chúng (như Lương-Thế-Vinh, Nguyễn-Hành, Hà-Mục). Có Nguyễn-Nho-Quan người làng Vãn-hà, làm tham-tụng tốt với dân; lại có bọn như Lê-Hy làm cho thiên-hạ oán-giận.

Bởi ai thiên-hạ sầu-bi,
Chẳng quan tham-tụng Lê-Hy hãnh-thần [12] ?
Tính đi nghĩ lại xa gần,
Nhiều phần vì Trịnh, ít phần vì Lê.
Mới giầu sang đã say mê,
Lấy ai chỉ-trụ [13] làm bia trong đời!

7.— Những việc cải - cách về thời Trịnh - Cương

Dụ-Tông nối giữ ngôi trời,
Trịnh-Cương chuyên chế [1] theo loài cố-gia. [2]
Lục-phiên [3] lại đặt tư-nha, [4]
Bao nhiêu tài-phú [5] đều là về tay.
Các quan trấn-thủ mới thay,
Hưng, Tuyên thống-hạt, [6] từ rầy chia hai.
Vũ-thần [7] mỗi trấn một người,
Để cho vững thế mặt ngoài phiên-ly. [8]
Lấy năm điều [9] khảo trấn-ti, [10]

— 12. **Hãnh-thần** : bề tôi xu-nịnh — 13. **Chỉ-trụ** : nền cột.

7.— CHÚ-THÍCH. — 1. **Chuyên-chế** : một mình định đoạt mọi việc, một mình nắm hết quyền — 2. **Cố-gia** : nhà cũ, thói cũ trong nhà — 3. **Lục-phiên** : năm 1718, Trịnh-Tương đặt ra lục phiên (sáu tòa) ở bên phủ chúa để coi mọi việc chính trị cũng như lục bộ (sáu bộ) bên triều vua Lê, sáu bộ chỉ có danh mà quyền - hành thì mất đã từ lâu — 4 **Tư-nha** : sở quan riêng của nhà mình (của phủ chúa Trịnh) — 5. **Tài-phú** : của cải — **Thống-hạt** : khu hạt để cai-trị. 7. **Vũ-thần** : quan võ — 8 **Phiên-ly** : phên giậu, chỉ các trấn ở ngoài che chở cho kinh thành — **Năm điều** : mấy năm chúa Trịnh lại khảo hạch các quan đầu trấn để phân-biệt người giỏi nên thăng và người kém nên giáng, việc khảo-hạch chuyên chú về năm điều: 1 —*Kiểm-chế* (trị an),— 2.*Đề-điều*— 3. *Khám vấn* (tra xét hình án —4.*Cơ sát* —«điều-tra về cai-trị» 5. *Thôi khoa* (thu thu) — 10. **Trấn-ti** ; tòa quan cai-trị các *trấn* (cũng như *tỉnh* bây giờ)

Cử trong điển-tối [11] mà suy hay hèn.
Thẩm hình đặt viện phủ-tiền, [12]
Sai quan tra kiện thay quyền pháp-ti. [13]
Vũ-khoa mới đặt phép thi,
Hỏi đường thao-lược [14], thử nghề đao-cung.
Ba trường phúc-thi [15] đã xong,
Đề danh tạo-sĩ [16] bảng rồng cũng vinh.
Kén thêm tứ-trấn binh đinh, [17]
Vệ quân mới đặt sáu dinh từ rầy.
Công-tư điền-thổ [18] xưa nay,
Sai quan khám-đạc [19] san [20] tay dân cùng [21]
Tuần-hành [22] có sứ khuyến-nông,
Giữ gin đê lộ, [23] xét trong dân-tình.

—11. **Điển tối**: *điển* là cuối cùng, *tối* là hơn hết, xếp đặt theo thứ tự —12. **Thẩm hình .. phủ-tiền**: *thẩm hình* là tra xét việc hình án ; viện *phủ-tiền* là tòa đặt ở phủ chúa (Ngự-sử đài). Chúa Trịnh ấn định phép xử kiện : các việc ở *phủ huyện* xử không xong thì đưa lên *trấn* xét lại, nếu lại không xong thì đến ban *Giám sát*, nếu vẫn không xong thì *Ngự sử đài* xét lại. 13. **Pháp ti** : tòa coi việc hình án. --14 **Thao lược** : tài dùng binh 15. **Phúc thí**: thi lại. Lệ thi võ nhà Trịnh đại-khái đầu thì thi võ-nghệ sau hỏi đến binh-thư để xét học-lực, sau cùng hỏi phương - lược để xét tài-năng— 16. **Đề danh tạo-sĩ**: xưng tên là nghè võ— 17. **Tứ-trấn binh-đinh** : binh lấy ở bốn trấn, cứ 5 suất đinh lấy một người đi lính. Bốn trấn là: Sơn-nam. Kinh - Lắc. Hải - dương và Sơn - tây. Quân bốn trấn gọi là **nhất binh** chuyên giữ các trấn và hầu các quan. Còn quân **túc vệ** gọi là **ưu-binh**, đóng ở kinh thành, thi kén ở ba phủ đất Thanh-hóa và bốn phủ đất Nghệ-an 18. **Công-tư điền-thổ**: ruộng đất tư, ruộng đất công vẫn chia cho dân —19 **Khám - đạc** : tra xét và đo — 20. **San** : chia — 21. **Dân cùng**: dân nghèo 22. **Tuần-hành**: đi để xem xét— 23. **Đê-lộ**: đê và đường

Đem thư biện [24] với nhà Thanh,
Mỏ đồng, mỏ kẽm lại giành về ta.
Lập bia trên Đồ-chú-hà, [25]
Giới-cương [26] tự đó mới là phân-minh. [27]
Qui-mô cũng muốn sức binh, [28]
Mà lòng lăng-tiếm [29] tự mình ra chi?
Lập phủ-đường ở Cổ-bi, [30]
Toan dem kinh-quốc [31] dời về cố-hương. [32]
Đông-cung [33] đã lập Duy-Tường,
Bỗng không lại đổi Duy-Phường cớ sao ?

---

21. **Biện** : giãi bầy lý lẽ — 25. **Đồ-chú-hà** : sông chảy qua xã Tụ-long, châu Vị-xuyên thuộc tỉnh Hà-giang phân địa-giới nước ta và nước Tầu— 26. **Giới-cương**: miền biên giới — 27. **Phân-minh**: rõ ràng — 28. **Qui mô....sức-bình**: *qui-mô* là khuôn mẫu, *sức-bình* là tô-điểm vào cảnh thái-bình — 29. **Lăng-tiếm**: cướp quyền vua 30. **Cổ-bi**: tên riêng làng thuộc phủ Gia-lâm tỉnh Bắc-ninh ngày nay— 31. **Kinh-quốc** : kinh-đô 32. **Cố-hương** : quê nhà bà Thái phi sinh ra Trịnh-Cương quê ở Như-quỳnh gần Cổ-bi— 33. **Đông-cung** : thái-tử, con vua có quyền nối ngôi.

7. - **Lời giải**. — *Trịnh-Cương làm chúa (1709--1729) tin dùng Nguyễn-Công - Hãng, sửa đổi nhiều việc trong nước.*

Đặt bên phủ chúa sáu phiên (tương-đương với sáu bộ bên triều Lê) để coi việc chính - trị : đặt ở mỗi trấn một quan văn và quan võ ; đặt ra năm khoản để làm chuẩn-thẳng mà xét việc của các quan, đặt viện xét hình án ; mở khoa thi võ, thi văn, cải tổ quân-đội ; đạc-điền

để chia công-điền công-thổ cho dân ; sai quan đi xem xét đè điều, đường sá và dân-linh.

Đối với Tầu, thì điều-đình lấy mỏ đồng (ở châu Tự-long) và mỏ kẽm ; đặt mốc ở sông Đồ-chú (nay mất vào đất Vân-nam, để phân địa-giới.

Phủ chúa lập ở Cổ-bi, thuộc huyện Gia-lâm, Bắc-ninh.

Vua Lê hồi ấy là Dụ-Tông (1706-1729).

ĐOẠN MƯỜI BẢY

NHÀ LÊ SUY

Vua Lê chúa Trịnh (II)

(1729 - 1782)

1. – Chính-sách đối-bại của Trịnh-Giang

Trịnh-Giang quen lối gian-hào,
Truất ngôi Vĩnh-Khánh hãm vào tội-nhân.
Thuần-Tông dặt bỏ mấy lần,
Phúc-uy [1] mặc sức cường-thần mới ghê.
Ý-Tông còn tuổi hài-đề [2],
Danh tuy chính-thống, [3] quyền về phó-vương.
Trịnh càng dâm-ngược kiêu-hoang,
Đêm ngày luống những tham đường vui chơi.
Dấu xe giong-ruổi quanh trời,
Sửa sang cảnh Phật, vẽ vời động tiên.
Quỳnh-lâm, Hương-hải, Hồ-thiên, [4]
Của thiên-hạ chất cửa thiền [5] biết bao ?

1.— CHÚ-THÍCH .— 1. **Phúc-uy :** giáng phúc hay gia ủy--2. **Hài-đề :** trẻ con -- 3. **Chính - thống** : nắm giữ quyền chính --4. **Quỳnh-lâm, Hương - hải, Hồ - thiên,** : tên riêng ba ngôi chùa; *Quỳnh-lâm* thuộc Đông-triều (Hải-dương) *Hương-hải* thuộc Chí-linh (Hải-dương) và *Hồ-thiên* thuộc Bắc - ninh --5. **Cửa thiền** ; cửa Phật.

Kho-tàng ngày một tiêu-hao, [6]
Bán khoa, mua tước [7] tiền vào sáu cung. [8]
Phò-vương còn chửa cam lòng,
Thượng - vương lại giả sắc rồng [9] nhà Thanh.
Tội trời kể đã quán-doanh, [10]
Sao cho nghiệp-báo [11] đến mình mới thôi.
Bỗng đâu một tiếng thiên-lôi, [12]
Thất-kinh ngơ ngác như người chửng điên.
Ở hang lại gọi cung tiên,
Lễ đoàn nội-thụ [13] chuyên-quyền lộng-uy. [14] 1660

— 6. **Tiêu - hao :** hao mòn --7. **Bán khoa, mua tước :** từ đời Lê-Dụ-Tông niên hiệu Bảo thái (1720-1729) có lệ bắt người thi phải nộp tiền để làm trường và khoản đãi quan - trường, từ 1750 trở đi ai nộp ba quan thì được vào thi không phải khảo-hạch. Từ chúa Trịnh Giang có lệ nộp tiền để mua quan --8. **Sáu cung** : sáu tòa coi việc thu thuế ở phủ chúa Trịnh --9. **Giả sắc rồng :** làm giả sắc nhà Thanh phong chúa Trịnh làm *An-nam-quốc Thượng - vương* --10. **Quán - doanh :** đầy dẫy --11 **Nghiệp-báo.** : vì trước làm điều ác mà sau bị trời trị tội. --12. **Thiên-lôi** : sét --13. **Nội-thụ** : quan thị nội giám --14. **Lộng-uy :** lộng quyền.

1. — Lời giải. — *Trịnh-Giang (1729 — 1740) bỏ Lê-Duy-Phường (niên-hiệu Vĩnh-khánh), lập Thuần-Tông (1732), là thái-tử trước đã bị Trịnh-Cương truất.*

Năm 1735, Trịnh-Giang lại bỏ con vua Thuần-Tông mà lập Ý-Tông.

Trịnh-Giang hoang-dâm, xa-xỉ, phao-phí của kho để xây-dựng chùa chiền, đặt ra lệ bán chức tri-phủ, tri-huyện và lệ ai nộp ba quan thì được lấy đỗ sinh-đồ (tú-tài).

Trịnh-Giang lại sai người làm giả sắc nhà Thanh phong cho làm Thượng-vương.

2. — Sự loạn-lạc ở Bắc-hà

Lòng người dâu chẳng bạn-ly, [1]
Ếch kêu, ác họp [2] thiếu gì gần xa !
Sơn-nam có giặc Ngân-giả,
Nguyễn-Cử, Nguyễn-Tuyển ấy là giặc Đông.
Sơn-tây : nghịch Tế, nghịch Bồng; [3]
Động ngoài ba mặt, nhộn [4] trong bốn bề.
Nằm hang Trịnh có biết gì !
Quận Bảo, quận Thực [5] đua - bi tranh công.

3. — Trịnh - Doanh và Lê - Hiển - Tông

Phò-vương quen lối nhà dòng,
Chẳng phò Trịnh-thị sao xong việc đời? 1670
Nguyễn-công Qui-Cảnh mấy người,

Sau Trịnh-Giang bị sét đánh, chữa khỏi xong thì sợ sấm-sét, phải đào hầm ở dưới đất để ở: Bọn nội-giám là quận Bào, quận Thực tranh nhau quyền trong triều đình

2.-- CHÚ-THÍCH. — 1. **Bạn-ly :** phản-bạn và ly-tán -- 2. **Ếch kêu ác họp** ; giặc cướp tứ tung, ồn ào --3. **Nghịch :** giặc. người làm phản --4. **Nhộn** : rối loạn --5, **Quận Bào**, **quận Thực**: tên riêng hai viên nội-giám lộng-quyền hồi ấy.

2. — Lời giải. — *Giặc-dã nổi lên như ong. Ở tỉnh Đông (Hải-dương) có Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cử ; ở Sơn-nam, làng Ngân-giả, có bọn Vũ-Đình-Dung ; ở Sơn-tây có tên Tế, tên Bồng, đều mượn tiếng phù Lê rồi đi cướp phá các phủ-huyện.*

Vào trong định sách, [1] ra ngoài diệu binh. [2]
Cùng nhau phù-lập Trịnh-Doanh,
Thái-vương Trịnh lại tôn anh làm vì.
Sai quan kinh-lược bốn bề, [3]
Khải-ca [3] mấy khúc đều về tấu-công. [5]
Cơ-mưu [6] Trịnh cũng gian-hùng,
Nghĩ mình chuyên-tiếm [7] ắt lòng ai ưa.
Có Lê mới có đến giờ,
Phải cầu hiền-đức [8] để nhờ phúc-chung. 1680
Kìa người mắt phượng, râu rồng,
Duy-Diêu vốn cũng là dòng thần-minh. [9]
Hạ-đài [10] khuất bóng tiền-tinh, [11]
Khuôn thiêng [12] còn để một cành phúc-chi. [13]
Hay đâu cầu-ứng [14] cũng kỳ,

---

3. CHÚ THÍCH --1. **Định sách** : định mưu-kế, kế-hoạch --2. **Diệu-binh** : dàn quân --3. **Kinh-lược bốn bề** : đánh dẹp bốn phương, mọi nơi --4. **Khải-ca** : hát thắng trận --5. **Tấu-công** : tâu đã lập được công trạng --6. **Cơ-mưu** : mưu ngầm --7. **Chuyên-tiếm** : cướp lấy địa vị một mình --8. **Hiền-đức** : người có tài có đức --9. **Dòng thần-minh** : dòng dõi vua --10. **Hạ-đài** : ngục giam --11. **Tiền-tinh** : ngôi sao ứng vào ngôi thái-tử chỉ Duy-Diêu khi còn bị giam --12. **Khuôn-thiêng** : trời 13. **Phúc-chi** : một cành phúc --14. **Cầu-ứng** : xin và được

3. — **Lời-giải.** — *Nhân lúc quận Bảo và quận Thực đi dẹp giặc vắng, bọn Nguyễn-Quý-Cảnh mưu với vua Lê lập Trịnh-Doanh làm chúa (Minh-đô-vương 1740-1767) rồi phong cho Trịnh-Giang làm Thái-thượng-vương.*

Bọn hoạn-quan phản-đối đều bị Quý-Cảnh đem binh đón đường giết.

Bỗng xui Trịnh-chúa tạm đi ra ngoài.
Vũ-công một giấc hiên-mai,
Mơ-màng dưởng thấy phong-tài [15] đế-vương. [16]
Tinh-kỳ nhã-nhạc [17] lạ nhường,
Thái-bình nghi-vệ [18] rõ ràng chẳng ngoa, 1690
Sáng mai vừa mới tỉnh ra,
Duy-Diêu xảy đến chơi nhà lạ sao ?
Thấy người mà nghiệm chiêm-bao,
Mới hay trẫm-triệu [19] ứng vào tự-nhiên.
Nghe lời Trịnh mới phủ lên,
Hiển-Tông từ ấy chịu truyền nối ngôi.

4. – Trịnh - Doanh và Trịnh - Sâm dẹp loạn

Vận Lê đến lúc suy-đồi,
Chắp tay rủ áo [1] lặng ngồi mặc ai.
Gặp khi nhiều việc chông gai,
Loạn trong ba phủ, giặc ngoài bốn phương [2] 1700

Trịnh-Doanh sai người đi đánh dẹp ; phá được bọn Tế Bồng, giặc Ngân-giả, bọn Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cừ.

Nhưng muốn cho lòng dân được yên, Trịnh-Doanh kén người có tài-đức để đặt lên làm vua : năm 1740 bèn bắt vua Ý-Tông nhường ngôi cho Duy-Diêu, tức là Hiển-Tông (1740-1786), là người trước đã bị Trịnh - Giang truất ngôi thái-tử và bắt giam.

--15. **Phong-tài** : bóng dáng --16. **Đế-vương** : vua --17 **Tinh-kỳ nhã nhạc** : cờ quạt, kèn trống ---18. **Thái bình nghi vệ** : hình thực làm triệu chứng cho sự hòa bình yên ổn --19. **Trẫm triệu:** điềm ứng hiện ra từ trước,

4.i—CHÚ - THÍCH. — 1. **Chắp tay rủ áo** : ý nói vua ngồi không không làm gì— 2. **Ba phủ, bốn phương :** trong triều thì quân *ba phủ* (quân túc-vệ) kiêu-căng hỗn-hào, ở ngoài thì giặc đã khắp mọi nơi,

Văn-thần có kẻ phấn-dương, [3]
Phạm-công Đình-Trọng gồm đường lược-thao. [4]
Phao-sơn [5] trỏ ngọn cờ đào,
Nguyễn-Cừ đã phá, Nguyễn-Cầu cũng tan.
Nguyễn-Phương cứ Độc-tôn-sơn, [6]
Tuyên, Hưng là đất, lâm-man [7] là nhà.
Trịnh-vương quyết-chí xông-pha,
Huyệt-sào [7] quét sạch, binh-xa [8] mới về.
Quyền-gian kế-tập quen lề, [9]
Trịnh-Sâm lại cũng sinh nghề vũ-công.
Mạnh-thiên [10] hang thẳm núi cùng,
Hãy còn Hoàng-Chất lâm-tùng [11] ẩn-thân.
Sai Đoàn-Nguyễn-Thục đem quân,
Cùng rừng [12] săn thú một lần mới thanh. [13]
Lại toan dẹp cõi Trấn-ninh,
Chỉn e [14] địa-thế, dân-tình chưa quen.
Địa-đồ ai khéo vẽ nên,
Thu ngoài man-cảnh [15] về bên khuyết-đình. [16]
Gần xa đã tỏ tình-hình,
Mới sai chư-tướng đề binh [17] đánh liền.

– **.Lược thao** : tài dùng binh– 5, **Phao-sơn**: tên riêng núi thuộc Đông-triều (Hải-dương) –6 **Độc-tôn-sơn:** ở dãy núi Tam-đảo ở giữa Vĩnh-yên và Thái-nguyên –7. **Lâm-man :** rừng núi -- 8. **Huyệt-sào. binh xa** : *Huyệt sào* hang và tổ nơi giặc ẩn náu, *binh xa* lính và xe, quân lính – 9. **Quyền gian,. quen lề**: quen thói cha truyền con nối chiếm quyền vua –10. **Mạnh-thiên :** tên riêng một động ở Hưng - hóa –11. **Lâm- tùng** : rừng rậm,– 12. **Cùng rừng**: Cuối rừng – 13. **Thanh** : sạch – 14. **Chỉn e** : rất sợ – 15. **Man cảnh ;** đất nước của dân chưa khai-hóa (chỉ xứ Ai-lao) – 16. **Khuyết-đình** : nơi vua ở –17 **Đề-binh** : cất quân

Chiềng-quang [18] thành-lũy vững-bền.
Bồ-chông [19] núi cả cũng nên hiểm trời.
Biến đâu trửu-dịch [20] lạ đời !
Nửa đêm mở lũy cho người tiến sang.
Bởi mưu Ngũ-Phúc chiêu-hàng [21]
Nguyễn-Thiều trong lại đem đảng nội công. [22]
Vậy nên Duy-Mật thế cùng,
Hỏa-viêm [23] một phút cô-dung [24] cũng liều.

--18. **Chiềng - quang** : tên làng ở Trấn-ninh, — 19. **Bồ-chân** : tên núi ở Trấn-ninh— 20. **Trửu-dịch**: khuỷu tay và nách, nghĩa bóng là người thân-cận — 21. **Chiêu hàng** : gọi hay dụ địch ra hàng — 22 **Nội - công** : đánh ở trong(làm phản) — 23. **Hỏa viêm** : lửa nóng — 24. **Cô dung** : thành nhỏ đứng trơ trọi.

4. Lời giải. — *Về đời Lê-Hiển-Tông (1740 — 1786) vận nhà Lê càng suy.*

Ở kinh-thành thì quân ba phủ kiêu - hãnh nổi lên cướp nhà tham-tụng Nguyễn-Cảnh.

Ở các nơi thì giặc-dã nhiều

May nhờ có tướng giỏi là Phạm - Đình - Trọng và Hoàng-Ngũ-Phúc,, Trịnh-Doanh mới quét sạch được dư đảng của Nguyễn-Cừ, là Nguyễn-Hữu-Cầu, tức quận He và dư-đảng của bọn Tế-Bồng, là Nguyễn-Danh Phương tức quận Hẻo.

Quận Hẻo chiếm cứ vùng Tuyên quang, Hưng-hóa trong 10 năm trời (1740-1750), còn quận He thì vùng vẫy hết ở mạn bể (Đồ-sơn, Vân-đồn) rồi ở Thị cầu, sau cùng vào Nghệ-an (1743--1751).

Trịnh-Sâm (1767--1782) tiếp-tục công-cuộc bình-định của Trịnh-Doanh.

Năm 1769, diệt được bọn Hoàng-Công-Chất làm loạn đã non ba mươi năm và bấy giờ đương chiếm-cứ vùng Hưng-hóa.

5 – Trịnh-Sâm đánh chúa Nguyễn

Cậy công Trịnh mới thêm kiêu,
Càng dầy đức-sắc, [1] càng nhiều ác-cai. [2]
Vu-oan nỡ đặt nên lời,
Để cho thái-tử thiệt tài thông-minh.
Phúc-uy chuyên-tiếm [3] một mình.
Mạo giầy điên-đảo, [4] nghĩa danh còn gì ?
Thế mà vạc cả [5] duy-trì, [6]
Bởi tiên-liệt-thánh [7] Nam-kỳ nối ngôi.
Nền danh-phận, đạo vua tôi,
Gian-hùng mất vía đứng ngồi sao an ?
Bấy giờ có giặc Tây-san,
Ở trong lại có Phúc-Loan [8] lộng-hành. [9]
Thừa cơ [10] Trịnh mới sai binh,
Đưa thư vào trước kể tinh ngoại-thân. [11]

Năm 1769, diệt được Lê-Duy-Mật là dòng-dõi nhà Lê nổi lên từ 1738 và chiếm-cứ vùng Trấn-ninh. Duy-Mật giữ ở động Chiềng-quang. Nhưng tướng của Duy-Mật là Nguyễn-Thiều nghe lời Hoàng-Ngũ-Phúc dụ hàng, mở lũy Bồ-chông cho quân Trịnh vào. Duy Mật cùng vợ con tự đốt cháy mà chết.

5.– CHÚ-THÍCH.– 1, **Đức sắc :** vẻ mặt khoe-khoang kiêu-ngạo – 2. **Ác-cai** : mầm tội ác – 3. **Phúc-uy chuyên-tiếm :** một mình cướp lấy quyền tác-phúc gia uy – 4. **Mạo giầy điên đảo :** lấy mũ làm giầy, lấy giầy làm mũ, đảo ngược tôn-ti – 5. **Vạc cả** : cơ-nghiệp nhà vua (Lê) – 6. **Duy-trì :** gầy lại – 7. **Tiên-liệt-thánh** : các tổ-tiên (nhà Nguyễn)– 8. **Phúc-Loan :** Trương-Phúc-Loan là quyền-thần ở triều chúa Định-vương Nguyễn-Phúc-Thuần (1765--1777), làm nhiều điều gian-ác, ai ai cũng oán giận – 9. **Lộng hành :** lộng quyền- 10. **Thừa cơ**: nhân dịp – 11. **Ngoại thân** : họ ngoại ; vợ Trịnh-Kiểm tổ họ Trịnh, là chị ruột Nguyễn-Hoàng (tổ nhà Nguyễn) --

Rằng: «Toan trừ đứa lộng-thần, [12]
«Cùng nhau quét sạch bụi trần cõi Tây. [13]»
Lá cờ theo ngọn gió bay,
Thừa hư [14] trực-để [15] vào ngay Nhà-Hồ. [16]
Phúc-Loan đem lại hiến-phủ, [17]
Trịnh-binh [18] nhân thế tràng-khu [19] đuổi theo.

---

12. **Lộng thần**: bề tôi lộng quyền, chỉ Trương-Phúc-Loan - 13 **Cõi Tây** Tây-sơn, nơi anh em Nguyễn-Nhạc dấy binh đánh chúa Nguyễn - 14· **Thừa hư** : nhân chỗ trống — 15. **Trực để** ; thẳng tới -- 16. **Nhà Hồ**: làng Hồ-xá, tỉnh Quảng-trị --17. **Hiến-phủ** : bắt tù đem nộp, quân Trịnh vào đến Hồ-xá (Quảng-trị) thì các quan nhà Nguyễn bắt Trương-Phúc-Loan đem nộp — 18 **Trịnh binh** : quân nhà Trịnh -- 19. **Nhân thế tràng-khu** ; Thừa thế thẳng đuổi dài —

5.— Lời giải — *Trịnh-Sâm nắm giữ chính-quyền vu cho thái-tử là Lê-Duy-Vĩ tư-thông với cung-nhân rồi bắt giết đi.*

Bấy giờ, ở xứ Nam, chúa Nguyễn là Định-vương còn nhỏ tuổi. Trương-Phúc-Loan lộng-quyền, làm nhiều điều tàn-ác, dân gian oán giận.

Ở ấp Tây-sơn thuộc Qui-nhơn (nay ở vùng An-Khê tỉnh Bình-định), ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn Huệ dấy binh đánh lại chúa Nguyễn.

Trịnh-Sâm biết rõ tình hình xứ Nam liền lấy cớ là giúp chúa Nguyễn trừ Trương-Phúc-Loan và Tây Sơn, mà kéo quân vào Phú-xuân (kinh-đô của chúa-Nguyễn).

Quân Trịnh đến làng Hồ-xá (Quảng-trị) thì triều-thần nhà Nguyễn bắt Trương-Phúc-Loan đem nộp.

Quân Trịnh hẹn chúa Nguyễn hội binh ở Phú-xuân để cùng đi đánh Tây-Sơn.

Chúa Nguyễn biết mưu của Trịnh muốn chiếm Phú-xuân, bèn sai quân ra chặn ở bến Trầm-than (Quảng-

Đôi bên lập lũy phân - dinh,
Trầm-than [20] mấy trận quan-binh [21] hiềm-nghèo.
1750

Độ quân [22] nọ bắc phù-kiều, [23]
Thúy-hoa [24] phất-phới qua đèo Hải-vân,
Quảng-nam đồn-trú lục-quân, [25]
Trong Tây [26] ngoài Trịnh, xa gần với ai?
Thuyền rồng vào bến Đồng-nai,
Long-hưng [27] còn đợi cơ trời [28] có khi.

6. – Trịnh-Sâm hỏng mưu thoán-đoạt

Gió thu lần úa [1] cành Lê,
Ác bay [2] chưa biết đỗ về nhà ai.

điền, tỉnh Thừa-thiên); nhưng quân Trịnh đánh tan rồi kéo thẳng vào Phú-xuân.

Chúa Nguyễn và triều thần phải chạy; quân Trịnh qua Hải vân vào đóng ở Quảng nam. Bấy giờ quân Tây-Sơn ở Qui-nhơn lại đánh ra. Chúa Nguyễn bèn cùng cháu là Nguyễn-Phúc-Ánh, xuống thuyền chạy vào Gia-định.

20. **Trầm-than**: tên riêng bến sông ở huyện Quảng-điền, tỉnh Thừa-thiên quân Nguyễn giữ quân Trịnh ở đây nhưng sau bị tan vỡ --21, **Quan-binh** : quân nhà nước (chúa Nguyễn, tác-giả viết về triều Nguyễn, nên coi nhà Nguyễn là chính thống mà gọi tất cả những phái chống lại Nguyễn là ngụy (giặc) -- 22 **Đô-quân** : đem quân qua sông - 23. **Phù kiều**: cầu nổi, cầu phao để quân qua sông – 24. **Thúy-hoa**: cờ tướng có cắm lông chim thúy. quân Trịnh đuổi chúa Nguyễn chạy vào Quảng-nam – 25. **Đồn trú lục-quân** : đóng quân – 26, **Tây**-Tây-sơn (ở Qui-nhơn) 27 **Long-hưng** ! dấy lên nối ngôi vua it --28. **Cơ trời**: cơ hội, dịp của trời.

6.– CHÚ-THÍCH.– 1. **Lần úa** : dần dần khô héo – **Ác** : một thứ quạ. trong văn-thơ dùng để tiêu-biểu cho mặt trời ; câu này nghĩa là ngôi chúa tể thiên-hạ chưa biết về ai

Ngụy Tây [3] gắm ghé mặt ngoài,
Trịnh-Sâm trong lại sai người cầu-phong. 1760
Vũ-Trần-Thiệu [4] kể là trung,
Mặt tuy ứng-mệnh [5], nhưng lòng vẫn kiên.
Động-đình [6] xa vượt bè tiên, [7]
Trên trời dưới nước tấm nguyền [8] sạch trong.
Biểu-tiên [9] phó ngọn đuốc hồng,
Ngậm cười thề với chén nồng [10] cho xuôi.
Làm cho vỡ mặt gian-hồi, [11]
Mà người chim nỗi cho đời thẹn riêng.

---

3. **Ngụy Tây** : «giặc» Tây-sơn, tác giả làm quan nhà Nguyễn nên gọi Tây-sơn là giặc — 4. **Vũ-Trần-Thiệu** : quan thị-lang nhà Lê, Trịnh-Sâm cử sang sứ nhà Thanh — 5. **Ứng mệnh** : theo lệnh (chúa Trịnh) — 6. **Động-đình** : hồ Động-đình ở khoảng giữa tỉnh Hồ-nam và Hồ-bắc nước Tầu, Vũ-Trần-Thiệu, sứ ta, đi qua đấy để đến Yên-kinh (kinh-đô nhà Thanh) — 7. **Bè tiên** : thuyền do tiên hay người cao quý đi — 8. **Tấm nguyền** : tấm lòng trung — 9. **Biểu tiên** : tờ biểu dâng vua Thanh — 10. **Chén nồng** : chén thuốc độc — 11. **Gian-hồi** ; gian tà.

6. — **Lời-giải.** — *Từ khi lấy được đất Thuận-hóa, Trịnh-Sâm đắc-chí có ý muốn cướp ngôi nhà Lê, bèn sai quan Thị-lang Vũ-Trần-Thiệu sang nói dối nhà Thanh rằng con cháu họ Lê không còn ai đáng làm vua ; lại sai nội giam đem tiền của đi theo để đút lót xin phong cho làm vua.*

Đến hồ Động-đình (ở Tầu), Vũ-Trần-Thiệu đem tờ tiền của chúa Trịnh đốt đi, rồi uống thuốc độc mà chết

7 — Đặng-Thị-Huệ lộng-quyền

Xoay vần hay có khuôn thiêng, [1]
Càng giả cỗi ác, càng nghiêng sóng tình.
Tuyên-phi [2] là gái khuynh-thành, [3]
Đem bề ân-ái chuyên vành phúc-uy. [4]
Đêm ngày riêng một buồng the,
Cướp quyền đích-trưởng [5] dựng bè đồng-mông. [6]
Yêu-cơ [7] khí-diễm [8] càng nồng,
Khiến nên Trịnh-Khải sinh lòng âm-mưu.
E khi sự thế đảo-đầu, [9]
Ước cùng các trấn đều vào giúp công. [10]
Điển-thư [11] có đứa hầu trong,
Tin lòng nên mới ngỏ cùng Ngô-Nhâm. [12]
Người sao chẳng chút lương-tâm!
Khoa-danh [13] đã nhục, quan-trâm [14] cũng hoài!
Lòng riêng tham đắm mùi đời,

---

7. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Khuôn thiêng** : trời. — 2. **Tuyên-phi** Đặng-Thị-Huệ được chúa Trịnh phong là Tuyên-phi — 3, **Khuynh-thành** : nghiêng thành, sắc đẹp của người con gái làm đổ nước nghiêng thành — 4. **Phúc-uy** : giáng phúc gia uy - 5. **Đích trưởng** : con giai trưởng của vợ cả (chỉ Trịnh-Khải) — 6. **Đồng-mông** : trẻ dại — 7. **Yêu-cơ** : đàn bà trẻ và đẹp — 8. **Khí-diễm** : hơi và ngọn lửa sức mạnh của sắc đẹp — 9. **Đảo đầu** : đến cùng — 10. **Giúp công** : Trịnh-Khải hẹn quân các trấn về giúp 11. **Điển-thư** : thư-ký, tên Hà-Như-Sơn hầu trong phủ Trịnh-Khải, đem việc âm-mưu của Trịnh-Khải nói với thầy học là Ngô-thì-Nhậm Thì-Nhậm bàn với cha là Ngô-Thì-Sĩ. Thì-Sĩ can không được. Thì-Nhậm cứ tố-giác cho chúa Trịnh Thì-Sĩ uống thuốc độc tự tử — 13. **Khoa-danh** : Ngô-Thì-Nhậm đỗ Tiến-sĩ, hồi ấy đương làm đốc-đồng — 14. **Quan-trâm** : mũ và trâm gài đầu, dùng đỗi nhà quan.

Phụ tinh thấy tớ[15], cãi lời phụ-thân[16].
Quyết đem sự ấy củ-trần[17],
Làm cho Trịnh-Khải một lần châu-liên[18]

— 15 **Thầy tớ** : người hầu hạ, bề dưới, chỉ Hà-Như-Sơn là học trò của Thi-Nhậm — 16. **Phụ-thân** : cha, tức là Ngô-Thì-Sĩ — 17. **Củ-trần** : dãi bầy, tố giác với chúa Trịnh-Sâm — 18. **Châu-liên** : liên-lụy.

7. — **Lời giải.** — *Trịnh Sâm say đắm Tuyên-phi Đặng-Thị-Huệ, theo lời Tuyên-phi bỏ con trưởng là Trịnh-Khải mà lập Trịnh Cán là con Tuyên-phi, làm Thế-tử.*

Trịnh-Khải lo sợ liền ngầm mộ quân-sĩ và đưa mật thư hẹn với quan trấn-thủ Sơn-tây và Kinh-bắc về giúp việc. Đứa hầu-cận Trịnh-Khải, là Hà-Như-Sơn biết mưu, nói chuyện cho thầy học là Ngô-Thì-Nhậm biết. Thì-Nhậm đem việc tố-giác; Trịnh-Sâm bắt giam Trịnh-Khải. Ngô-Tứ-Sĩ là bố Thì-Nhậm, ngăn không được con, uống thuốc độc tự-tử.

ĐOẠN MƯỜI TÁM

CUỐI ĐỜI NHÀ LÊ

Vua Lê chúa Trịnh (III)

(1783 – 1786)

1. — Loạn kiêu-binh ở kinh-thành

Sâm già[1], Cán lại thiếu-niên,[2]
Phó cho Hoàng-Bảo giúp nên sao đành ?
Tuyên-phi học thói buông mành,[3]
Trong dưa dưới mận[4] nhân-tình đều nghi.
Ở trong Khải mới thừa ky,[5]
Ngoài quân ba phủ[6] nhân khi lộng-hành[7]
Cùng nhau sáp-huyết hội-minh,[8]
Trống hồi chửa dứt, các dinh đã vào.
Cửa thành binh-lửa xôn-xao,
Một cơn cỏ nội cá ao[9] còn gì !
Cán vong[10], Khải lại tiếm-vi,[11]

1.– CHÚ THÍCH.– 1. **Già** : chết – 2. **Thiếu-niên** : trẻ tuổi – 3. **Buông mành** : ngày xưa đàn bà cầm quyền ngồi đằng sau bức mành (dèm) để nghe các quan trình bầy công việc – 4. **Trong dưa dưới mận** : chữa giầy trong vườn dưa, sửa mũ dưới cành cây mận, chỉ sự làm người nghi có ý gian gian dối – 5. **Thừa kỵ** : thừa cơ, nhân dịp – 6. **Quân ba phủ** : quân tuyển ở ba phủ thuộc Thanh-hóa và bốn phủ thuộc Nghệ-an, cũng còn gọi là *ưu binh*, chuyên đóng giữ ở kinh thành – 7. **Lộng hành** : lộng quyền 9. **Sáp-huyết hội-minh** : uống máu ăn thề – 9. **Cỏ nội cá ao** : cỏ trong rộng, cá trong ao, lúc tai nạn sảy ra, đều chết ; ý nói Hoàng-Đình-Bảo và Thị-Huệ bị loạn quân giết và truất – 10. **Vong** : chết – 11. **Tiếm vị** : cướp lấy quyền-vị.

Phủ-binh [12] từ ấy nhiều bề tuyên kiêu. [13]
Hung-hăng ngoài phố trong triều,
Phá nhà cướp của, dập-diu vào ra.
Đầy đường những tiếng oán-ta [14],
Văn-thần, võ-tướng [15] đều là bó tay.

2 — Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ nhất

Tiếng đồn nghe đến giặc Tây, [1]
Tiềm-mưu [2] còn rắp đợi ngày xuất-chinh. [3]
Có tên Nguyễn-Chỉnh tài-danh, [4]
Nhân khi tao-loạn [5] đem mình hàng Tây.

---

12. **Phủ-binh** : quân ba phủ — 13. **Tuyên-kiêu** : tỏ vẻ kiêu-ngạo — 14. **Oán-ta** : kêu oán — 15. **Văn-thần, võ-tướng** : quan văn, tướng võ.

1— Lời giải. — *Năm 1782, Trịnh-Sâm mất, giao cho quận Huy là Hoàng-Đình-Bảo lập Trịnh-Cán. Cán còn trẻ mà lại ốm yếu. Đặng-Thị Huệ cầm quyền-chính. Ở ngoài thì Hoàng-Đình-Bảo làm phụ chính. Dân-tình không phục.*

Trịnh-Khải thừa cơ hẹn với quân ba-phủ nổi loạn. Tên biện-lại là Nguyễn-Bằng cùng quân ba-phủ uống máu ăn thề, rồi nghe hiệu trống mà kéo đến vây thành, giết quận Huy và truất Thị-Huệ và Cán. Cán ốm mà chết.

Quân ba-phủ tôn Trịnh-Khải lên làm chúa ; Khải ban thưởng cho chúng. Nhưng từ đấy quân ba-phủ lộng-quyền, họp nhau đi những nhiễu dân ở kinh-thành và cướp bóc các làng. Dân la-oán, các quan chỉ biết bó tay ngồi im.

2. CHÚ-THÍCH. — 1. **Giặc Tây** : Tây-sơn (nhà Nguyễn coi là giặc) — 2. **Tiềm-mưu** : ngầm mưu — 3. **Xuất chinh** : đem quân đi đánh (Bắc-hà) — 4. **Tài-danh** : có tiếng là tài, Hữu-Chỉnh theo Hoàng-Đình-Bảo đi đánh dẹp, đã nổi tiếng là người có tài cầm quân và nhiều mưu-trí — 5. **Tao-loạn** : rối loạn ; khi Hoàng-Đình-Bảo bị quân ba-phủ giết, Hữu-Chỉnh trốn vào theo Tây-sơn.

Cơ-quan mưu-lược vẽ bầy, [6]
Cam lòng nước cũ, mượn tay người ngoài.
Tây-sơn biết tỏ một hai,
Chia quân thủy-bộ quyết bài [7] kéo ra. 1810
Ngọn cờ trỏ lối sơn-pha, [8]
Hải-vân đồn-trấn, đâu là chẳng tan ?
Cánh buồm đè lớp cuồng-lan, [9]
Cát-dinh, Động-hải [10] quân-quan [11] chạy dài.
Ngụy Tây [12] còn sợ mặt ngoài,
Rắp ngăn Tràng-lũy [13] tính bài phân-vương. [14]

—6. **Cơ-quan mưu-lược vẽ bầy** : bàn đặt ra tổ-chức này, bầy ra mưu-kế kia —7. **Quyết bài**: nhất định theo nước bài— 8. **Sơn-pha**: miền núi— 9. **Cuồng-lan** : sóng dữ —10. **Cát-dinh, Động-hải** : *Cát-dinh*, tên riêng một đồn thuộc Quảng-trị, *Động-hải*, nay là Đồng hới, tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-bình — 11. **Quân-quan** : quân nhà Trịnh (vua Lê) 12. **Tây** : Tây-sơn — 13. **Tràng-lũy** : tức là lũy Thầy ở Quảng-bình — 14. **Bài phân-vương** : chước chia đất làm vua.

2.— Lời giải.— *Nguyễn-Nhạc ở phía Nam biết rõ tình hình ở Bắc-hà, đã có ý đem quân ra đánh. Lại nhân dịp được Nguyễn-Hữu-Chỉnh, người Nghệ-an, trước đỗ hương-cống (cũng như cử-nhân) và theo giúp quận Huy Hoàng-Đình-Bảo, vào hàng và bầy mưu-kế.*

Nguyễn-Nhạc bèn sai em là Nguyễn-Huệ, rể là Võ-Văn-Nhậm và Nguyễn-Hữu-Chỉnh đem quân ra lấy Thuận-Hóa (1786).

Nguyễn-Huệ lấy xong Thuận-hóa, còn e dè, muốn đóng đồn ở lũy Trường-dục (thuộc Quảng-bình) để giữ. Hữu-Chỉnh khuyên thừa thế đánh ra Bắc. Nguyễn-Huệ liền sai Chỉnh làm tiên-phong đem thủy-quân qua cửa Đại

Khéo dâu Chỉnh lại đưa đường,
Rằng :« Trong sự thế chi nhường cho ai ?
« Tướng-công uy nhức bên trời,
« Này cơ phá trúc [15] hẳn mười chẳng xa.
« Bấy lâu họ Trịnh gian-tà,
« Binh kiêu, dân oán ắt là bại-vong. [16]
« Uy trời ai giám tranh-phong, [17]
« Hãy xin thừa thắng ruổi giong cõi ngoài. »
Phải chăng, Huệ mới nghe lời,
Lại cho Nguyễn-Chỉnh lĩnh bài tiên-phong.
Lá buồm theo ngọn gió đông,
Vượt qua cửa bể vào sông Vị-hoàng.
Quân-dung [18], dâu mới lạ nhường !
Mão mao, áo đỏ chật đường kéo ra.

3. - Chúa Trịnh-Khải bị bắt

Bụi hồng mờ mịt kinh-hoa, [1]

---

au và đánh vào đồn lương của quân Trịnh trên sông Vị-hoàng (Nam-định). Ở kinh-thành, chúa Trịnh còn lúng-túng chưa thu xếp xong thì quân Tây-sơn đã đóng ở Vị-hoàng. Quân Tây-sơn đội mũ lông, mặc áo đỏ, kéo đầy đường đến cửa Lược (tỉnh Hưng-Yên).

-- 15. **Cơ phá trúc :** dịp đánh được giặc dễ dàng như chẻ cây trúc -- 16. **Bại-vong :** thua và mất — 17. **Tranh-phong :** đối chọi, đương đầu — 18. **Quân-dung :** dáng ăn mặc của quân-lính.

3. --- CHÚ-THÍCH. — 1. **Bụi hồng, kinh hoa** : *Bụi hồng* là cát bụi màu hồng, chỉ sự giặc dã, *kinh-hoa* là kinh-đô (Thăng-long)

Lục-môn, Thúy-ái [2] gần xa tan tành.
Quyết liều Trịnh mới thân-chinh, [3]
Tây-luông [4] giáp trận, quân minh đảo qua [5].
Nài voi [6] toan trở lại nhà,
Cờ Tây-sơn đã mở ra đầy thành.
Qua Hạ-lôi [7] rắp [8] lánh minh,
Giữa đường gặp dứa phụ-tình [9] bắt ra.

— 2. **Lục-môn, Thúy-ái :** *Lục-môn* (cửa Luộc) tên riêng sông chảy qua Tiên-lữ, Hưng-yên, *Thúy-ái* là tên bãi sông ở huyện Thanh-trì, Hà-đông — 3. **Thân-chinh :** tự mình cầm quân đi đánh — 4. **Tây-luông** : bến trên sông Nhị-hà, ở bắc thành-phố Hà-nội (nay là thẳng phố Tràng-tiền)— 5. **Đảo qua** : quay ngọn đào (không chịu đánh giặc) — 6. **Nài voi :** dùng búa mà sai khiến voi — 7. **Hạ-lôi :** tên làng thuộc phủ Yên-lãng (Phúc-yên) trên tả ngạn sông Nhị-hà — 8. **Rắp** : định, toan — 9. **Phụ-tình** : Nguyễn-văn-Tràng nghe lời thầy học, nhận dấu Trịnh-Khải trong nhà, sau biết là chúa Trịnh, liền bắt đem nộp cho Tây-sơn để lấy thưởng.

3. — **Lời giải.**— *Quân của Nguyễn-Huệ phá tan quân Trịnh ở Lục-môn (cửa Luộc, tỉnh Hưng Yên), ở bãi Thúy-ái (huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông) và ở Vạn-xuân (cũng thuộc Hà-đông) rồi kéo vào kinh-thành.*

Trịnh-Khải cưỡi voi ra đốc quân ở bến Tây-luông (đốc Hàng Than, Hà-nội), nhưng quân Trịnh quay giáo không chịu đánh. Lúc quay về thành, thì quân Tây-sơn đã lấy mất thành.

Trịnh-Khải chạy về phía Bắc, qua sông Nhị-hà, đến làng Hạ-lôi (thuộc phủ Yên-lãng, Phúc-yên) thì bị tên Nguyễn-Văn-Tràng đánh lừa, bắt đem nộp Tây-sơn.

Giải về đến làng Nhật-chiêu (nay là Nhật-tân ở phía bắc Hồ-Tây) thì Trịnh-Khải tự-tử (1786).

4. — Nguyễn-Huệ trả quyền Lê-Hiển-Tông

Ngụy Tây vốn kẻ hung-tà, [1]
Còn e người chốn Bắc-hà khó xong.
Phủ Lê có biểu mật-phong, [2]
Mặt ngoài trung-nghĩa, trong lòng gian-phi.
Hiển-tông tuổi tác đã suy, [3]
Nghe tin binh-biến [4] biết gì là đâu.
Vừa khi Nguyễn-Huệ vào hầu,
Vấn-an [5] lại kể gót đầu [6] đinh-ninh.
Rằng: « Nghe họ Trịnh cường-hoành, [7]
« Vậy đem quân nghĩa quét thanh bụi-trần.
« Chủ-trương mừng thấy đông-quân. [8]
« Thái-bình cây cỏ được nhuần [9] hơi mưa. »
Phúc lành chúc chữ cưu-như. [10]
Của tin mấy quyển đồ-thư [11] dâng vào,
Bệ rồng ban chiếu tinh-bao, [12]
Gia phong Nguyễn-Huệ đương-trào quốc-công. [13]

---

4. CHÚ-THÍCH. — 1. **Hung-tà** : ác và gian 2. **Phủ-Lê... mật phong** : Nguyễn-Huệ tâu mật với vua Hiển-tông rằng mình lấy danh nghĩa là giúp Lê diệt Trịnh — 3. **Suy** : yếu — 4. **Binh biến** : chiến-tranh — 5. **Vấn-an** : hỏi thăm — 6. **Gót-đầu** : đầu đuôi — 7. **Cường-hoành** : ngang ngược — 8. **Đông-quân** : mặt trời, chỉ vua — 9. **Nhuần** : thấm thía, Ý nói vua Lê lấy lại chính-quyền thì dân gian và Nguyễn-Huệ được hưởng ơn mưa móc — 10. **Cửu-như** : trong Kinh-thi có bài chúc-tụng của bề tôi dâng vua, trong có chín chữ *như* (hưởng phúc thọ *như* núi, *như* gò, *như* đỉnh núi, *như* nước sông v.v.). Ý nói Nguyễn-Huệ lấy lễ bầy tôi mà chúc vua Lê — 11. **Đồ-thư**: sổ sách kê số đinh trai tráng) và số điền (ruộng đất) — 12. **Tinh bao**: khen ngợi — 13 **Đương trào Quốc-công**: tước Quốc-công trong triều-đình (nhà Lê) bấy giờ.

Ngọc-Hân [14] vừa trạc đào hồng, [15]
Ep duyên kim - cải [16] kết lòng sài-lang, [17]
Đương cơn đỏng bác [18] ngổn ngang,
Thực-hư [19] chửa tỏ, biến-thường ai [20] tin,
Hơi tàn gần trở gót tiên,
Lại với Nguyễn-Huệ gửi quyền quốc - gia. 1860
Một hai xin trở về nhà,
Bóng đèn, tiếng búa [21] giám là di-duyên. [22]

–14 **Ngọc-Hân** : tên riêng công-chúa. con gái vua Lê-Hiển-Tông– 15. **Trạc đào hồng** : độ quả đào vừa đỏ, tuổi con gái lấy chồng –16 **Kim-cải** : duyên vợ chồng – 17. **Sài-lang** : chó sói tàn ác; tác giả bài ca thiên về nhà Nguyễn, nên dùng những danh-từ quá-đáng và bất-công để chỉ Tây-sơn – 18. **Đỏng-bác** : giáo mác ; chỉ sự loạn-lạc– 19. **Thực-hư** : sự có và sự không– 20. **Biến thường** : việc bất-thường và việc thường– **Bóng đèn, tiếng búa**: vua Tống-Thái-Tổ (nước Tầu) trước khi chết gọi riêng em vào dặn bảo, mọi người lui ra xa. chỉ trông thấy bóng đèn và nghe thấy tiếng búa. Ý nói lúc vua hấp hối đối đãng việc nước – 22. **Di-duyên:** cầu thân với nhà quyền-quý.

4.– Lời giải.– *Bấy giờ vua Lê-Hiển-Tông đương ốm không giậy được. Nguyễn-Huệ vào chầu, bày lẽ đem binh diệt Trịnh phò Lê, chứ không có ý dòm ngó ngôi vua.*

Vua Lê mừng rỡ, sai thiết triều. Nguyễn Huệ dâng sổ dinh, sổ điền. Hiển-Tông ban khen, phong Nguyễn-Huệ làm Nguyên-soái Uy-quốc-công và gả công-chúa Ngọc-Hân cho.

Chẳng bao lâu, Hiển-Tông hấp hối, cho gọi Nguyễn-Huệ vào cung để giao-phó công việc. Nguyễn Huệ giữ ý cáo-từ không đến.

Hiển- Tông mất, cháu vua là Duy-Kỳ lên ngôi, đặt niên-hiệu là Chiêu-Thống (1787).

5 — Quân Tây-sơn rút về Nam

Bảo-thành [1] kinh-lý [2] đã yên,
Ngôi-cao phó lại cháu hiền thừa gia. [3]
Duy-Kỳ nối giữ nghiệp nhà,
Cải nguyên Chiêu-Thống mới là sơ-niên. [4]
Huệ còn lưu ở Long biên, [5]
Anh là Nguyễn-Nhạc theo miền lại ra.
Rước mời ngày tiếp đôi ba,
Bệ-tử [6] Nhạc mới lân la tự-tình : 1870
Đất, dân đâu cũng triều-đình, [7]
Giao-lân [8] rồi sẽ cất mình Nam-qui. [9]
Nửa đêm ám-hiệu cuốn kỳ [10],
Bao nhiêu tài-hóa [11] chuyển về sạch không.

---

5. —CHÚ THÍCH. — 1. **Bảo-thành** : thành qui, kinh đô — 2. **Kinh lý** : sửa trị — 3. **Thừa gia** : nối nghiệp nhà. Hiền-Tông mất, cháu là Duy-Kỳ lên nối ngôi — 4. **Sơ niên** : năm đầu (1787) — 5. **Long-biên** : ý nói Thăng-Long — 6. **Bệ-tử** : từ giã vua. — 7. **Đất dân... triều-đình** : vua Chiêu-Thống muốn nhường cho Nguyễn-Nhạc mấy quận để khao quân, Nhạc từ chối không nhận, nói rằng nếu là đất của họ Trịnh thì một tấc gang cũng không để lại, nhưng mà đất của nhà Lê thì một tấc cũng không giám lấy — 8. **Giao lân** : giao thiệp giữa hai nước láng diềng — 9. **Nam qui** : về Nam — 10. **Ám-hiệu cuốn kỳ** : ra hiệu ngầm đem quân về — 11. **Tài-hóa** : của cải.

5 — Lời giải. — *Năm đầu niên hiệu Chiêu-Thống (1787), Nguyễn-Huệ đương đóng quân ở Thăng-long thì anh là Nguyễn-Nhạc, sợ em đi xa lâu sinh biến, liền cùng 500 dũng-sĩ đi suốt ngày đêm ra Bắc.*

Vua Lê-Chiêu-Thống sai người ra đón mời. Mấy hôm sau, vua lại sang phủ-đường làm lễ tương-kiến. Vua xin

Bỏ Nguyễn-Chỉnh ở Thăng-long,
Cũng toan cắt cánh mở lồng [12] với ai.
Về quê Chỉnh mới giả bài, [13]
Rằng vàng mật-chỉ [14] hồi-sai [15] đất nhà.
Mộ quân hương-dõng [16] đem ra,
Ngoài là chống giặc, trong là giữ kinh. 1880

6.— Triều-đình vua Lê-Chiêu-Thống

Cựu-thần [1] mấy kẻ công-khanh, [2]
Thoái-hưu [3] để việc miếu-đinh [4] cho ai?
Tân-khoa [5] còn có một hai,
Bùi-Dương, Trần-Án cũng người trung-trinh.

---

cắt đất để khao quân Tây-sơn. Nguyễn-Nhạc từ-chối chỉ xin vua giữ tình giao-hiếu giữa Bắc và Nam.

Anh em Tây sơn ghét Nguyễn-Hữu-Chỉnh là người giảo-quyệt, nên mật truyền đêm 17 tháng 8, kéo quân về Nam, ý muốn để người Bắc giết Nguyễn-Hữu-Chỉnh. Sáng hôm sau, Chỉnh thấy quân Tây-sơn đã về cả, hoảng sợ, bỏ cả đồ-đạc, xuống thuyền, chạy về Nghệ-an thì kịp quân Tây-sơn.

Nguyễn-Nhạc dành cho Chỉnh ở lại với tướng Tây-sơn giữ đất Nghệ-an. Chỉnh nói dối là có mật-chỉ của vua Lê, để đi mộ quân-lính trong vùng.

12. **Cắt cánh mở lồng:** bỏ mặc mà không để cho cách gì để tự-vệ 13. **Giả bài :** giả kế — 14 **Mật chỉ**: lệnh bí mật của vua— 15. **Hồi sai** : ủy nhiệm về, vua sai về làm việc gì— 16. **Hương-dõng** : lính mộ trong hạng trai tráng vùng quê.

6.— CHÚ-THÍCH.— 1. **Cựu-thần** : bề tôi cũ— 2. **Công-khanh** : quan to trong triều— 3. **Thoái-hưu :** xin về nghỉ— 4. **Miếu-đinh :** nơi vua ở và thiết triều-đình — 5. **Tân-khoa** : người mới thi đỗ.

Cùng nhau phụng sắc triệu-binh, [6]
Thổ-hào củ-tập [7] vào kinh hộ-tùy. [8]
Phân-vân tranh-lập [9] nhiều bề,
Kẻ phò Trịnh-Lệ, người suy [10] Trịnh-Bồng.
Yến-đô lại cứ tập-phong, [11]
Những mưu phò Trịnh, quên lòng tôn Lê.1890
Mậu-Xưng, Tích-Nhưỡng kể chi,
Phùng-Cơ còn biết thị-phi [12] nhẽ thưởng.
Trách thay Trọng-Tế họ Dương,
Cũng trong khoa-bảng, [13] cùng phường đai-cân. [14]
Sao không biết nghĩa quân-thần [15]
Bầy mưu phế-lập [16] sắp quân vây thành.
Non sông còn mặt triều-đình,
Bạc đen [17] xem thấy nhân-tình mà ghê,

---

6. **Phụng-sắc triệu-binh :** nhận lệnh vua đi mộ quân— 7. **Thổ-hào củ-tập** : người có quyền thế ở các vùng hội họp — 8. **Hộ tùy :** đi theo để giúp đỡ (vua) 9. — **Tranh-lập :** tranh nhau để phù lập — 10 **Suy** : tôn lên — 11. **Yến-đô.. tập-phong :** Trịnh-Bồng tự xưng là Yến-đô-vương để nối nghiệp nhà Trịnh— 12. **Thị-phi :** điều phải, điều trái —13. **Khoa bảng :** người đỗ đạt — 14 **Đai-cân** kẻ làm quan (đeo đai và đội mũ)— 15 **Quân-thần** : vua tôi— 16. **Phế lập** : bỏ vua này lập vua khác — 17. **Bạc đen** : trắng-đen, lòng người thay đổi, đương trắng hóa đen.

6.— Lời giải. — *Khi quân Tây-sơn đã rút về Nam rồi, quyền-binh ở trong tay vua Lê-Chiêu-Thống. Nhưng Chiêu-Thống là người nhu-nhược. Các quan cũ nhà Lê lại xin về hưu cả, chỉ có mấy người mới đỗ Tiến-sĩ, như Trần-Danh-Án và Bùi-Dương-Lịch giúp vua triệu-tập những thổ-hào về giữ kinh-thành.*

7. — Nguyễn-Hữu Chỉnh chuyên-quyền

Lê-hoàng [1] căm giận nhiều bề,
Mật-thư [2] sai sứ đưa về Nghệ-an.
Chỉnh xưa tuy giả mưu-gian, [3]
Được thư rầy mới nở gan anh-hùng.
Hịch bay [4] đâu cũng nức lòng,
Tứ Thành tứ Đột [5] quân ròng [6] hơn muôn. [7]
Dặm trường [8] thẳng ruổi chinh-an, [9]
Nghệ, Thanh quét sạch mấy đoàn kiến ong. [10]
Yến-đô sức yếu thế cùng,
Theo Dương-Trọng-Tế qua vùng Bắc-ninh.
Đại-quân tiến đến kinh-thành.

Trong triều bấy giờ, chỉ bàn cãi suông và chia bè đảng để lập lại đòng dõi họ Trịnh. Sau Đinh-Tích-Nhưỡng ép vua phải phong Trịnh-Bồng làm Yến-đô vương.

Vua Lê không còn uy-tín gì. Bề tôi cũ là Dương-Trọng-Tế xé sắc của vua, bàn với Trịnh-Bồng bỏ Chiêu-Thống để lập người khác rồi sai Nguyễn-Mậu-Nễ đem quân vây thành. Hoàng-Phùng-Cơ sai người trèo thành ra mắng, lũ Mậu-Nễ mới lui quân. (chữ Nễ và chữ Xưng gần giống nhau nên lầm).

7. —CHÚ THÍCH. — 1. **Lê-hoàng** : vua Lê-Chiêu-Thống _ 2. **Mật-thư** : thư riêng -- 3. **Mưu-gian** : Hữu-Chỉnh trước vẫn nói dối có lệnh của vua Lê về mộ quân ở Nghệ-an — 4. **Hịch bay** : tờ hịch (lời tuyên-cáo của vua) đi nhanh như bay— 5. **Tứ Thành tứ Đột** : Nguyễn-Hữu-Chỉnh chia quân ra làm tám đội, bốn đội lấy tên là Thành, bốn đội lấy tên là Đột — 6. **Quân ròng** : quân tinh-nhuệ — 7. **Muôn** : một vạn— 8. **Dặm trường** : đường dài — 9. **Chinh-an** : yên ngựa đi đánh giặc — 10. **Kiến ong** : giặc nhỏ, chỉ quân lính của Trịnh-Bồng trấn đất Nghệ-Thanh, bị quân Nguyễn-Hữu-Chỉnh đánh tan ngay.

Long-tân [11] ngự-duyệt [12], đại-đình [13] thưởng-công.
Loan-thư [14] ban trước thềm rồng [15], 1910
Cha phong Bằng-quận, con phong tước hầu. [16]
Trăm quan ngôi thứ ở đầu,
Cánh vày sum-họp, phủ-lầu [17] nghênh ngang.

— 11. **Long-tân:** bến Tây-long hay Tây-luông (thẳng phố Tràng-Tiền bây giờ) ở Hà-nội —12. **Ngự duyệt** : vua duyệt binh —13. **Đại-đình :** sân lớn trong triều-đình —14. **Loan thư :** giấy có vẽ chim loan, chiếu nhà vua — 15. **Thềm rồng** : nơi vua thiết-triều — 16. **Bằng quận, tước hầu** : Nguyễn-Hữu-Chỉnh được vua Lê phong làm Bằng-quận-công, con Chỉnh được phong hầu — 17. **Phủ-lầu** : nhà gác, dinh quan ở.

7. — Lời giải. — *Vua Chiêu-Thống tức giận mật sai người về Nghệ-an gọi Nguyễn-Hữu-Chỉnh. Chỉnh liền làm hịch truyền đi các nơi, mộ ngay được hơn vạn quân chia thành cơ-đội rồi tự mình đem ra Bắc.*

Chỉnh đánh tan quân của trấn-thủ Nghệ-an và Thanh-hoá. Trịnh-Bồng cùng Dương-Trọng-Tế trốn chạy sang vùng Kinh-bắc.

Chỉnh đem quân vào Đông-đô, mời vua ra duyệt.

Vua phong cho Chỉnh chức Đại-tư-đồ Bằng-quận-công, và con Chỉnh tước hầu.

Chỉnh đem vây cánh của mình đặt vào các nơi, nghênh ngang phủ-lầu. Vua Chiêu-Thống lo sợ, dân-gian ai cũng ghét Chỉnh.

ĐOẠN MƯỜI CHÍN

NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN

(1787-1802)

1. — Quân Tây-sơn ra Bắc lần thứ hai

Bốn phương lại động khói lang, [1]
Ngụy Tây [2] riêng mặt bá-vương một trời.
Nhạc, Qui-nhơn ; Lữ, Đồng-nai ;
Quảng-nam, Nguyễn-Huệ ; trong ngoài chia nhau.
Nhân cơ lại dấy qua mâu, [3]
Văn-Nhâm vâng lệnh quân-phủ [4] kéo ra.
Qua Nghệ-an, đến Thanh-hoa,
Thổ-sơn [5] giáp trận Trinh-hà [6] áp binh.
Giặc ra đến đất Ninh-bình,

---

1. — CHÚ-THÍCH. — 1. **Khói lang** : khói ngọn lửa đốt bằng phân lang, ngày xưa dùng để báo hiệu giặc đến, chỉ sự loạn-lạc — 2. **Ngụy-Tây** : giặc Tây-sơn ; tác-giả thiên về nhà Nguyễn, nên gọi Tây-sơn là giặc và sau đấy cũng không nhận thấy công to của Nguyễn-Huệ (Tây-sơn) đối với nước ta, khi phá tan quân nhà Thanh — 3. **Dấy qua mâu** : *(qua mâu* là dáo mác) dấy binh — 4. **Quân-phủ** : ấn dấu của tướng cầm quân — 5. **Thổ sơn** : tên núi ở huyện Ngọc-sơn (Thanh-hóa) — 6. **Trinh-hà** : khúc sông Mã ở huyện Mỹ-hóa (Thanh-hóa).

1. — **Lời giải**. — *Ở xứ Nam, Nguyễn-Nhạc đóng ở Qui-nhơn, tự xưng là Trung-ương Hoàng-đế, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông-định -vương ở đất Gia-định ; và*

Chỉnh đem hai vạn tinh-binh quyết-liều.
Một đêm thuyền trái buồm xiêu,
Vì con sơ-suất, đến điều thua công.

2.— Lê-Chiêu-Thống chạy

Văn-Nhâm kéo đến Thăng-long,
Lê-Hoàng thảng thốt qua sông Nhị-hà.
Bắc-ninh cũng đất dân nhà,
Bạc thay Cảnh-Thước sao mà bất-nhân! 1930
Nỡ nào quên nghĩa cố-quân, [1]
Đóng thành không rước, sai quân cướp đường.
Ngự-bào [2] cũng nhuộm mầu sương,
Nguyệt-giang, Mục-thị [3] nhiều đường gian-nguy.
Tây-binh [4] thừa-thế cùng-truy, [5]
Cha con Nguyễn-Chỉnh một kỳ trận-vong. [6]
Bắt phu canh giữ bên sông,

Nguyễn Huệ làm Bắc-Bình-vương quản-lĩnh từ đèo Hải-vân (Quảng-nam) đến Nghệ-an.

Biết rõ tình-hình ở Bắc-hà, Nguyễn-Huệ sai Võ-Văn-Nhâm ra đánh Nguyễn Hữu-Chỉnh (1787).

Võ Văn-Nhâm lấy Thanh hoá rồi ra tới sông Thanh-quyết huyện Gia Viễn (Ninh-Bình) thì gặp con Chỉnh là Nguyễn-Du đem quân đóng ở bắc ngạn sông để chống giữ. Nhâm sai quân thừa lúc ban đêm đi ngầm dưới sông kéo thuyền của Du sang nam-ngạn rồi ra hiệu súng, trong thuyền với bắn theo về phía Bắc làm cho quân của Du tan vỡ Tây-sơn thẳng tới Thăng Long.

2.— CHÚ THÍCH.— 1. **Cố quân** : vua cũ — 2. **Ngự bào :** áo vua mặc--- 3. **Nguyệt-giang, Mục-thị :** sông Cầu, và núi Mục-sơn ở phủ Yên-thế (Bắc-giang) — 4. **Tây-binh :** quân Tây-sơn — 5. **Cùng truy :** đuổi đến cùng — 6. **Một kỳ trận-vong :** cùng chết trận một lần.

Kìa Dương-Đình-Tuấn cũng mong phù-trì. [7]
Chước đâu phản-gián [8] mới kỳ,
Để cho xa-giá [9] chạy về Chí-linh.
Vội vàng chưa định hành-dinh, [10]
Mà Đinh-Tích-Nhưỡng nỡ tình đuổi theo!
Giải vây lại có thổ-hào, [11]
Lũ Hoàng-Xuân-Tú cũng đều cần-vương. [12]
Thừa-dư [13] vừa đến Thủy-đường,
Kẻ về tấu-tiệp, [14] người sang đầu-thành. [15]
Bỗng đâu thuyền bạt vào Thanh,
Nước non man-mác, quân-tình ngẩn-ngơ.

— 7. **Phù - trì :** giúp đỡ (nhà Lê) — 8. **Chước phản gián** : mưu-mô làm cho hai người đương thân thành nghi-ngờ, xa cách nhau. Võ-Văn-Nhâm dùng mưu làm cho vua Lê-Chiêu-Thống nghi ngờ Dương-Đình-Tuấn — 9. **Xa-giá** : xe vua đi — 10. **Hành-dinh** : đinh đặt ở dọc đường để vua ở, trong khi ra ngoài kinh-thành — 11. **Thổ-hào** : người có thế-lực trong vùng — 12. **Cần-vương** : giúp vua dẹp giặc — 13. **Thừa dư** : xe vua đi — 14. **Tấu-tiệp** : báo tin thắng trận — 15. **Đầu-thành**: thực lòng xin quay về theo.

2. — Lời giải. — *Vua Chiêu-Thống và Nguyễn-Hữu-Chỉnh chạy sang Bắc-ninh*

Trấn-thủ Bắc-ninh là Nguyễn-Cảnh-Thược đóng cửa thành không cho vào, lại sai dày tớ đón đường ở sông Nguyệt-đức (Sông Cầu) ăn cướp, vua phải cởi áo ngự-bào bỏ lại mới thoát được thân.

Đến làng Mục-sơn (thuộc Yên-thế, Bắc-giang) thì lướng Tây-sơn đuổi kịp. Cha con Hữu-Chỉnh bị bắt rồi sau bị giết.

Thổ-hào là Dương-Đình-Tuấn đem thổ-binh ra hộ-giá và bắt dân canh giữ bên sông Nguyệt-đức.

3.— Nguyễn-Huệ đặt chức Giám-quốc ở Bắc-hà

Văn-Nhâm tự ấy lại giở,
Võ-về sĩ-tốt,[1] đợi chờ chúa công.
Huệ sao tản-nhẫn cam lòng,[2]
Một gươm nỡ quyết chẳng dong tướng-thần.
Mới đòi hào-mục[3] xa gần,
Xem nhân-tình có mười phần thuận không?
Nguyễn-Huy-Trạc cũng hào-hùng,[4]
Một thang tiết-nghĩa[5] quyết lòng quyên-sinh.[6]

Võ-Văn-Nhâm dùng mưu làm cho vua Lê nghi-ngờ Đinh-Tuấn, bỏ mà chạy ra huyện Chí-linh (Hải-dương).

Bề tôi cũ nhà Lê là Đinh-Tích-Nhưỡng đem quân đuổi. Có bọn thổ-hào là Trần-Đình và Hoàng-Xuân-Tú cứu-thoát.

Ra đến huyện Thủy-đường thì được tin Hoàng-Nhật-Tuyền đánh được quân Tây-sơn. Tướng là Đinh-Nhã-Hành cũng đem quân về hội. Vận nhà Lê tưởng có cơ trùng-hưng.

Vua Lê sửa soạn binh-thuyền để vào Thanh-hóa. Không may gặp bão to, thuyền vua bạt vào Thanh hóa, còn thuyền Nhật-Tuyền thì bạt vào huyện Quỳnh-lưu (Nghệ-an). Nhật-Tuyền phải hàng Tây-sơn rồi sau bị giết.

3.— CHÚ-THÍCH. — 1. **Sĩ-tốt** ; quan và quân — **Tướng-thần** ; tướng giỏi ; Võ-văn-Nhâm con rể Nguyễn-Nhạc, có tiếng là giỏi cầm quân — 3. **Hào-mục** : người có danh tiếng và người đỗ-đạt — 4. **Hào-hùng** : can-đảm, mạnh mẽ — **Tráng tiết-nghĩa** : liều thuốc độc (uống để chết mà giữ cho toàn tiết-nghĩa) — 6. **Quyên-sinh** : tự-tử. Bề tôi cũ nhà Lê là Nguyễn-Huy-Trạc, không chịu để Nguyễn-Huệ ép làm biểu xin Nguyễn-Huệ lên thay nhà Lê làm vua, nên uống thuốc độc mà tự-tử.

Biết thiên-hạ chẳng thuận-tình,
Lập người giám-quốc [7] đem binh lại về.

4.— Quân nhà Thanh sang nước ta

Lê-hoàng truân-kiển [1] nhiều bề,
Mẹ con cách trở biết về nơi đâu ? 1960
Thái-tử [2] lạc tới Long-châu,
Thổ-quan [3] dò hỏi tinh đầu thủy-chung. [4]
Cứ lời đạt [5] đến Quảng-đông,
Gặp Tôn-Sĩ-Nghị cũng lòng mục-lân. [6]
Một phong biểu tấu chín lần, [7]
Càn-Long có ý ân-cần vì Lê.
Đền rồng ban ấn tử-nê, [8]
Đem quân bốn tỉnh trao về một tay.

— 7. **Giám-quốc :** coi việc nước.

3. – Lời giải.— *Nguyễn-Huệ thấy Võ-Văn-Nhâm lập được công to ở Bắc ngờ Nhâm có ý làm phản, vội dùng quân kỵ ra Thăng-long mà giết đi.*

Thấy dân tình còn mến tiếc nhà Lê, Nguyễn-Huệ liền đặt Lê-Duy-Cẩn làm Giám-quốc chủ-trương việc tế-lễ ; đặt Ngô-Văn-Sở giữ binh-quyền ở Bắc-hà và giao cho Ngô-Thì-Nhậm coi việc chính-trị.

Nguyễn-Huệ lại trở về Nam.

4.— CHÚ-THÍCH. -- 1. **Truân-kiển** : gian nan không may — 2. **Thái tử** : mẹ vua (Chiêu-Thống) — 3. **Thổ quan :** quan ở vùng, quan địa-phương ở Long-châu (Tàu) —**Thủy-chung**: 4. đầu đuôi — 5. **Đạt :** đưa tới — 6. **Mục-lân :** hòa thuận với láng giềng— 7. **Chín lần:** chữ nho là *cửu-trùng*, dùng để chỉ vua, đây nói vua nhà Thanh (Tàu). — 8. **Tử-nê :** bùn đỏ, ngày xưa dùng để niêm thư của vua

Nam-quan [9] thẳng lối đường mây,
Tắt qua trấn Lạng, sang ngay sông Cầu.
Tập-công [10] phá trại Nội-hầu, [11]
Theo đường Kinh-bắc, tới dầu Nhị-giang.
Rượu trâu đâu đã sẵn sàng,
Vua Lê mừng thấy dón dàng khao binh.
Tôn-công quân lệnh túc-thanh, [12]
Tơ hào chẳng phạm, tấm thành cũng phu. [13]
Qua sông mới bắc cầu phù, [14]
Tây-luông [15] quân dóng, Đông-đô [16] ngự vào.
Quốc-vương sẵn ấn tay trao,
Truy-tùy [17] thưởng kẻ công-lao nhọc-nhằn.

—9. **Nam-quan** : ải phân địa-giới nước ta và nước Tàu, ở biên giới tỉnh Lạng-sơn — 10. **Tập công** : đánh úp, cũng như tập-kích 11. **Nội-hầu** : chức của tướng Tây-sơn, tên là Phan-Văn-Lân, bấy giờ đóng quân ở sông Cầu — 12. **Quân-lệnh túc-thanh** : kỷ-luật quân-linh nghiêm — 13. **Tấm thành cũng phu** : cũng bỏ tấm lòng thành (của Lê-Chiêu-Thống đón rước) — 14. **Cầu phù** : cầu nổi, cầu phao 15. **Tây-luông** : tên bến trên bờ sông Nhị-hà, nay là thẳng với phố Tràng Tiền — 16. **Đông-đô** : là Thăng-long (Hà-nội) — 17. **Truy-tùy** : theo vua lưu-lạc.

4. — Lời giải. — *Vua Chiêu-Thống chạy trốn sau ẩn-náu ở vùng Lạng-giang*

Bà Thái hậu (mẹ vua) đem hoàng-tử chạy sang Long-châu thuộc tỉnh Quảng-tây nước Tàu.

Quan Tàu đem việc trình tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Tôn-Sĩ Nghị, Sĩ-Nghị tâu với vua Càn-long nhà Thanh.

Vua nhà Thanh muốn nhân cơ hội chiếm nước ta, nên mượn tiếng giúp vua Lê-Chiêu-Thống cử Tôn-Sĩ-Nghị đem quân bốn tỉnh miền Nam nước Tàu (Quảng đông, Quảng-tây, Vân-nam, Quý-châu) chia làm ba đạo kéo sang (đường

5. – Triều-đình thời Lê-mạt

Bao nhiêu hào - kiệt xa gần,
Đua nhau đều đến cửa quàn đầu-thầm.[1]
Xưa sao vắng vẻ hơi tăm ?
Rầy sao hiệp-lực đồng-tâm lắm người ?
Viêm-lương[2] mới tỏ thói đời,
Dạ trong đã chán, mặt ngoài cũng khinh.
Song mà ỷ-thế[3] nhà Thanh,
Thờ-ơ với kẻ nước mình mặc ai !
Cơ-mưu những chắc lưng người,
Để cho đất nước trong ngoài mất tròng ! 1990

Tây-bắc, đường Cao-bằng và đường Lạng-sơn).

Đại-quân của Tôn-Sĩ-Nghị theo đường Lạng-sơn đánh thẳng xuống Kinh-bắc, phá trại của tướng Tây-sơn là Nội-hầu Phan-Văn-Lân, kéo đến Bồ-đề (Gia-lâm).

Ngô-Văn-Sở biết không địch nổi, rút quân về giữ ở Tam-điệp, phân-giới tỉnh Ninh-bình và tỉnh Thanh-hóa.

Khi Tôn-Sĩ-Nghị đến Kinh-bắc, vua Chiêu-Thống đem rượu thịt ra đón chào và khao quân.

Sĩ-Nghị vào Đông-đô tuyên đọc sắc của vua nhà Thanh phong cho Chiêu-Thống làm An-nam quốc-vương, rồi ban thưởng cho các tướng-sĩ.

5. – CHÚ-THÍCH. – 1. **Đầu-thầm** : thành-tâm qui-phục. – 2. **Viêm-lương** : nóng mát, lòng người lúc nóng lúc lạnh, lúc đậm đà, lúc nhạt nhẽo – 3. **Ỷ-thế** : dựa vào thế-lực.

5.– Lời giải.-- *Tướng nhà Lê lại lên, nhiều người quay về theo vua Chiêu-Thống. Nhưng vua không dùng ai chỉ dựa vào thế nhà Thanh.*

Văn-thư nhà vua đều đề niên-hiệu Càn-long (nhà Thanh), và mỗi buổi chầu xong, vua lại đi bộ sang dinh

6. — Quang-Trung đại-phá quân Thanh

Quàn Thanh đã được Thăng-long,
Một hai rằng thế là xong việc mình.
Dùng-dằng chẳng chịu tiến binh,
Nhác dường phòng-thủ, mống tình dãi-hoang. [1]
Ngụy Tây nghe biết sơ-phòng, [2]
Giả điều tạ-tội [3] quyết dường cất quân.
Dặm trường [4] nào có ai ngăn,
Thừa hư [5] tiến bức đến gần Thăng-long.
Trực-khu [6] đến lũy Nam-đồng, [7]
Quan Thanh dầu mấy anh-hùng mà đang? [8]
Vua Lê khi ấy vội vàng,
Cùng Tôn-Sĩ-Nghị sang dàng Bắc-kinh. [9]
Qua sông lại sợ truy-binh, [10]
Phù-kiều [11] chém dứt, quân minh thác oan.

Sĩ-Nghị để chầu chực. Sĩ-Nghị xử lại rất khinh-bạc.

Trong triều thì vua quan chỉ nghĩ đến báo ân báo oán, giết hại người trước đã đi theo Tây-sơn. Dân-gian chán nản mất cả trông cậy vào nhà Lê.

6. — CHÚ THÍCH — **Mống-tình đãi-hoang** : sinh lòng trễ nải — 2. **Sơ-phòng** : canh-phòng không cẩn-thận —**Tạ-tội** : xin tha tội; Nguyễn-Huệ giả sai người đưa thư ra Bắc nói rằng sẽ ra để xin tha tội —4. **Dặm trường** : đường xa —5. **Thừa hư** : nhân chỗ không giữ—6. **Trực-khu** : đuổi thẳng—8. **Dẫu... đang**: có mấy anh-hùng mà chống được— 9. **Bắc-kinh** : tức là Kinh-bắc, gồm tỉnh Bắc-ninh ngày nay— 10. **Truy-binh**: quân đuổi theo —11. **Phù-kiều** : cầu nổi, cầu phao.

6. — Lời giải.—*Quân Thanh đóng ở Thăng-long kiêu-ngạo và nhũng-nhiễu nhân-dân.*

Nguyễn-Huệ ở Phú-Xuân (Huế) biết vậy : liền tự xưng là Quang-trung hoàng-đế (ngày 25 tháng một năm Mậu-thân, 1788) rồi tự mình thống lĩnh quân thủy-bộ ra đánh

7. – Cuộc lưu-vong của Lê-Chiêu-Thống

Ngẫn ngơ đến ải Lạng-sơn,

---

giặc Thanh.

Vua Quang-Trung ra đến Nghệ-an, cho quân nghỉ 10 ngày, kén thêm binh, tất cả thành 10 vạn quân và 100 con voi.

Ngày 20 tháng chạp, ra hội với Ngô-Văn-Sở và Ngô-Thì-Nhậm ở núi Tam-điệp, cho quân-sĩ ăn tết trước và hẹn mồng bảy tháng giêng sẽ vào thành Thăng-long mở tiệc ăn mừng.

Vua chia quân thủy-bộ thẳng năm đường tiến ra Bắc, ngày 30 Tết cất binh.

Vua thân đốc quân trung-ương phá vỡ nghĩa-binh của nhà Lê ở sông Giản-thủy (thuộc Ninh-bình và Thanh-hóa) bắt sống quân Tàu ở Phú-xuyên, vây rồi phá tan đồn giặc ở Hà-hồi và Ngọc-hồi thuộc phủ Thường-tín (Hà-đông) ngày mồng 5 tháng giêng.

Quân các đạo khác cũng toàn-thắng. Nhiều tướng nhà Thanh tử-trận, trong đó có Sầm-Nghi-Đống đóng ở Đống-đa (gần Nam-đồng, nay là ngoại-ô Hà-nội) bị vây phải thắt cổ tự-tử.

Tôn-Sĩ-Nghị nghe tin, vội cùng vua Lê-Chiêu-Thống chạy trốn sang Bắc-ninh. Khi qua sông Nhị-hà, quân Tàu tranh nhau sang, cầu đổ, sa xuống sông chết đuối đầy sông.

Trưa mồng 5 tháng giêng, vua Quang-trung vào Thăng-long, áo ngự-bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Vua sai quân đuổi quân nhà Thanh đến cửa Nam-quan. Dân Tàu ở bên kia cửa quan, khiếp sợ bỏ chạy, hàng trăm dặm không có tiếng người.

Sau vua Quang-trung sai Ngô-Thì-Nhậm viết thư sang tạ lỗi và xin giảng-hòa. Vua Thanh biết không làm gì được phong vua Quang Trung làm An-nam quốc-vương.

Theo sau còn có quân-quan [1] mấy người.
Cầm tay Sĩ-Nghị than giải,
Vì mình kiển-bộ [2] nên người luống công. [3]
Nhẽ đâu lại giám bận lòng,
Xin về đất cũ để mong tái-đồ. [4]
Tôn-công cũng có tiên-trù, [5]
Đã dâng một biểu xin cầu viện-binh. [6]
Quế-lâm [7] còn tạm trú minh,
Bỗng đâu nghe chiếu nhà Thanh triệu về.
Phụng-sai [8] có sứ hộ-tùy, [9]
Sự đâu lại gặp những bề trở-nan. [10]
Sứ-thần là Phúc-Khang-An,
Đã e xa cách, lại toan dối lừa.
Dần-dà ngày tháng thoi đưa,
Lê-hoàng luống những đợi chờ Yên-kinh. [11]
Tấc-gang khôn tỏ sự-tình,
Dễ [12] xem con Tạo giúp mình hay không?
Từ khi tam-phẩm [13] gia-phong,
Mới hay Thanh-đế [14] cam lòng thế thôi.

7.— CHÚ-THÍCH — 1. **Quan-quân :** lính và quan — 2. **Kiển-bộ** : bước không may — 3. **Luống công** : mất công mà không ích gì — 4. **Tái-đồ** : mưu lại việc — 5. **Tiên-trù** : liệu trước — 6. **Viện-binh :** quân đến giúp — 7. **Quế-lâm :** tên tỉnh thuộc Quảng-tây. Tôn-sĩ-Nghị đóng quân ở đấy để chờ vua Thanh cho thêm quân sang đánh nước ta — 7. **Phụng sai :** theo lệnh vua (nhà Thanh) mà làm — 9. **Hộ tùy :** đi theo để giúp đỡ (đưa Lê-Chiêu-Thống về nước) — **Trở nan :** cản trở, khó khăn — 11. **Yên-kinh** : kinh đô nhà Thanh (Tàu) — 12. **Dễ xem** : đợi xem — 13. **Tam-phẩm** : tước quan; nhà Thanh phong cho Lê-Chiêu-Thống chức quan tam-phẩm — 14. **Thanh-đế** : vua Thanh.

Lỡ làng đến bước xa xôi,
Nhưng trong đạo chúa nghĩa tôi chẳng dời.
Lê-Hân, Lê-Quỳnh mấy người,
Như-Tòng, Ích-Hiểu cũng lời thệ-minh. [15]
Tòng-vong [16] đều kẻ trung-trinh,
Mã-đồng [17] khen cũng có tình tôn-quân. [18]
Vua Lê phút lánh cõi trần,
Non sông cách-diễn [19] mấy lần xa xa.
Binh Tây [20] nhờ Thánh-triều ta, [21]
Kẻ gần an chốn, người xa tìm về. [22]

---

15. **Thệ-minh** : uống máu ăn thề — 16. **Tòng-vong** : theo chúa chạy nạn ra ngoài — 17. **Mã-đồng** : linh dắt ngựa. Nguyễn-Văn-Quyên là người dắt ngựa cho vua Lê-Chiêu-Thống, thấy linh Tàu kéo áo vua Chiêu-Thống, liền mắng và lấy gạch đánh bọn linh Tàu, sau bị chúng xúm vào đánh gần chết — 18. **Tôn-quân** : kính trọng vua — 19. **Cách-diễn** : cách-biệt — 20, **Bình Tây** : đánh được Tây-sơn. — 21. **Thánh-triều ta** : chỉ nhà Nguyễn ; nên nhớ tác-giả viết dưới triều Nguyễn — 22. **An chốn, tìm về** : thân thuộc và bề tôi nhà Lê còn ở trong nước thì được yên ổn, kẻ ở xa thì được quay về.

7 — **Lời giải**. — *Vua Chiêu-Thống theo Tôn-Sĩ-Nghị sang Nam-ninh, rồi đến ở Quế-lâm thuộc tỉnh Quảng-tây nước Tàu.*

Sĩ-Nghị xin vua nhà Thanh cho viện-binh để đánh báo thủ.

Vua nhà Thanh cử Phúc-Khang-An thay Tôn-Sĩ-Nghị đem binh-mã chín tỉnh đưa vua Chiêu-Thống về nước.

Nhưng đến Quảng-tây, Phúc Khang-An thấy quân-thế của ta mạnh, nên có ý muốn hòa, liền tìm cớ hoãn binh và nói dối để xui vua Chiêu Thống cắt tóc ngắn và ăn mặc theo lối Tàu (1789). Chiêu-Thống nghe theo.

Sang Thanh mấy kẻ theo Lê,
Còn ai cũng động lòng quê ngậm ngùi.
Vận Lê đến thế là thôi,
Ba trăm sáu chục năm rồi còn chi ?

Phúc Khang-An lại sai đưa sứ của vua Quang-Trung sang cầu phong về Yên-kinh, nên vua nhà Thanh ra lệnh bãi binh Mùa xuân năm 1790, vua Chiêu-Thống và các quan tòng-vong vào Yên-kinh (kinh-đô nhà Thanh). Bấy giờ vua nhà Thanh đã phong vương cho Quang-Trung rồi ; vua tôi nhà Lê vẫn còn chầu chực đợi.

Đến khi vua nhà Thanh ban áo mũ quan tam phẩm cho vua Lê-Chiêu Thống và cấp cho mỗi người theo vua một thúng gạo và ba lạng bạc, vua tôi nhà Lê mới biết đã bị người Tàu lừa.

Trong bước gian-truân ấy, bọn các ông Phạm-Như-Tòng Hoàng-Ích-Hiểu, Lê-Hân, Lê-Quỳnh vân vân, vẫn một lòng trung-thành với vua Chiêu-Thống. Có người vì cương-trực bị người Tàu bạc đãi : như Lê-Quỳnh, vì không chịu cắt tóc theo lối Tàu nên bị giam cầm ; người đất ngựa cho vua Lê, Nguyễn-Văn-Quyền, vì mắng lính Tàu hỗn với vua Lê nên bị đánh gần chết. Những người ấy lại uống máu thề cố xin cho được viện-binh. Có khi vua tôi nhà Lê phục xuống đất kêu khóc với quan Tàu

Sau nhà Thanh muốn tránh cho khỏi kêu ca, đem đày mỗi người đi một nơi, chỉ còn để cho vài người ở lại hầu vua Lê-Chiêu-Thống (1791).

Năm 1792, hoàng-tử ốm chết; năm 1793, vua Chiêu-Thống buồn bã cũng ốm nặng rồi chết; năm 1799, bà Hoàng-thái-hậu mất.

Đến năm 1802, khi vua Gia-long đã đánh xong Tây-sơn, các quan cũ nhà Lê mới xin nhà Thanh đưa hài-cốt vua, thái-hậu và hoàng-tử về nước.

8. — Tổng-kết

Mới hay có thịnh, có suy,
Hang sâu, núi cả có khi đổi dời.
Trước sau tính lại trăm đời,
Có trời, có đất, có người chủ-trương. [1]
Khai-tiên [2] là họ Hồng-bàng,
Thục thay, Triệu đổi thưởng thưởng suy-di. [3]
Rồi ra hợp hợp chia chia,
Trải Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê mấy đời.
Thiếu chi chuyện vẫn đầy vơi ?
Hiếm điều đắc-thất [4], hiếm người thị-phi ? [5]
Lại còn nhiều việc tin-nghi, [6]
Sự muôn năm cũ chép ghi rành rành.
Bút son vâng mệnh đan-đình, [7]
Gác lê [8] lần giở sử xanh muôn đời.
Chuyện xưa theo sách diễn lời, [9]
Phải chăng xin dã gương Trời [10] rạng soi.

Bấy giờ bà Hoàng phi Nguyễn-Thị-Kim, vợ vua Chiêu-Thống, vẫn ẩn náu trong nước, lên ải-quan đón rước về, làm ma chay xong rồi nhịn ăn mà chết.

Nhà Lê làm vua nước ta được 360 năm (1428-1788).

8. — CHÚ THÍCH. — 1. **Chủ-trương** : đứng đầu để xếp đặt — 2. **Khai-tiên :** mở đầu — 3. **Suy-di:** thay đổi — 4. **Hiếm điều dắc-thất:** hiếm gì điều hay, điều dở — 5. **Thị-phi :** phải hay trái — 6. **Tin-nghi:** tin hay ngờ, không chắc chắn là thế nào — 7. **Đan-đình** : lầu sơn mầu đỏ, nơi vua ở — 8. **Các lê:** gác để soạn sách, xưa có người đang soạn sách thì thần Thái-Ất chống gậy bằng thân cây Lê đi vào — 9. **Theo sách diễn lời** : về nguồn gốc bộ Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca, xin xem *Tựa* và *Dẫn* của Hoàng Xuân-Hãn (Quốc-sử diễn-ca, quyển I tr. 10, 19 — 10. **Gương trời** : chỉ sự xem xét của vua (xem *lời thuật* của tác giả, quyển I, tr. 35). Viết dưới thời quân chủ chuyên-chế, tác-giả mong được vua để ý tới công việc của mình.

8. – Lời giải. – *Nước ta, trải qua trăm đời, từ Hồng-Bàng, Thục, Triệu đến Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, là một giang san có người đứng chủ-trương riêng biệt với nước khác.*

Trong thời-gian ấy bao nhiêu cuộc thay đổi, có việc phải việc trái, có người hay, người giở, cũng còn có nhiều việc nay còn nghi ngờ.

Nay cứ theo sử cũ mà diễn ra lời ca.

HẾT

ĐÍNH - CHÍNH

TRANG	GIÒNG	CHỮ IN LẦM	XIN ĐỌC LÀ
13	11	Cầu - khân	cầu-khẩn
20	28	1940	1949
25	22	về thành	về kinh thành
26	11	Di-duyên : dìu dắt...	Di - duyên : cầu thân với nhà quyền qui
36	28	Hoài-vă-vương	Hoài-Văn-Vương
39	30	Ô và L	Ô và Lý
40	7	mời đắp	mới đắp
43	23	ngược la qua	ngược, lại quày
47	24	Bach - kệ	bach-kê
—	29	Thiến-đế	Thiếu-đế
48	8	(1370–1294)	(1370--1394)
53	9	Ha - hồng tế, ngựa	Ha - hồng tế ngựa
59	10	tuổi mớ lên hai	tuổi mới lên hai
65	9	cớ sao	cớ sao ?
66	26	bị đánh theo	bị đáuh thua
67	16	Kinh - dư :	Kinh - sư :
71	13	ở cạnh trình sổ	đem trình sổ
—	—	sáu động châu Khâm	cáu động ở cạnh châu Khâm
72	25	Dỉnh-tộ	Đỉnh - tộ
73	26	thi mộ	thi một
74	25	Biện - đinh	Biện - đinh : nơi tướng ở : ý nói hàng võ
82	24	Tổng-quốc Chinh	Tổng-Quốc-Chính
88	12	Trân-ninh	Trấn-ninh
96	10	ể đoàn nôi-thu	Để đoàn nội - thụ
99	26	hình thực làm	hình-thức làm
100	21	— —	3- Phấn đương : hăng hái cố gắng
101	9	Bồ - châu	Bồ - chông,
—	12	lửa nón	lửa nóng
104	24	Đô-quân	Độ - quân
—	28	nối ngôi vua ít	nối ngôi vua
105	10	chìm nổi cho đời	chìm nổi trong đời
—	23	lại sa	Iại sai
—	27	tờ iểu	tờ biểu
106	28	chúa Trinh thi sĩ	chúa Trịnh :Thi - sĩ
112	23	dốc hàng thạn	thẳng phố tràng tiền
113	14	cưu-như	cửu như
—	28	số đinh (trai tráng)	số đinh (trai tráng)
115	3	cháu n hi thừa gia	cháu hiền thừa gia

LOẠI SÁCH XÂY DỰNG

Gồm những tác-phẩm thuộc đủ mọi ngành học-vấn có tính cách chuyên-môn, có thể làm căn-bản cho sự xây-dựng tương-lai văn-hóa của nước ta.

ĐÃ RA :

LÝ - THƯỜNG - KIỆT

(Lịch-sử ngoại-giao triều Lý)

của **HOÀNG XUÂN - HÃN**

Khổ to 14 × 22, dày 200 trang, có 3 bản đồ, 1 ảnh.

In đẹp, giấy tốt. Giá bán ở Hà-nội **28 đ**, các nơi **32đ**.

Một trang lịch-sử oanh-liệt viết tặng tất cả những người hy-sinh cho Tổ-quốc !

Một viên đá chắc thêm vào nền tảng văn-hóa nước nhà !

Một công-trình khoa-học mà đọc ham như tiểu-thuyết !

LOẠI SÁCH HỌC

Gồm những sách học soạn theo tinh-thần mới của dân-tộc và thích-hợp với sự cải-cách nền quốc-gia giáo-dục :

ĐÃ RA :

VIỆT-LUẬN

của **NGHIÊM-TOẢN**

Gồm mọi thể văn, từ tả vật, tả người, tả cảnh, kể chuyện, thư từ.., đến luận-thuyết ;

Mỗi thể có nhiều bài mẫu trích hay dịch của các văn-gia Việt-Nam và ngoại-quốc, có thể dùng làm tập đọc và chính tả ;

Mỗi thể có tóm tắt quy-tắc hành-văn và có nhiều đầu-đề sẵn dàn-bài tiện cho học trò tập-luyện và thầy giáo giảng dạy.

Tập thứ nhất : GIÁ : *Hà-nội* **8đ** — *Các nơi* **10đ**

Tập thứ hai : GIÁ : *Bắc bộ* **9đ** -- *Các nơi* **11đ**

Tập thứ ba (trọn bộ) sẽ ra tiếp ngay.

NHÀ XUẤT-BẢN SÔNG-NHỊ

19B, Hàng Bông Thợ Nhuộm - Hà-nội

SÁCH HIỂU BIẾT

VŨ-VĂN-HIỀN

Luật-khoa Tiến-sĩ

Luật-sư

Giám-đốc bộ Biên-tập

Đã ra :

Tiền vàng và tiền giấy

của VŨ-VĂN-HIỀN

Việt-nam văn học-sử I, II

của NGHIÊM-TOẢN

Hùn vốn lập hội

của NGUYỄN-HUY-MẪN

Đang in :

LIÊN-HIỆP-QUỐC

của BÙI-TƯỜNG-CHIỂU

Sẽ ra tiếp :

ĐIỆN

của BÙI-PHƯỢNG-CHI

NGUYỄN-HUỆ

của NGHIÊM-TOẢN

NHỮNG BỆNH TRUYỀN-NHIỄM

của PHẠM-KHẮC-QUẢNG

THIÊN-VĂN

của NGUYỄN-DƯƠNG-ĐÔN

HỒNG-SƠN VĂN-PHÁI

của HOÀNG-XUÂN-HÃN

NHÀ SÁCH VĨNH BẢO

CHỦ-NHIỆM : **ĐÀO-VĂN-TẬP**

46 bis, Lagrandière — Saigon

TỔNG-PHÁT-HÀNH :

Bắc-Việt : Trần-Hợp-Đức — 42, Hàng Đậu — Hà-nội

Trung-Việt : Nhà An-Xuân — 58, Lê Thái-Tổ — Huế

Cao-Mên : Đào-Trọng-Sót 1, Oknha Men — Nam-vang

PHỤ BẢN

Bản-Đồ I : Gốc nước Việt

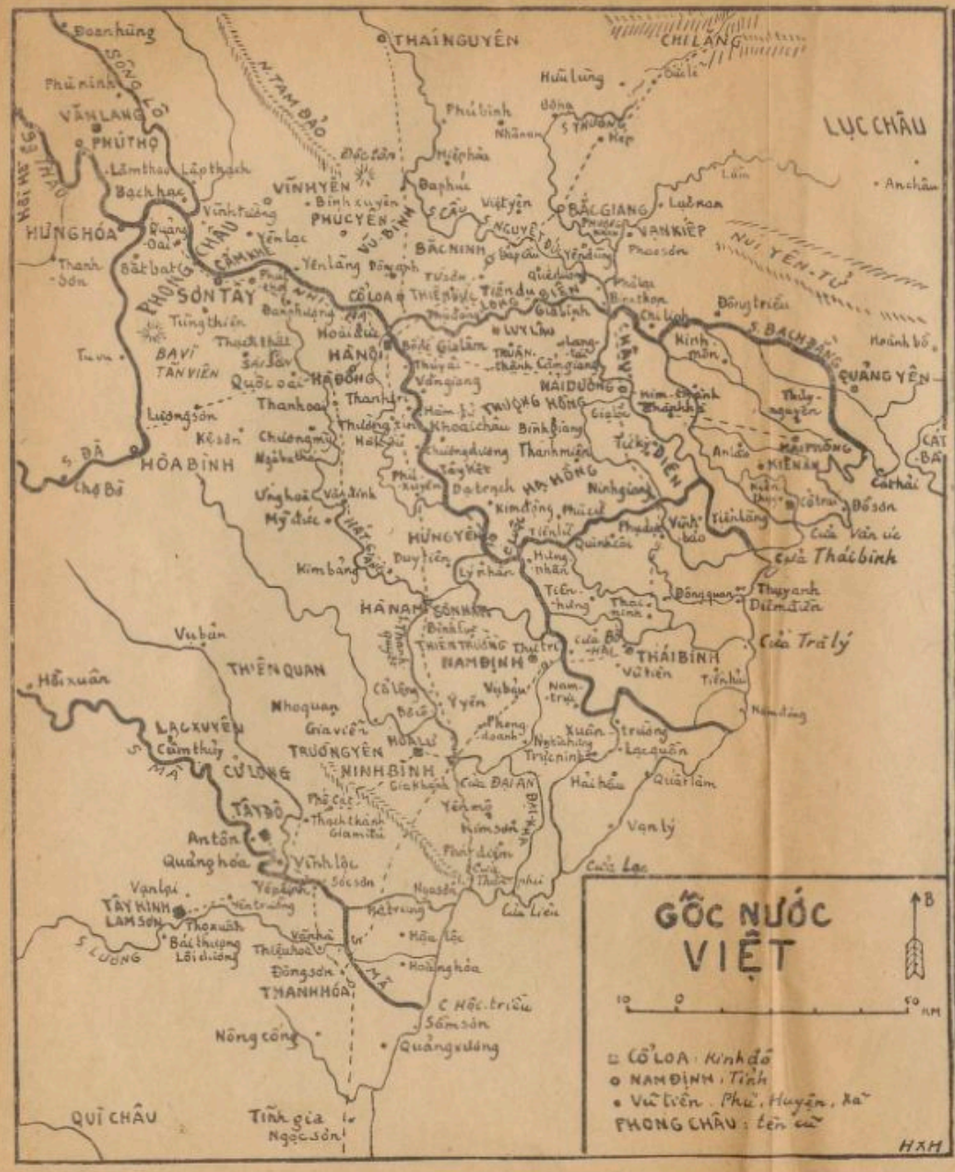
Bản-Đồ II : Việt xưa và nay

PHỤ BẢN

Bản-Đồ I : Gốc nước Việt

Bản-Đồ II : Việt xưa và nay

BẢN ĐỒ I



Sông Nhị Hà-nội

BẢN ĐỒ II



Đại-Nam Quốc-Sử Diễn-Ca

BẢN ĐỒ I



Sông-Nhị Hà-nội

NHÀ XUẤT BẢN SÔNG NHI

19B, Phố Hàng Bông Thợ Nhuộm — Hà-nội

ĐÃ RA :

Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca

của LÊ NGÔ-CÁT *và* PHẠM ĐÌNH-TOÁI

Tựa và dẫn của HOÀNG XUÂN-HÃN

Quyển I : *Từ Hồng - Bàng đến Tiền - Lê*

Giá Hà-nội : **12đ**— Các nơi : **14đ**

Quyển II : *Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn (trọn bộ)*

Giá Bắc-bộ : **16đ** — Các nơi : **18đ**

Lý-Thường-Kiệt

(lịch-sử ngoại-giao triều Lý) của HOÀNG XUÂN-HÃN

Quyển I : *Bại Chiêm phá Tống*

Giá Hà-nội : **28đ**—Các nơi : **32đ**

Việt-Luận

(lớp nhì, lớp nhất tiểu-học, năm thứ nhất, thứ nhì Trung-học phổ-thông) của NGHIÊM-TOẢN

Tập I : Giá Hà-nội : **8đ** — Các nơi : **10đ**

SẼ RA :

Việt-Luận *tập II và III (trọn bộ)*

của NGHIÊM-TOẢN

Lý-Thường-Kiệt *quyển II (trọn bộ)*

của HOÀNG XUÂN-HÃN

Danh-từ chuyên-môn *(chính-trị, ngoại-giao, kinh-tế, tư-pháp) của* VŨ-VĂN-HIỀN NGUYỄN-HUY-MẪN *và* BÙI-TƯỜNG-CHIỂU

Thư-từ và ngân-phiếu xin đề :

bà NGUYỄN - THỊ - QUYÊN

19B, Phố Hàng Bông Thợ Nhuộm — Hà-nội

GIÁ BÁN : *Bắc-bộ*, **16đ**. – *Các nơi*, **18đ**

IN TẠI NHÀ IN NGỌC-HƯNG HÀ-NỘI